

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT



HỒ SƠ SỐ 06

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH: KỸ THUẬT ĐIỀU KHIỂN VÀ TỰ ĐỘNG HÓA

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Hà Nội, tháng 6 năm 2019

BẢNG TỔNG HỢP PHÂN CÔNG ĐẦU MỐI, HÌNH THỨC, CÔNG CỤ LẤY Ý KIẾN PHẢN HỒI CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

TT	Các hoạt động khảo sát	Đầu mối triển khai (ghi lại tên đúng với tên bộ phận chức năng được Trường giao nhiệm vụ)					Hình thức (Phiếu, phỏng vấn, online, hội thảo, v.v)	Thời gian triển khai (liệt kê các thời điểm)	Tên văn bản hướng dẫn lấy ý kiến (nếu ban hành)	Tên minh chứng (nếu có kèm theo BC TĐG)
		Phòng KT-ĐBCL	Phòng Đào tạo	Phòng công tác sinh viên	Khoa Cơ điện	Đơn vị khác (ghi tên)				
1	Lấy ý kiến người học về môn học/hoạt động giảng dạy của giảng viên		X		X		Phòng: online	Năm học 2015-2016; 2016- 2017	Số 224/KH-MĐC ngày 12/07/2016	H04.04.02.06
							Khoa: Phiếu khảo sát	01/07/2018-05/01/2019		
2	Người học đánh giá chất lượng đào tạo của CTĐT trước khi tốt nghiệp			X	X		Phiếu khảo sát	Phòng: 08/09/2016-3/02/2017	Số 830/KH-MĐC ngày 08/07/2015	H01.01.02.03
								Khoa: 15/07/2015-10/03/2016		
3	Khảo sát tình hình việc làm của người học sau khi tốt nghiệp				X	Trung tâm hỗ trợ sinh viên	Trung tâm: online	31/08/2016-24/10/2016		H11.11.03.02
							Khoa: Phiếu khảo sát	01/07/2018-05/01/2019		
4	Khảo sát lấy ý kiến của nhà sử dụng lao động về sinh viên tốt nghiệp (trong đó có khảo sát sự hài lòng)				X	Trung tâm hỗ trợ sinh viên	Phiếu khảo sát	Trung tâm: T12/2016	Số 69/KH-MĐC ngày 24/01/2018	H10.10.06.03
								Khoa: 01/07/2018-05/01/2019		
5	Khảo sát để xây dựng, rà soát mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT				X	Phòng công tác	Phiếu khảo sát	Phòng: 08/09/2016-3/02/2017	Số 830/KH-MĐC ngày	H01.01.02.03

TT	Các hoạt động khảo sát	Đầu mối triển khai (ghi lại tên đúng với tên bộ phận chức năng được Trường giao nhiệm vụ)					Hình thức (Phiếu, phỏng vấn, online, hội thảo, v.v)	Thời gian triển khai (liệt kê các thời điểm)	Tên văn bản hướng dẫn lấy ý kiến (nếu ban hành)	Tên minh chứng (nếu có kèm theo BC TĐG)
		Phòng KT-ĐBCL	Phòng Đào tạo	Phòng công tác sinh viên	Khoa Cơ điện	Đơn vị khác (ghi tên)				
						sinh viên		Khoa: 15/07/2015-10/03/2016	08/07/2015	
5.1	Lấy ý kiến của sinh viên về mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT				X	Phòng công tác sinh viên	Phiếu khảo sát	Phòng: 08/09/2016-3/02/2017	Số 830/KH-MĐC ngày 08/07/2015	H01.01.02.03
								Khoa: 03/011/2015-25/03/2016		
5.2	Lấy ý kiến của cựu sinh viên về mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT				X	Phòng công tác sinh viên	Phiếu khảo sát	Phòng: 02/02/2017-30/03/2017	Số 830/KH-MĐC ngày 08/07/2015	H01.01.02.03
								Khoa: 03/011/2015-25/03/2016		
5.3	Lấy ý kiến nhà sử dụng lao động về mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT				X	Trung tâm hỗ trợ sinh viên	Phiếu khảo sát	Trung tâm: T12/2016		H10.10.06.03
								Khoa: 15/07/2015-10/03/2016		
5.4	Lấy ý kiến giảng viên về mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT				X		Phiếu khảo sát	Khoa: 15/07/2015-10/03/2016		H01.01.02. 05
5.5	Lấy ý kiến chuyên gia, nhà quản lý giáo dục về mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT				X		Phiếu khảo sát	Khoa: 15/07/2015-10/03/2016		H01.01.02. 05

TT	Các hoạt động khảo sát	Đầu mối triển khai (ghi lại tên đúng với tên bộ phận chức năng được Trường giao nhiệm vụ)					Hình thức (Phiếu, phỏng vấn, online, hội thảo, v.v)	Thời gian triển khai (liệt kê các thời điểm)	Tên văn bản hướng dẫn lấy ý kiến (nếu ban hành)	Tên minh chứng (nếu có kèm theo BC TĐG)
		Phòng KT-ĐBCL	Phòng Đào tạo	Phòng công tác sinh viên	Khoa Cơ điện	Đơn vị khác (ghi tên)				
5.6	Lấy ý kiến của tổ chức xã hội, nghề nghiệp về mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT				X	Trung tâm hỗ trợ sinh viên	Phiếu khảo sát	Trung tâm: T12/2016 Khoa: 15/07/2015-10/03/2016		H01.01.02. 05
6	Khảo sát để xây dựng, rà soát điều chỉnh CTĐT				X	Phòng công tác sinh viên	Phiếu khảo sát	Phòng: 08/09/2016-3/02/2017 Khoa: 15/07/2015-10/03/2016	Số 830/KH-MĐC ngày 08/07/2015	H01.01.02.03
6.1	Lấy ý kiến của sinh viên để xây dựng, rà soát điều chỉnh CTĐT				X	Phòng công tác sinh viên	Phiếu khảo sát	Phòng: 08/09/2016-3/02/2017 Khoa: 03/011/2015-25/03/2016	Số 830/KH-MĐC ngày 08/07/2015	H01.01.02.03
6.2	Lấy ý kiến của cựu sinh viên để xây dựng, rà soát điều chỉnh CTĐT T				X	Phòng công tác sinh viên	Phiếu khảo sát	Phòng: 02/02/2017-30/03/2017 Khoa: 03/011/2015-25/03/2016	Số 830/KH-MĐC ngày 08/07/2015	H01.01.02.03
6.3	Lấy ý kiến nhà sử dụng lao động để xây dựng, rà soát điều chỉnh CTĐT				X	Trung tâm hỗ trợ sinh viên	Phiếu khảo sát	Trung tâm: T12/2016 Khoa: 15/07/2015-10/03/2016		H10.10.06.03

TT	Các hoạt động khảo sát	Đầu mối triển khai (ghi lại tên đúng với tên bộ phận chức năng được Trường giao nhiệm vụ)					Hình thức (Phiếu, phỏng vấn, online, hội thảo, v.v)	Thời gian triển khai (liệt kê các thời điểm)	Tên văn bản hướng dẫn lấy ý kiến (nếu ban hành)	Tên minh chứng (nếu có kèm theo BC TĐG)
		Phòng KT-ĐBCL	Phòng Đào tạo	Phòng công tác sinh viên	Khoa Cơ điện	Đơn vị khác (ghi tên)				
6.4	Lấy ý kiến giảng viên để xây dựng, rà soát điều chỉnh CTĐT				X		Phiếu khảo sát	Khoa: 15/07/2015-10/03/2016		H01.01.02. 05
6.5	Lấy ý kiến chuyên gia, nhà quản lý giáo dục để xây dựng, rà soát điều chỉnh CTĐT				X		Phiếu khảo sát	Khoa: 15/07/2015-10/03/2016		H01.01.02. 05
6.6	Lấy ý kiến của tổ chức xã hội, nghề nghiệp để xây dựng, rà soát điều chỉnh CTĐT				X	Trung tâm hỗ trợ sinh viên	Phiếu khảo sát	Trung tâm: T12/2016		H01.01.02.05
								Khoa: 15/07/2015-10/03/2016		
7	Lấy ý kiến phản hồi của người học về thư viện và các hoạt động hỗ trợ của thư viện				X	Trung tâm thông tin – Thư viện	Phiếu khảo sát	Trung tâm: Năm 2017, 2018, 2019	Số 830/KH-MĐC ngày 08/07/2015	H09.09.02.06
								Khoa: 01/07/2018-05/01/2019		
8	Lấy ý kiến phản hồi về cơ sở vật chất, trang thiết bị, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống công nghệ thông tin								Số 830/KH-MĐC ngày 08/07/2015	

TT	Các hoạt động khảo sát	Đầu mối triển khai (ghi lại tên đúng với tên bộ phận chức năng được Trường giao nhiệm vụ)					Hình thức (Phiếu, phỏng vấn, online, hội thảo, v.v)	Thời gian triển khai (liệt kê các thời điểm)	Tên văn bản hướng dẫn lấy ý kiến (nếu ban hành)	Tên minh chứng (nếu có kèm theo BC TĐG)
		Phòng KT-ĐBCL	Phòng Đào tạo	Phòng công tác sinh viên	Khoa Cơ điện	Đơn vị khác (ghi tên)				
8.1	Lấy ý kiến phản hồi của người học về cơ sở vật chất, trang thiết bị, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống công nghệ thông tin				X	Phòng Quản trị-thiết bị	Phiếu khảo sát	Phòng: T8/2017-T9/2017 Khoa: 01/07/2018-05/01/2019	Số 830/KH-MĐC ngày 08/07/2015	H09.09.01.06 H09.09.03.08 H09.09.04.23
8.2	Lấy ý kiến phản hồi của cán bộ, giảng viên về cơ sở vật chất, trang thiết bị, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống công nghệ thông tin				X		Phiếu khảo sát	Khoa: 01/07/2018-05/01/2019		H09.09.03.08
9	Lấy ý kiến phản hồi về hoạt động hỗ trợ, phục vụ của đội ngũ nhân viên hỗ trợ		X		X		Phiếu khảo sát	Khoa: 01/07/2018-05/01/2019	Số 830/KH-MĐC ngày 08/07/2015	H07.07.03.04
10	Khảo sát và đánh giá của người học về cố vấn học tập.				X		Phiếu khảo sát	01/07/2018-05/01/2019		H07.07.02.03
11	Khảo sát về chất lượng phục vụ của PTN Tự động hóa				X		Phiếu khảo sát	01/07/2018-05/01/2019		H07.07.03.04

Số: 830 /KH-MĐC

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2015

KẾ HOẠCH
V/v tổ chức khảo sát về chương trình đào tạo và
chất lượng chuyên ngành/ngành đào tạo
Trường Đại học Mỏ - Địa chất

Thực hiện sự chỉ đạo của Đảng ủy, Ban giám hiệu Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Phòng Công tác Chính trị - Sinh viên xây dựng kế hoạch điều tra, khảo sát về chương trình đào tạo, chất lượng chuyên ngành/ngành đào tạo đối với sinh viên tốt nghiệp năm 2015, 2016 Trường Đại học Mỏ - Địa chất, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Nhằm thu nhận thông tin khách quan về sản phẩm đào tạo của Trường Đại học Mỏ - Địa chất, giúp Nhà trường có căn cứ để điều chỉnh trong công tác quản lý, tuyển sinh, đào tạo phù hợp với nhu cầu xã hội;

- Kết nối với cựu sinh viên, học viên nhằm tranh thủ tối đa sự ủng hộ về trí tuệ, tinh thần, vật chất giúp đỡ sinh viên và góp phần phát triển Nhà trường;

- Hình thức điều tra, khảo sát phong phú, đa dạng; thu nhận kết quả chính xác, phản ánh trung thực, khách quan tình trạng việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp của Nhà trường.

II. NỘI DUNG

1. Khảo sát chương trình đào tạo

- Chương trình đào tạo đáp ứng đủ yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của trình độ đào tạo đại học;

- Chương trình đào tạo đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực thị trường lao động của tổ chức xã hội nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp;

- Chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động;

- Câu hỏi mở về các ý kiến, đóng góp giúp hoàn thiện chương trình đào tạo.

2. Khảo sát chất lượng của chuyên ngành/ngành đào tạo

- Chương trình ngành/chuyên ngành đào tạo;

- Quá trình giảng dạy - học tập - nghiên cứu khoa học;

- Các hoạt động hỗ trợ đào tạo;

- Đánh giá chung;

- Một số ý kiến đóng góp về một số nội dung cụ thể sau:

+ Chương trình đào tạo cần được điều chỉnh và cập nhật theo nhu cầu thị trường lao động;

+ Ý kiến về thời lượng thực tập của sinh viên cần được tăng thêm;

- + Ý kiến về thời lượng thực hành trong chương trình đào tạo;
- + Ý kiến về thời lượng lý thuyết giảm đi;
- + Cần bổ sung các khóa hỗ trợ kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu xã hội;
- + Nhà trường cập nhật cho người học thông tin về nhu cầu sử dụng lao động;
- + Nhà trường cập nhật cho người học thông tin về nhu cầu sử dụng lao động;
- + Nhà trường phối hợp với các nhà tuyển dụng lao động tổ chức xemina cho sinh viên
- + Các nhà tuyển dụng lao động tham gia quá trình đào tạo tại Trường.

3. Phạm vi, đối tượng khảo sát

1. Đối tượng được lấy ý kiến: sinh viên tốt nghiệp năm 2015, 2016.
3. Công cụ khảo sát: Các biểu mẫu khảo sát
4. Thời gian thực hiện: Từ tháng 8/2015 - 30/6/2017

4. Hình thức khảo sát

4.1. Việc khảo sát được thực hiện theo các bước:

- Xây dựng mẫu phiếu điều tra, khảo sát (mẫu phiếu điện tử và phiếu giấy);
- Xác định đối tượng khảo sát;
- Gửi phiếu khảo sát;
- Tiếp nhận kết quả, tổng hợp, phân tích kết quả thông qua các biểu mẫu;
- Báo cáo, đánh giá kết quả khảo sát và có các kiến nghị, đề xuất.

4.2. Các hình thức khảo sát

- Khảo sát qua mạng internet: Đăng mẫu phiếu lên website trường, cung cấp đường link cho các đối tượng sinh viên tốt nghiệp truy cập và trả lời phiếu, gửi chuyển kết quả trực tiếp vào hộp thư của ban khảo sát. Việc gửi đường link có thể thông qua mạng xã hội (facebook,...), qua email hoặc tin nhắn điện thoại. Đây là hình thức triển khai chủ yếu;

- Khảo sát qua gửi thư: Gửi phiếu khảo sát trực tiếp theo địa chỉ do sinh viên cung cấp trước khi tốt nghiệp; tiếp nhận phiếu và nhập thông tin phản hồi vào các biểu mẫu khảo sát;

- Khảo sát trực tiếp qua phỏng vấn: thực hiện đối với các đối tượng sinh viên tốt nghiệp về Trường nhận văn bằng, chứng chỉ; các đối tượng tiếp tục học cao học để nâng cao trình độ thì lấy phiếu trực tiếp. Các trường hợp khác có thể lấy qua gọi điện thoại... Thông tin phản hồi được cán bộ nhập vào các biểu mẫu khảo sát.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trung tâm Hướng nghiệp và Tư vấn việc làm sinh viên

- Là đơn vị đầu mối xây dựng kế hoạch khảo sát trình Hiệu trưởng phê duyệt;
- Tổ chức thực hiện khảo sát để xây dựng chương trình đào tạo theo kế hoạch đã được phê duyệt;
- Xử lý dữ liệu, viết báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát và trình Ban giám hiệu xem xét;
- Gửi báo cáo đến các đơn vị liên quan;



- Lưu trữ dữ liệu về kết quả đã khảo sát;
- Báo cáo kết quả khảo sát theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Mở - Địa chất.

3. Phòng Đào tạo Đại học:

- Phối hợp với Trung tâm Hướng nghiệp và tư vấn việc làm sinh viên triển khai phát phiếu khảo sát trực tiếp cho sinh viên về trường nhận bằng tốt nghiệp;
- Tiếp nhận, nghiên cứu kết quả khảo sát, đề xuất với lãnh đạo Nhà trường điều chỉnh, xây dựng chương trình, ngành nghề đào tạo phù hợp cho các năm tiếp theo (nếu có).

4. Phòng Công tác chính trị - sinh viên:

- Tiếp nhận và lưu trữ dữ liệu về kết quả các đợt khảo sát để tạo hệ thống dữ liệu, phục vụ công tác đảm bảo chất lượng giáo dục của Nhà trường.

5. Phòng Quản trị - Thiết bị: có nhiệm vụ in ấn phiếu khảo sát và bàn giao cho Trung tâm hỗ trợ sinh viên khi có kế hoạch triển khai phát phiếu khảo sát sinh viên tốt nghiệp.

6. Phòng Hành chính tổng hợp: Có nhiệm vụ đóng dấu phiếu lấy ý kiến (theo mẫu đã được Hiệu trưởng phê duyệt) để tiến hành khảo sát.

Công tác khảo sát tình trạng việc làm của sinh viên tốt nghiệp là nhiệm vụ bắt buộc của năm học, vì vậy, yêu cầu sinh viên và các đơn vị liên quan thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả.

Nơi nhận:

- Các đơn vị liên quan;
- HT (để b/cáo);
- Lưu: HCTH, TTHN&TVVLSV.



**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

PGS.TS Bùi Xuân Nam

Số: 224 /KH-MĐC

Hà Nội, ngày 12 tháng 7 năm 2016

KẾ HOẠCH
V/v tổ chức khảo sát người học về chất lượng môn học
Trường Đại học Mỏ - Địa chất
Năm học 2016 - 2017

Thực hiện công văn số 7324/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 08/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo v/v hướng dẫn tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên; thực hiện Quyết định số 306/QĐ-MĐC ngày 29/3/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành “Quy định khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất” và thực hiện sự chỉ đạo của Đảng ủy, Ban giám hiệu Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Phòng Công tác sinh viên xây dựng kế hoạch triển khai lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên năm học 2016 - 2017, gồm các nội dung dưới đây:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Góp phần thực hiện Quy chế dân chủ trong Nhà trường;
- Góp phần nâng cao tinh thần trách nhiệm của giảng viên trong việc thực hiện mục tiêu đào tạo của Nhà trường, xây dựng đội ngũ giảng viên có phẩm chất đạo đức và trình độ chuyên môn cao, phong cách giảng dạy tiên tiến, hiện đại; tăng cường tinh thần trách nhiệm của người học với quyền lợi, nghĩa vụ học tập, rèn luyện của bản thân, từ đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường;
- Tạo thêm kênh thông tin để giảng viên có thể tự điều chỉnh hoạt động giảng dạy; góp phần vào công tác kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học; giúp cán bộ quản lý Nhà trường có thêm cơ sở nhận xét, đánh giá giảng viên; góp phần phòng ngừa những tiêu cực trong hoạt động giảng dạy, phát hiện và nhân rộng những điển hình tốt trong đội ngũ giảng viên.

2. Yêu cầu

- Đảm bảo truyền thống tôn sư trọng đạo và những giá trị đạo đức, văn hoá tốt đẹp của dân tộc;
- Người học hiểu rõ mục đích, ý nghĩa, tự nguyện và trung thực trong việc cung cấp thông tin;



- Thông tin phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên phải được xử lý khách quan, trung thực và được phản hồi tới các đơn vị, cá nhân theo yêu cầu của Hiệu trưởng Nhà trường;

- Giảng viên phải tôn trọng, có tinh thần cầu thị trước kết quả phản hồi từ phía người học.

II. NỘI DUNG LẤY Ý KIẾN

Nội dung lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên gồm các nội dung cơ bản sau:

1. Việc tổ chức thực hiện môn học.
2. Chương trình môn học.
3. Hoạt động giảng dạy của giảng viên.
4. Hoạt động kiểm tra đánh giá người học.

III. CÁCH THỨC TRIỂN KHAI

1. Đối tượng được khảo sát: 100% giảng viên giảng dạy các học phần trong học kỳ.
2. Đối tượng được lấy ý kiến: sinh viên hệ chính quy và hệ vừa làm vừa học.
3. Công cụ khảo sát: Các biểu mẫu khảo sát
4. Thời gian thực hiện: Từ 1/8/2016 - 30/6/2017

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Phòng Công tác sinh viên phối hợp với Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Phòng Đào tạo Đại học, các đơn vị liên quan và các Khoa/Bộ môn triển khai lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên, cụ thể như sau:

1. Phòng Công tác sinh viên

- Là đơn vị đầu mối xây dựng kế hoạch và đôn đốc các đơn vị có liên quan thực hiện công tác khảo sát.

- Tổ chức thực hiện khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học theo kế hoạch đã được phê duyệt.

- Xử lý dữ liệu, viết báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên và trình Ban Giám hiệu xem xét.

- Gửi báo cáo đến các đơn vị liên quan.

- Lưu trữ dữ liệu về kết quả đã khảo sát.

- Báo cáo kết quả khảo sát theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Mở - Địa chất.



2. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục
- Giám sát, kiểm tra các đơn vị thực hiện công tác khảo sát;
 - Tiếp nhận báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên;
 - Tiếp nhận ý kiến phản hồi của từng Khoa và Bộ môn;
 - Lưu trữ dữ liệu về kết quả các đợt khảo sát để theo dõi và phục vụ công tác đảm bảo chất lượng giáo dục của Nhà trường;

3. Phòng Đào tạo Đại học: Cung cấp đầy đủ thời khóa biểu của từng học kỳ, các dữ liệu về học phần liên quan đến hoạt động khảo sát (khi có yêu cầu).

4. Phòng Xuất bản: có nhiệm vụ in ấn phiếu khảo sát và bàn giao cho phòng Công tác sinh viên khi có kế hoạch triển khai phát phiếu lấy ý kiến từ người học.

5. Phòng Hành chính tổng hợp: Có nhiệm vụ đóng dấu phiếu lấy ý kiến (theo mẫu đã được Hiệu trưởng phê duyệt) để tiến hành khảo sát.

6. Trưởng khoa/bộ môn

- Quán triệt đến giảng viên, sinh viên về mục đích, yêu cầu, nội dung của công tác khảo sát ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên trong Trường;

- Yêu cầu giáo viên chủ nhiệm phối hợp với Phòng Công tác sinh viên khi có kế hoạch phát phiếu khảo sát của người học thuộc khoa mình đang quản lý;

7. Người học: Cung cấp các thông tin theo nội dung phiếu khảo sát một cách trung thực, khách quan và có tinh thần trách nhiệm cao.

Công tác lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên là nhiệm vụ bắt buộc của năm học, vì vậy yêu cầu sinh viên và các đơn vị liên quan thực hiện nghiêm túc, đúng thời hạn.

Nơi nhận: *Shmm*

- Các đơn vị liên quan;
- Hiệu trưởng (để b/cáo);
- Lưu: HCTH, CTSV(Hà).



PGS.TS Bùi Xuân Nam

2. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục

- Giám sát, kiểm tra các đơn vị thực hiện công tác khảo sát;
- Tiếp nhận báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên;
- Tiếp nhận ý kiến phản hồi của từng Khoa và Bộ môn;
- Lưu trữ dữ liệu về kết quả các đợt khảo sát để theo dõi và phục vụ công tác đảm bảo chất lượng giáo dục của Nhà trường;

3. Phòng Đào tạo Đại học: Cung cấp đầy đủ thời khóa biểu của từng học kỳ, các dữ liệu về học phần liên quan đến hoạt động khảo sát (khi có yêu cầu).

4. Phòng Xuất bản: có nhiệm vụ in ấn phiếu khảo sát và bàn giao cho phòng Công tác sinh viên khi có kế hoạch triển khai phát phiếu lấy ý kiến từ người học.

5. Phòng Hành chính tổng hợp: Có nhiệm vụ đóng dấu phiếu lấy ý kiến (theo mẫu đã được Hiệu trưởng phê duyệt) để tiến hành khảo sát.

6. Trưởng khoa/bộ môn

- Quán triệt đến giảng viên, sinh viên về mục đích, yêu cầu, nội dung của công tác khảo sát ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên trong Trường;

- Yêu cầu giảng viên chủ nhiệm phối hợp với Phòng Công tác sinh viên khi có kế hoạch phát phiếu khảo sát của người học thuộc khoa mình đang quản lý;

7. Người học: Cung cấp các thông tin theo nội dung phiếu khảo sát một cách trung thực, khách quan và có tinh thần trách nhiệm cao.

Công tác lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên là nhiệm vụ bắt buộc của năm học, vì vậy yêu cầu sinh viên và các đơn vị liên quan thực hiện nghiêm túc, đúng thời hạn.

Nơi nhận: *Shun*

- Các đơn vị liên quan;
- Hiệu trưởng (để b/cáo);
- Lưu: HCTH, CTSV(Hà).



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Bùi Xuân Nam

KẾ HOẠCH
KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG SINH VIÊN TỐT NGHIỆP
TẠI CÁC CƠ QUAN, DOANH NGHIỆP

I. Mục đích, yêu cầu

- Nhằm đánh giá chất lượng sinh viên tốt nghiệp với các tiêu chí cụ thể khi tham gia vào thị trường lao động và mức độ hài lòng của doanh nghiệp;

- Là cơ sở để Nhà trường điều chỉnh, đổi mới nội dung chương trình, phương pháp đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và nâng cao chất lượng sinh viên tốt nghiệp, đáp ứng nhu cầu xã hội;

- Phải đảm bảo tính khách quan, trung thực về mức độ đáp ứng của sinh viên tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ - Địa chất đang làm việc tại các cơ quan, doanh nghiệp;

- Phải đánh giá được đầy đủ về kiến thức, kỹ năng và phẩm chất cá nhân của sinh viên tốt nghiệp.

II. Phạm vi khảo sát

Các cơ quan, doanh nghiệp tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp của Trường Đại học Mỏ - Địa chất trong 5 năm gần đây.

III. Phương thức khảo sát

- Gửi phiếu khảo sát đến các cơ quan, doanh nghiệp để khảo sát;
- Cử cán bộ đến trực tiếp doanh nghiệp để khảo sát;
- Khảo sát online (tạo form trên website <http://hotrosinhvien.humg.edu.vn/> và gửi đường link cho các doanh nghiệp truy cập và trả lời phiếu).

IV. Thời gian khảo sát

- Từ 01/03 - 15/04/2018: Khảo sát;
- Từ 16/04 - 30/04/2018: Tổng hợp kết quả khảo sát và lập báo cáo.

V. Tổ chức thực hiện

Giao Trung tâm Hỗ trợ sinh viên tổ chức thực hiện; các phòng có liên quan, các khoa quản lý sinh viên và Hội cựu sinh viên phối hợp.

Nơi nhận: 

- Hiệu trưởng (để b/c);
- Trung tâm HTSV (để t/h);
- Các phòng, khoa QLSV (để p/h);
- Lưu: HCTH, HTSV₍₂₎.

K. HIỆU TRƯỞNG



PHIẾU KHẢO SÁT VỀ CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY MÔN HỌC

Tên môn học: Tự động hóa quá trình sản xuất + ĐA
Mã môn học: 4090220
Mã giảng viên: **0902-04** Họ và tên giảng viên: Nguyễn Chí Tình

Mức đánh giá	Ý nghĩa	Điểm số
1	Kém	1
2	Trung bình	5
3	Khá	8
4	Tốt	10

Bạn tích X vào ô phù hợp nhất trong bảng theo suy nghĩ của bạn về từng nội dung trong quá trình học môn này:

TT	Nội dung đánh giá	Các mức độ			
		1	2	3	4
1	Được thông tin rõ mục tiêu, nội dung và yêu cầu môn học				X
2	Được cung cấp đề cương chi tiết và tiêu chí đánh giá kết quả học tập				X
3	Được cung cấp đầy đủ thông tin về tài liệu, cách tìm tài liệu học tập và cách đọc tài liệu tham khảo				X
4	Dễ hiểu, tạo hứng thú học tập cho người học				X
5	Hướng dẫn người học tự học, làm việc nhóm và trình bày các vấn đề khoa học				X
6	Khuyến khích sự chủ động, sáng tạo của người học trong học tập				X
7	Bám sát mục tiêu, đề cương chi tiết môn học				X
8	Khoa học, rõ ràng, chính xác				X
9	Cập nhật thông tin mới				X
10	Chỉ ra các ứng dụng thực tiễn				X
11	Lên lớp đúng giờ				X
12	Dạy đủ số giờ quy định				X
13	Giảng dạy đúng thời khóa biểu				X
14	Sử dụng các hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập phù hợp, chính xác				X
15	Việc đánh giá được thực hiện công bằng và phản ánh đúng năng lực của người học				X
16	Nhiệt tình, có trách nhiệm				X
17	Bao quát được lớp học, quan tâm đến người học				X

PHIẾU KHẢO SÁT VỀ CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY MÔN HỌC

Ngày khảo sát:...../.../.....

Tên môn học:

Mã môn học: Ngành học:

Họ và tên giảng viên:

Thang đánh giá:

① = Hoàn toàn không đồng ý	② = Cơ bản không phù hợp	③ = Phân vân	④ = Cơ bản đồng ý	⑤ = Hoàn toàn đồng ý
-------------------------------	-----------------------------	--------------	----------------------	-------------------------

Bạn tích X vào ô phù hợp nhất trong bảng theo suy nghĩ của bạn về từng nội dung trong quá trình học môn này:

Nội dung đánh giá	Các mức độ				
Tổ chức thực hiện môn học	①	②	③	④	⑤
Giảng đường đáp ứng yêu cầu môn học					
Các thiết bị tại giảng đường đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập					
Bạn được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học môn này					
Chương trình môn học	①	②	③	④	⑤
Mục tiêu của môn học nêu rõ kiến thức và kỹ năng người học cần đạt được					
Thời lượng môn học được phân bổ hợp lý cho các hình thức học tập					
Giáo trình và tài liệu phục vụ môn học được cập nhật					
Môn học góp phần trang bị kiến thức/kỹ năng nghề nghiệp cho bạn					
Hoạt động giảng dạy của giảng viên	①	②	③	④	⑤
Giảng viên hướng dẫn cho bạn phương pháp học tập khi bắt đầu môn					
Phương pháp giảng dạy của giảng viên giúp bạn có tư duy phê phán					
Giảng viên tạo cơ hội để bạn chủ động tham gia vào quá trình học tập					

Giảng viên rèn luyện cho bạn phương pháp liên kết giữa các vấn đề môn học với thực tiễn					
Giảng viên sử dụng hiệu quả phương tiện giảng dạy					
Bạn hiểu những vấn đề được truyền tải trên lớp					
Giảng viên quan tâm giáo dục tư cách, đạo đức người học					
Hoạt động kiểm tra đánh giá người học	①	②	③	④	⑤
Các phương thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập phù hợp với tính chất đặc thù môn học					
Thông tin phản hồi từ kiểm tra đánh giá giúp bạn cải thiện kết quả học tập					
Nội dung kiểm tra/thi đánh giá tổng hợp được các kiến thức và kỹ năng sinh viên phải đạt theo yêu cầu					
Nhìn chung, bạn hài lòng với môn học này					

Các ý kiến đóng góp khác để giúp hoạt động dạy - học tốt hơn

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Cảm ơn những ý kiến đóng góp của bạn!

**PHIẾU KHẢO SÁT PHẢN HỒI CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP
VỀ CHẤT LƯỢNG CỦA CHUYÊN NGÀNH/NGÀNH ĐÀO TẠO**

Ngày khảo sát:...../...../...

Thân gửi: Anh/Chị tân cử nhân/kỹ sư Trường Đại học Mỏ - Địa chất

Với mục đích đào tạo sinh viên tốt nghiệp ra trường có việc làm phù hợp với ngành đào tạo và đáp ứng nhu cầu thị trường lao động, Trường Đại học Mỏ - Địa chất triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của Anh/Chị về chất lượng đào tạo của chuyên ngành/ngành đào tạo Anh/Chị vừa tốt nghiệp. Nhà trường trân trọng đề nghị Anh/Chị cung cấp thông tin theo các nội dung dưới đây bằng cách đánh dấu (X) vào ô phù hợp hoặc điền thông tin vào các khoảng trống. Chúng tôi đảm bảo các thông tin cá nhân trong Phiếu khảo sát hoàn toàn được bảo mật.

A. Thông tin cá nhân

1. Họ và tên (có thể không ghi): Năm sinh:.....

2. Giới tính: ☐ Nam ☐ Nữ Khoá học:.....Ngành học:.....

3. Năm tốt nghiệp:

Xếp loại tốt nghiệp:

☐ Trung bình ☐ Khá ☐ Giỏi ☐ Xuất sắc

4. Địa chỉ cư trú trước khi vào đại học:

Địa chỉ liên hệ khi cần:

Điện thoại:..... Fax: E-mail:

5. Thông tin về tình trạng làm việc của Anh/Chị hiện nay như thế nào?

- ☐ Đang có việc làm
☐ Chưa có việc làm
☐ Đang học lên cao, nên chưa đi làm

6. Nếu Anh/Chị đang có việc làm:

6.1. Vị trí làm việc hiện tại của Anh/Chị:

6.2. Việc làm của Anh/Chị đang đảm nhận có phù hợp với ngành đào tạo không?

☐ Không phù hợp ☐ Khá phù hợp ☐ Phù hợp ☐ Rất phù hợp

6.3. Cơ quan Anh/Chị đang công tác thuộc loại hình tổ chức nào?

☐ Nhà nước

☐ Liên doanh

☐ Trách nhiệm hữu hạn

☐ Cổ phần

☐ 100% vốn nước ngoài

☐ Phi chính phủ

Thang đánh giá:

① = Hoàn toàn không đồng ý	② = Cơ bản không phù hợp	③ = Phân vân	④ = Cơ bản đồng ý	⑤ = Hoàn toàn đồng ý
----------------------------	--------------------------	--------------	-------------------	----------------------

(Anh/Chị đánh dấu X vào ô số phù hợp nhất trong bảng theo suy nghĩ của bạn về từng nội dung trong quá trình học chuyên ngành/ngành đã học)

	Nội dung đánh giá	Các mức độ				
	Chương trình của ngành/chuyên ngành đào tạo	①	②	③	④	⑤
1	Ngành đào tạo có mục tiêu nghề nghiệp phù hợp với yêu cầu xã hội					
2	Chuẩn đầu ra của ngành đào tạo nêu rõ kiến thức, kỹ năng và phẩm chất người học cần đạt được					
3	Các môn học tích hợp được kiến thức và kỹ năng theo chuẩn đầu ra của ngành đào tạo					
4	Trình tự các môn học của ngành đào tạo được thiết lập logic					
5	Tỷ lệ giữa lý thuyết và thực hành hợp lý					
6	Chương trình có nhiều môn học tự chọn đáp ứng nhu cầu người học					
7	Chương trình có các khoá phát triển kỹ năng mềm cho người học					
8	Chương trình tích hợp phát triển các phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp cho người học					
	Quá trình giảng dạy – học tập – nghiên cứu khoa học	①	②	③	④	⑤
9	Người học có cơ hội chủ động tham gia vào quá trình học tập					
10	Người học được cập nhật các kiến thức chuyên ngành kịp thời					
11	Hoạt động giảng dạy của ngành đào tạo gắn với định hướng nghề nghiệp					
12	Người học được rèn luyện phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề					
13	Người học được rèn luyện phát triển tư duy phê phán					
14	Người học được tạo điều kiện để phát triển kỹ năng làm việc độc lập					
15	Người học được đào tạo các phương pháp liên hệ giữa các vấn đề trong					

	lý thuyết với thực tiễn					
16	Các đợt thực tập “trang bị” thiết thực kinh nghiệm nghề nghiệp cho người học					
17	Các trang thiết bị giảng dạy phù hợp được sử dụng hiệu quả					
18	Các phương thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập phù hợp với tính chất và đặc thù của từng môn học					
19	Kết quả kiểm tra đánh giá phản ánh đúng năng lực của người học					
20	Kết quả học tập được thông báo kịp thời					
21	Đại đa số giảng viên có phương pháp giảng dạy phù hợp					
22	Đại đa số giảng viên có trình độ chuyên môn cao đáp ứng yêu cầu đào tạo					
23	Hàng năm người học được giao lưu trực tiếp với Hiệu trưởng/Chủ nhiệm khoa để phản hồi các hoạt động của Trường					
Các hoạt động hỗ trợ cơ sở vật chất		①	②	③	④	⑤
24	Trường có các khoá nâng cao năng lực ngoại ngữ ngoài chương trình					
25	Trường có các khoá nâng cao trình độ công nghệ thông tin ngoài chương trình					
26	Các yêu cầu hợp lý của người học được giải quyết kịp thời					
27	Đại đa số cán bộ nhân viên hỗ trợ có trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu					
28	Thư viện cung cấp đủ giáo trình và tài liệu tham khảo cho ngành đào tạo					
29	Thư viện có đủ chỗ cho sinh viên học tập và nghiên cứu					
30	Các hoạt động ngoại khoá hỗ trợ kiến thức cho học tập và nghiên cứu					
31	Các hoạt động văn thể mỹ đáp ứng yêu cầu giải trí lành mạnh					
32	Hoạt động của Đoàn TNCS HCM và Hội sinh viên thiết thực đối với người học					
33	Người học được đảm bảo các chế độ chính sách xã hội kịp thời					
34	Cơ sở vật chất cho nghiên cứu – học tập đáp ứng yêu cầu của ngành đào tạo					
35	Phòng thí nghiệm/thực hành đáp ứng yêu cầu của ngành đào tạo					

Đánh giá chung		①	②	③	④	⑤
36	Người học được trang bị kiến thức và kỹ năng hữu ích cho nghề nghiệp					
37	Người học được bồi dưỡng về phẩm chất đạo đức nghề nghiệp					
38	Môi trường học tập đáp ứng chuẩn mực học thuật					
39	Trường Đại học Mở - Địa chất là Trường đại học tin cậy về uy tín đào tạo					
40	Trường Đại học Mở - Địa chất là Trường đại học tin cậy về uy tín nghiên cứu khoa học					
41	Sinh viên tốt nghiệp tự tin về “hành trang nghề nghiệp” được trang bị					
42	Anh/Chị hài lòng với ngành đào tạo của Trường					

Ý kiến đóng góp để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp của người học và thị trường lao động

Theo Anh/Chị những giải pháp nào sau đây đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp của sinh viên tốt nghiệp

- ☐ Chương trình đào tạo được điều chỉnh và cập nhật theo nhu cầu thị trường lao động
- ☐ Các nhà tuyển dụng tham gia xây dựng chương trình đào tạo
- ☐ Thời lượng thực tập của sinh viên cần được tăng thêm
- ☐ Thời lượng thực hành trong chương trình đào tạo của ngành được tăng thêm
- ☐ Thời lượng lý thuyết giảm đi
- ☐ Sinh viên được học khoá bổ trợ các kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu xã hội
- ☐ Sinh viên được rèn luyện các phẩm chất đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động
- ☐ Nhà trường cập nhật cho người học thông tin về nhu cầu sử dụng lao động
- ☐ Nhà trường phối hợp với các nhà tuyển dụng lao động tổ chức xemina cho sinh viên
- ☐ Các nhà tuyển dụng lao động tham gia quá trình đào tạo tại Trường
- ☐ Các giải pháp khác (ghi rõ) :

C. Các ý kiến của Anh/ Chị

Để đáp ứng nhu cầu hành nghề của sinh viên tốt nghiệp ra trường:

.....

.....

Để giúp Nhà trường đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu xã hội

.....

.....

TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!

PHIẾU KHẢO SÁT
TÌNH TRẠNG LÀM VIỆC CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ngày khảo sát:...../.... /.....

Thân gửi Anh/Chị cựu sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất

Với mục đích đào tạo sinh viên tốt nghiệp ra trường có việc làm phù hợp với ngành đào tạo và đáp ứng nhu cầu thị trường lao động, Trường Đại học Mỏ - Địa chất triển khai khảo sát về tình trạng việc làm của cựu sinh viên tốt nghiệp trong 05 năm trở lại đây. Nhà trường trân trọng đề nghị Anh/Chị cung cấp thông tin theo các nội dung dưới đây bằng cách đánh dấu (X) vào ô phù hợp hoặc điền thông tin vào các khoảng trống. Chúng tôi đảm bảo các thông tin cá nhân trong Phiếu khảo sát hoàn toàn được bảo mật.

A. Thông tin cá nhân

1. Họ và tên (có thể không ghi): Năm sinh:.....

2. Giới tính: ☐ Nam ☐ Nữ Khoá học:.....Ngành học:.....

3. Năm tốt nghiệp:

Xếp loại tốt nghiệp:

☐ Trung bình ☐ Khá ☐ Giỏi ☐ Xuất sắc

4. Địa chỉ cơ quan:

5. Địa chỉ cư trú trước khi vào đại học:

6. Địa chỉ liên hệ khi cần:

Điện thoại:..... Fax: E-mail:

B. Thông tin về tình trạng làm việc của Anh/Chị hiện nay như thế nào?

☐ Đang có việc làm

☐ Chưa có việc làm

☐ Đang học lên cao, nên chưa đi làm

7. Anh/Chị trả lời câu 7 dưới đây nếu hiện tại Anh/Chị chưa có việc làm:

a. Sau khi tốt nghiệp Anh/Chị đã từng có việc làm? ☐ Có ☐ Không

b. Lý do hiện tại Anh/Chị chưa có việc làm:

(Đánh dấu X vào tất cả các ô mô tả đúng lý do đối với Anh/Chị)

☐ Thiếu kiến thức chuyên môn

- ☐ Thiếu kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ
- ☐ Thiếu kinh nghiệm làm việc
- ☐ Thiếu thông tin tuyển dụng
- ☐ Kỹ năng ngoại ngữ chưa đáp ứng yêu cầu của vị trí tuyển dụng
- ☐ Kỹ năng công nghệ thông tin chưa đáp ứng yêu cầu của vị trí tuyển dụng
- ☐ Anh/Chị chưa có nhu cầu xin việc
- ☐ Anh/Chị đang học sau đại học

Lý do khác (xin nêu rõ):

Anh/Chị trả lời từ câu 8 đến hết Phiếu khảo sát nếu đang có việc làm:

8. Bao lâu sau khi tốt nghiệp Anh/Chị tìm được việc làm?

- ☐ Dưới 3 tháng ☐ Sau 3-6 tháng ☐ Sau 7-12 tháng ☐ Trên 12 tháng

9. Cơ quan Anh/Chị đang công tác thuộc loại hình tổ chức nào?

- ☐ Nhà nước ☐ Liên doanh ☐ Trách nhiệm hữu hạn
☐ Cổ phần ☐ 100% vốn nước ngoài ☐ Phi chính phủ

10. Vị trí làm việc hiện tại của Anh/Chị:.....

11. Việc làm Anh/Chị đang đảm nhận có phù hợp với ngành được đào tạo

không?

- ☐ Không phù hợp ☐ Khá phù hợp ☐ Phù hợp ☐ Rất phù hợp

Nếu việc làm không phù hợp, Anh/Chị cho biết những lý do nào sau đây dẫn đến việc đó?

- ☐ Không tìm được việc phù hợp
- ☐ Địa điểm làm việc không phù hợp với nhu cầu
- ☐ Chuyên môn chưa đáp ứng được nhu cầu
- ☐ Lương không phù hợp với tuyển dụng

Lý do khác (xin nêu rõ):

11. Anh/Chị tìm được việc làm thông qua con đường nào?

- ☐ Tự tạo việc làm
- ☐ Do Trường giới thiệu
- ☐ Người trong gia đình giới thiệu
- ☐ Bạn bè, người quen giới thiệu
- ☐ Thông qua quảng cáo
- ☐ Hội chợ việc làm

Khác (xin ghi rõ)

13. Mức lao động bình quân/tháng tính theo VNĐ:

☐ Dưới 2 triệu ☐ Từ 2,1 – 4 triệu ☐ Từ 4,1 – 6 triệu ☐ Trên 6 triệu

14. Kiến thức và kỹ năng được Nhà trường đào tạo có hữu ích cho vị trí hiện nay của Anh/Chị không?

☐ Không hữu ích ☐ Khá hữu ích ☐ Hữu ích ☐ Rất hữu ích

15. Sau khi tốt nghiệp để xin được việc làm, Anh/Chị đã tham dự các khoá học bổ trợ nào không?

(Đánh dấu X vào tất cả các ô mô tả khoá học Anh/Chị đã dự)

- ☐ Bổ trợ kiến thức chuyên môn
☐ Bổ trợ kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn
☐ Bổ trợ kỹ năng về công nghệ thông tin
☐ Nâng cao kỹ năng ngoại ngữ
☐ Bổ trợ các kỹ năng mềm

Khác (xin ghi rõ):

16. Sau khi được tuyển dụng, Anh/Chị đã tham gia các khoa học nâng cao nào dưới đây?

(Đánh dấu X vào tất cả các ô mô tả khoá học Anh/Chị đã dự)

	Cơ quan cử đi học	Tự học
☐ Nâng cao kiến thức chuyên môn	☐	☐
☐ Nâng cao kỹ năng nghiệp vụ	☐	☐
☐ Nâng cao kỹ năng công nghệ thông tin	☐	☐
☐ Phát triển kỹ năng ngoại ngữ	☐	☐
☐ Nâng cao kỹ năng mềm	☐	☐
☐ Phát triển kỹ năng quản lý	☐	☐
☐ Học sau đại học	☐	☐
☐ Khác (xin nêu rõ):	☐	☐

17. Anh/Chị có ý định xin chuyển việc làm khác không? ☐ Có ☐ Không

Lý do xin chuyển việc làm khác: (Đánh dấu X vào tất cả các ô mô tả là đúng lý do đối với Anh/Chị)

☐ Công việc hiện tại không phù hợp với ngành đào tạo

- ☐ Thu nhập hàng năm thấp hơn nhu cầu Anh/Chị
- ☐ Kiến thức và kỹ năng của Anh/Chị không đáp ứng được yêu cầu công việc
- ☐ Áp lực công việc quá lớn đối với Anh/Chị
- ☐ Môi trường làm việc không phù hợp với Anh/Chị
- ☐ Lý do cá nhân

Lý do khác (xin ghi rõ)

18. Theo Anh/Chị những giải pháp nào sau đây giúp sinh viên tốt nghiệp tìm được việc làm?

☐ Chương trình đào tạo được điều chỉnh và cập nhật theo nhu cầu của thị trường lao động

☐ Các nhà tuyển dụng tham gia xây dựng chương trình đào tạo

☐ Thời lượng thực tập của sinh viên tăng lên

☐ Sinh viên được học các khoá bồi trợ kỹ năng mềm đáp ứng nhu cầu xã hội

☐ Sinh viên được rèn luyện các phẩm chất cá nhân đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

☐ Trường đại học và nhà sử dụng lao động cập nhật thông tin về nhu cầu sử dụng lao động.

☐ Trường đại học phối hợp với các nhà sử dụng lao động tổ chức xemina cho sinh viên.

☐ Các giải pháp khác (ghi rõ).....

C. Các ý kiến của Anh/Chị

19. Để giúp sinh viên tốt nghiệp dễ dàng tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp:

.....

.....

.....

.....

20. Để giúp Nhà trường đáp ứng nhu cầu của nhà sử dụng lao động:

.....

.....

.....

.....

TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!

PHIẾU KHẢO SÁT
MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CỦA NHÀ SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

Ngày khảo sát:...../...../...

Trường Đại học Mỏ - Địa chất trân trọng nhờ Quý Tổ chức cho ý kiến về mức độ hài lòng của Quý Tổ chức đối với sinh viên tốt nghiệp của Trường đã và đang làm việc của Quý Tổ chức. Mọi ý kiến đóng góp của Quý Tổ chức rất quý báu trong việc cải thiện chương trình và chất lượng đào tạo của Trường nhằm đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng lao động. Chúng tôi đảm bảo các thông tin cá nhân trong Phiếu khảo sát này hoàn toàn được bảo mật.

Để thuận tiện trong câu hỏi và trả lời, chúng tôi xin dùng chung một từ “Tổ chức” cho tất cả các loại hình cơ quan, doanh nghiệp, công ty, trường học...

Tên Tổ chức:.....

Địa chỉ:

Xin Quý Tổ chức điền dấu X vào một ô phù hợp nhất cho các câu hỏi dưới đây

1. Loại hình của Tổ chức

- | | | |
|-----------------------------------|--|--|
| ☐ Nhà nước | ☐ Liên doanh | ☐ Trách nhiệm hữu hạn |
| ☐ Cổ phần | ☐ 100% vốn nước ngoài | ☐ Phi chính phủ |

2. Lĩnh vực hoạt động của Tổ chức

- | | | |
|---|---|---|
| ☐ Giáo dục phổ thông | ☐ Giáo dục đại học | ☐ Kỹ thuật |
| ☐ Thương mại | ☐ Y – Dược | ☐ Công nghệ thông tin |
| ☐ Nông lâm nghiệp | ☐ Điện lực | ☐ Tài chính, tín dụng |
| ☐ Thủy sản | ☐ Xây dựng | ☐ Du lịch, khách sạn, nhà hàng |
| ☐ Vận tải | ☐ Luật | |
| ☐ Lĩnh vực khác (xin nêu rõ):..... | | |

3. Quý Tổ chức thường xuyên tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp các ngành đào tạo nào cho các vị trí bắt đầu làm việc: (Xin đánh dấu X vào các ngành Quý Tổ chức tuyển dụng)

- | | | |
|--|---|---|
| ☐ Khoa học Tự nhiên | ☐ Khoa học xã hội & nhân văn | ☐ Văn hoá nghệ thuật |
| ☐ Công nghệ thông tin | ☐ Nông lâm nghiệp | ☐ Y – Dược |
| ☐ Xây dựng | | |

Ngành khác (xin nêu rõ):.....

4. Những vị trí mà sinh viên tốt nghiệp Trường Đại học Mở - Địa chất thường được bổ trí khi mới tuyển dụng

- ☐ Phụ việc ☐ Trợ lý ☐ Vị trí độc lập
☐ Tư vấn ☐ Quản lý ☐ Khác

5. Trung bình sinh viên tốt nghiệp Trường Đại học Mở - Địa chất làm việc tại Quý Tổ chức bao lâu?

- ☐ Dưới 6 tháng ☐ Từ 6-12 tháng ☐ Từ 2-4 năm ☐ Trên 4 năm

(Quý Tổ chức đánh dấu X vào ô phù hợp nhất ở cột bên trái để đánh giá mức độ quan trọng của từng yếu tố đối với Quý Tổ chức)

Thang đo của cột trái

- ① = Hoàn toàn không quan trọng
 ② = Không quan trọng
 ③ = Khá quan trọng
 ④ = Quan trọng
 ⑤ = Rất quan trọng

(Quý Tổ chức đánh dấu X vào ô phù hợp nhất ở cột bên phải về mức độ hài lòng của Quý Tổ chức đối với sinh viên tốt nghiệp Trường Đại học Mở - Địa chất đã và đang làm việc tại Quý Tổ chức)

Thang đo của cột phải

- ① = Rất thất vọng
 ② = Không hài lòng
 ③ = Khá hài lòng
 ④ = Hài lòng
 ⑤ = Rất hài lòng

6. Kiến thức, kỹ năng và năng lực nhiệm vụ

⑤	④	③	②	①		①	②	③	④	⑤
					6.1. Năng lực giao tiếp					
					- Nói					
					- Viết					
					- Lắng nghe					
					6.2. Năng lực ứng dụng kiến thức chuyên môn					
					6.3. Kiến thức chuyên ngành					
					6.4. Kỹ thuật sử dụng máy tính					
					6.5. Kỹ thuật tư duy logic					
					6.6. Khả năng khai thác sử dụng dữ liệu định lượng					

					6.7. Khả năng phân tích, phê phán					
					6.8. Năng lực nghiên cứu khoa học					
					6.9. Khả năng ngoại ngữ					
					6.10. Khả năng thích nghi với những thay đổi					
6.11. Trong 10 kỹ năng/năng lực trên, kỹ năng/năng lực nào quan trọng nhất đối với Quý Tổ chức (kỹ năng số mấy):.....										

7. Phẩm chất cá nhân

⑤	④	③	②	①		①	②	③	④	⑤
					7.1. Tính tự tin vào khả năng của bản thân					
					7.2. Tính kỷ luật					
					7.3. Tính độc lập					
					7.4. Tính ham học hỏi					
					7.5. Tính sáng tạo					
					7.6. Động lực làm việc					
					7.7. Kỹ năng quan hệ với đồng nghiệp và cấp trên					
					7.8. Hiểu biết về trách nhiệm nghề nghiệp					
					7.9. Biết điểm mạnh, điểm yếu của bản thân					
7.10. Trong 09 phẩm chất cá nhân trên, phẩm chất nào quan trọng nhất đối với Quý Tổ chức (kỹ năng số mấy):.....										

8. Kỹ năng và năng lực kinh doanh

⑤	④	③	②	①		①	②	③	④	⑤
					8.1. Năng lực tổ chức và điều phối nhiệm vụ					
					8.2. Năng lực nhận dạng, tổng hợp và xử lý vấn đề					
					8.3. Năng lực sắp xếp công việc theo thứ tự ưu tiên					
					8.4. Năng lực quản lý, lãnh đạo					
					8.5. Kỹ năng thuyết trình					

					8.6. Kỹ năng thương mại					
					8.7. Tính chuyên nghiệp					
					8.8. Tính chủ động					
8.9. Trong 08 kỹ năng/năng lực kinh doanh trên, kỹ năng/năng lực nào quan trọng nhất đối với Quý Tổ chức (kỹ năng số mấy):.....										

9. Mức độ Trường Đại học Mở - Địa chất chuẩn bị “hành trang” cho sinh viên tốt nghiệp làm việc?

☐ Không phù hợp ☐ Khá phù hợp ☐ Phù hợp ☐ Rất phù hợp

10. Theo quý Tổ chức, nhiệm vụ các sinh viên tốt nghiệp của Trường đang đảm nhận có phù hợp với chuyên ngành đào tạo không?

☐ Không phù hợp ☐ Khá phù hợp ☐ Phù hợp ☐ Rất phù hợp

11. Sau khi tuyển dụng, các sinh viên tốt nghiệp của Trường phải đi học thêm các khoá bồi dưỡng để có thể đảm nhận các nhiệm vụ: (Đánh dấu X vào những khoá học bắt buộc)

- ☐ Không tham dự khoá học nào
- ☐ Bồi trợ kiến thức chuyên môn
- ☐ Bồi trợ kiến thức nghiệp vụ
- ☐ Bồi trợ kỹ năng về công nghệ thông tin
- ☐ Nâng cao kỹ năng ngoại ngữ
- ☐ Bồi trợ các kỹ năng mềm

Khác (xin ghi rõ):.....

12. Theo Quý Tổ chức những giải pháp nào sau đây sẽ giúp nâng cao khả năng sinh viên tốt nghiệp đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động:

- ☐ Các nhà sử dụng lao động nhận sinh viên thực tập
- ☐ Thời lượng thực tập của sinh viên được tăng lên
- ☐ Chương trình đào tạo được xây dựng với sự tham gia của các nhà sử dụng lao động
- ☐ Sinh viên được học các khoá bồi trợ các kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu xã hội
- ☐ Sinh viên được rèn luyện các phẩm chất cá nhân đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động
- ☐ Hàng năm Nhà Trường có chương trình giao lưu trường đại học – nhà sử dụng lao động

- ☐ Hàng năm Nhà trường có khảo sát về sự hài lòng của cấp sử dụng lao động đối với sinh viên tốt nghiệp
- ☐ Các nhà sử dụng lao động cập nhật hàng năm yêu cầu về chuyên môn nghiệp vụ đối với các ngành đào tạo của Trường
- ☐ Nhà trường phối hợp với các nhà sử dụng lao động tổ chức xê-mi-na cho sinh viên
- ☐ Các nhà sử dụng lao động đặt hàng sinh viên nghiên cứu khoa học theo nhu cầu thực tiễn.

Các giải pháp khác (xin nêu rõ).....

TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!

**PHIẾU LẤY Ý KIẾN VỀ CHẤT LƯỢNG
PHỤC VỤ CỦA THƯ VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**

Ngày khảo sát:...../...../...

A. Thông tin chung

- Giới tính: ☐ Nam ☐ Nữ
- Ngành học: Khóa:
- Email liên hệ:

B. Nội dung lấy ý kiến

Để không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ của Thư viện Trường Đại học Mỏ - Địa chất, bạn hãy cho biết ý kiến của mình cho các nội dung sau đây bằng cách tích X vào ô bạn cho là phù hợp nhất, theo thang đánh giá:

- ① = Hoàn toàn không đồng ý ② = Không đồng ý ③ = Phân vân
④ = Đồng ý ⑤ = Hoàn toàn đồng ý

Stt	Nội dung lấy ý kiến	Các mức độ				
Về cơ sở vật chất và trang thiết bị của Thư viện		①	②	③	④	⑤
1	Phòng đọc của Thư viện đáp ứng yêu cầu về diện tích, chỗ ngồi					
2	Phòng đọc của Thư viện đảm bảo thoáng mát, đủ ánh sáng					
3	Hệ thống trang thiết bị của Thư viện đáp ứng yêu cầu					
4	Các trang thiết bị của Thư viện sử dụng có hiệu quả					
5	Website của Thư viện dễ khai thác					
6	Các phần mềm tra cứu tài liệu dễ sử dụng					
Về các nguồn tài liệu của Thư viện		①	②	③	④	⑤
7	Tài liệu học tập tiếng Việt đáp ứng yêu cầu					
8	Tài liệu học tập tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu					
9	Tài liệu tham khảo tiếng Việt đáp ứng yêu cầu					

10	Tài liệu tham khảo tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu					
11	Tài liệu trong các phòng đọc tự chọn của Thư viện được sắp xếp gọn gàng, dễ tìm					
12	Thông tin tra cứu tư liệu đầy đủ, rõ ràng					
13	Tài liệu điện tử của Thư viện đáp ứng nhu cầu sử dụng					
Về các quy định của Thư viện		①	②	③	④	⑤
14	Hướng dẫn sử dụng thư viện rõ ràng					
15	Quy định về thời gian mượn tài liệu phù hợp					
16	Quy định về số lượng tài liệu được mượn hợp lý					
17	Quy định về giờ mở/đóng cửa phục vụ bạn đọc hợp lý					
Về chất lượng phục vụ của cán bộ, nhân viên Thư viện		①	②	③	④	⑤
18	Cán bộ, nhân viên thư viện có thái độ phục vụ tốt					
19	Cán bộ, nhân viên thư viện hỗ trợ bạn đọc hiệu quả					
20	Cán bộ, nhân viên thư viện có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tốt					
Đánh giá chung về hiệu quả công tác phục vụ của Thư viện		①	②	③	④	⑤
21	Một cách tổng thể, bạn hài lòng với chất lượng hoạt động phục vụ của Thư viện					

Các ý kiến góp ý khác:

.....

.....

.....

.....

Cảm ơn những ý kiến đóng góp của bạn!

**PHIẾU LẤY Ý KIẾN VỀ MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CỦA
HỆ THỐNG TRANG THIẾT BỊ DẠY, HỌC**

Ngày khảo sát:...../...../...

A. Thông tin chung

- Giới tính: ☐ Nam ☐ Nữ

- Ngành:.....

- Chuyên ngành:.....

- Email liên hệ:.....

B. Nội dung lấy ý kiến

Để không ngừng nâng cao mức độ đáp ứng của trang thiết bị phục vụ nhu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học trong Trường Đại học Mỏ - Địa Chất, bạn hãy cho biết ý kiến của mình về các nội dung sau đây bằng cách tích X vào ô bạn cho là phù hợp nhất, theo thang đánh giá:

① = Rất không đồng ý ② = Không đồng ý ③ = Khá đồng ý
④ = Đồng ý ⑤ = Rất đồng ý

STT	Nội dung lấy ý kiến	Các mức độ				
		①	②	③	④	⑤
1	Hệ thống trang thiết bị dạy học tại các giảng đường, phòng học đủ để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo					
2	Hệ thống trang thiết bị dạy học tại các phòng thí nghiệm và thực hành đủ để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học					
3	Trang thiết bị dạy và học được đảm bảo về chất lượng					
4	Trang thiết bị dạy và học được sử dụng có hiệu quả					
5	Một cách tổng thể, bạn hài lòng với hệ thống trang thiết bị dạy và học của Nhà trường					

Các ý kiến góp ý khác:

.....

.....

.....

.....

.....

Cảm ơn những ý kiến đóng góp của bạn!

**PHIẾU LẤY Ý KIẾN VỀ MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CỦA HỆ THỐNG PHÒNG HỌC,
GIẢNG ĐƯỜNG, PHÒNG THỰC HÀNH, THÍ NGHIỆM**

Ngày khảo sát:...../...../...

A. Thông tin chung

- Giới tính: ☐ Nam ☐ Nữ
- Ngành:.....
- Chuyên ngành:.....
- Email liên hệ:.....

B. Nội dung lấy ý kiến

Để không ngừng nâng cao mức độ đáp ứng của hệ thống phòng học, giảng đường, phòng thực hành, thí nghiệm của Trường Đại học Mỏ - Địa Chất trong công tác dạy, học và nghiên cứu khoa học, bạn hãy cho biết ý kiến của mình về các nội dung sau đây bằng cách tích X vào ô bạn cho là phù hợp nhất, theo thang đánh giá:

- ① = Rất không đồng ý ② = Không đồng ý ③ = Khá đồng ý
④ = Đồng ý ⑤ = Rất đồng ý

STT	Nội dung lấy ý kiến	Các mức độ				
		①	②	③	④	⑤
1	Hệ thống phòng học, giảng đường đáp ứng yêu cầu về số lượng, diện tích, chỗ ngồi					
2	Hệ thống phòng thực hành, thí nghiệm đáp ứng yêu cầu về số lượng, diện tích					
3	Các phòng học, giảng đường, phòng thực hành, thí nghiệm đảm bảo thoáng mát, đủ ánh sáng, yên tĩnh					
4	Hệ thống phòng học, giảng đường, phòng thực hành, thí nghiệm được bố trí hợp lý, thuận tiện					
5	Một cách tổng thể, bạn hài lòng với hệ thống phòng học, giảng đường, phòng thực hành, thí nghiệm của Nhà trường					

Các ý kiến góp ý khác:

.....

.....

.....

.....

.....

Cảm ơn những ý kiến đóng góp của bạn!

**PHIẾU LẤY Ý KIẾN VỀ MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CỦA
HỆ THỐNG TRANG THIẾT BỊ TIN HỌC**

Ngày khảo sát:...../...../.....

A. Thông tin chung

- Giới tính: ☐ Nam ☐ Nữ

- Ngành:.....

- Chuyên ngành:.....

- Email liên hệ:.....

B. Nội dung lấy ý kiến

Để không ngừng nâng cao mức độ đáp ứng của trang thiết bị tin học phục vụ nhu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học trong Trường Đại học Mỏ - Địa Chất, bạn hãy cho biết ý kiến của mình về các nội dung sau đây bằng cách tích X vào ô bạn cho là phù hợp nhất, theo thang đánh giá:

① = Rất không đồng ý ② = Không đồng ý ③ = Khá đồng ý
④ = Đồng ý ⑤ = Rất đồng ý

STT	Nội dung lấy ý kiến	Các mức độ				
		①	②	③	④	⑤
1	Hệ thống trang thiết bị tin học (máy tính, thiết bị mạng, điểm kết nối wifi, màn chiếu, máy chiếu, máy in, và các thiết bị khác) đủ để hỗ trợ hiệu quả cho các hoạt động dạy và học					
2	Hệ thống trang thiết bị tin học (máy tính, phần mềm chuyên dụng có bản quyền và các thiết bị khác) đủ để hỗ trợ hiệu quả cho các hoạt động nghiên cứu khoa học					
3	Hệ thống trang thiết bị tin học (máy tính, phần mềm quản lý có bản quyền và các thiết bị khác) đủ để hỗ trợ hiệu quả cho các hoạt động quản lý					
4	Một cách tổng thể, bạn hài lòng với hệ thống trang thiết bị tin học của Nhà trường					

Các ý kiến góp ý khác:

.....

.....

.....

.....

.....

Cảm ơn những ý kiến đóng góp của bạn!

**PHIẾU KHẢO SÁT LẤY Ý KIẾN CỦA SINH VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH CỦA CHUYÊN NGÀNH/NGÀNH ĐÀO TẠO**

Ngày khảo sát:...../...../...

Thân gửi: Các Anh/Chị sinh viên học chuyên ngành tự động hóa

Với mục đích đào tạo sinh viên tốt nghiệp ra trường có việc làm phù hợp với ngành đào tạo và đáp ứng nhu cầu thị trường lao động. Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Bộ môn Tự động hóa triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của Anh/Chị về chất lượng chương trình đào tạo của chuyên ngành/ngành đào tạo Anh/Chị đang học. Trân trọng đề nghị Anh/Chị cung cấp thông tin theo các nội dung dưới đây bằng cách đánh dấu (X) vào ô phù hợp hoặc điền thông tin vào các khoảng trống. Chúng tôi đảm bảo các thông tin cá nhân trong Phiếu khảo sát hoàn toàn được bảo mật.

A. Thông tin cá nhân

1. Họ và tên (có thể không ghi): Năm sinh:.....

2. Giới tính: ☐ Nam ☐ Nữ; Khoá học:..... Ngành học:.....

3. Địa chỉ liên hệ khi cần:

Điện thoại:..... Fax: E-mail:

B. Nội dung lấy ý kiến: Thang đánh giá:

① = Hoàn toàn không đồng ý	② = Cơ bản không phù hợp	③ = Phân vân	④ = Cơ bản đồng ý	⑤ = Hoàn toàn đồng ý
----------------------------	--------------------------	--------------	-------------------	----------------------

(Anh/Chị đánh dấu X vào ô số phù hợp nhất trong bảng theo suy nghĩ của bạn về từng nội dung trong quá trình học chuyên ngành/ngành đã học)

Nội dung đánh giá		Các mức độ				
Chương trình của ngành/chuyên ngành đào tạo		①	②	③	④	⑤
1	Ngành đào tạo có mục tiêu nghề nghiệp phù hợp với yêu cầu xã hội					
2	Chuẩn đầu ra của ngành đào tạo nêu rõ kiến thức, kỹ năng và phẩm chất người học cần đạt được					
3	Các môn học tích hợp được kiến thức và kỹ năng theo chuẩn đầu ra của ngành đào tạo					
4	Trình tự các môn học của ngành đào tạo được thiết lập logic					
5	Tỷ lệ giữa lý thuyết và thực hành hợp lý					
6	Chương trình có nhiều môn học tự chọn đáp ứng nhu cầu người học					
7	Chương trình có các khoá phát triển kỹ năng mềm cho người học					

8	Chương trình tích hợp phát triển các phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp cho người học					
Quá trình giảng dạy – học tập – nghiên cứu khoa học		①	②	③	④	⑤
9	Người học có cơ hội chủ động tham gia vào quá trình học tập					
10	Người học được cập nhật các kiến thức chuyên ngành kịp thời					
11	Hoạt động giảng dạy đào tạo gắn với định hướng nghề nghiệp					
12	Người học được rèn luyện phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề					
13	Người học được rèn luyện phát triển tư duy phê phán					
14	Người học được tạo điều kiện để phát triển kỹ năng làm việc độc lập					
15	Người học được đào tạo các phương pháp liên hệ giữa lý thuyết với thực tiễn					
16	Các đợt thực tập có thiết thực kinh nghiệm nghề nghiệp cho người học					
17	Các trang thiết bị giảng dạy phù hợp được sử dụng hiệu quả					
18	Các phương thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập phù hợp với tính chất và đặc thù của từng môn học					
19	Kết quả kiểm tra đánh giá phản ánh đúng năng lực của người học					
20	Kết quả học tập được thông báo kịp thời					
21	Đại đa số giảng viên có phương pháp giảng dạy phù hợp					
22	Đa số giảng viên có trình độ chuyên môn cao đáp ứng yêu cầu đào tạo					
23	Hàng năm người học được giao lưu trực tiếp với Ban chủ nhiệm Bộ môn, BCN Khoa để phản hồi các hoạt động học tập – rèn luyện...					
Các hoạt động hỗ trợ cơ sở vật chất		①	②	③	④	⑤
24	Trường có các khoá nâng cao năng lực ngoại ngữ ngoài chương trình					
25	Trường có các khoá nâng cao trình độ công nghệ thông tin ngoài chương trình					
26	Các yêu cầu hợp lý của người học được giải quyết kịp thời					
27	Đại đa số cán bộ nhân viên hỗ trợ có trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu					
28	Thư viện cung cấp đủ giáo trình, tài liệu tham khảo cho ngành đào tạo					
29	Thư viện có đủ chỗ cho sinh viên học tập và nghiên cứu					

30	Các hoạt động ngoại khoá hỗ trợ kiến thức cho học tập và nghiên cứu					
31	Các hoạt động văn thể mỹ đáp ứng yêu cầu giải trí lành mạnh					
32	Hoạt động của Đoàn TNCS HCM và Hội SV thiết thực với người học					
33	Người học được đảm bảo các chế độ chính sách xã hội kịp thời					
34	Cơ sở vật chất cho nghiên cứu, học tập đáp ứng yêu cầu ngành đào tạo					
35	Phòng thí nghiệm/thực hành đáp ứng yêu cầu của ngành đào tạo					

Đánh giá chung		①	②	③	④	⑤
36	Người học được trang bị kiến thức, kỹ năng hữu ích cho nghề nghiệp					
37	Người học được bồi dưỡng về phẩm chất đạo đức nghề nghiệp					
38	Môi trường học tập đáp ứng chuẩn mực học thuật					
39	Bộ môn Tự động hóa là Bộ môn tin cậy về uy tín đào tạo					
40	Bộ môn Tự động hóa là Bộ môn tin cậy về uy tín nghiên cứu khoa học					
41	Sinh viên tốt nghiệp tự tin về “hành trang nghề nghiệp” được trang bị					
42	Anh/Chị hài lòng với chất lượng đào tạo của Bộ môn Tự động hóa					

Ý kiến đóng góp để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp của người học và thị trường lao động

Theo Anh/Chị những giải pháp nào sau đây đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp của sinh viên tốt nghiệp

- ☐ Chương trình đào tạo được điều chỉnh và cập nhật theo nhu cầu thị trường lao động
- ☐ Các nhà tuyển dụng tham gia xây dựng chương trình đào tạo
- ☐ Thời lượng thực tập của sinh viên cần được tăng thêm
- ☐ Thời lượng thực hành trong chương trình đào tạo của ngành được tăng thêm
- ☐ Thời lượng lý thuyết giảm đi
- ☐ Sinh viên được học khoá bổ trợ các kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu xã hội
- ☐ Sinh viên được rèn luyện các phẩm chất đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động
- ☐ Nhà trường cập nhật cho người học thông tin về nhu cầu sử dụng lao động
- ☐ Nhà trường phối hợp với các nhà tuyển dụng lao động tổ chức xemina cho sinh viên
- ☐ Các nhà tuyển dụng lao động tham gia quá trình đào tạo tại Trường

Các giải pháp khác (ghi rõ) :.....

C. Các ý kiến của Anh/ Chị

Để đáp ứng nhu cầu hành nghề của sinh viên tốt nghiệp ra trường:

.....

.....

Để giúp Bộ môn đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu xã hội

.....

.....

TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!

**PHIẾU KHẢO SÁT LẤY Ý KIẾN
ĐÁNH GIÁ CỦA NGƯỜI HỌC VỀ CỔ VẤN HỌC TẬP**

Ngày khảo sát:...../...../...

Thân gửi: Các Anh/Chị sinh viên học chuyên ngành tự động hóa

Với mục đích nâng cao chất lượng đào tạo cho sinh viên chuyên ngành. Hỗ trợ tốt hơn công tác quản lý, tư vấn trong hoạt động học tập và rèn luyện. Bộ môn Tự động hóa triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của Anh/Chị về cổ vấn học tập của chuyên ngành/ngành đào tạo Anh/Chị đang học. Trân trọng đề nghị Anh/Chị cho điểm đánh giá theo các nội dung dưới đây theo thang điểm đánh giá từ 0-10. Chúng tôi đảm bảo các thông tin cá nhân trong Phiếu khảo sát hoàn toàn được bảo mật.

A. Thông tin cá nhân

1. Họ và tên (có thể không ghi): Năm sinh:.....
2. Giới tính: Nam: ☐ Nữ: ☐ Khoá học:.....Ngành học:.....
3. Địa chỉ liên hệ khi cần:
- Điện thoại:..... Fax: E-mail:

B. Các nội dung đánh giá:

T	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	Điểm
1	CVHT tổ chức họp lớp đầu năm học, bầu hoặc kiện toàn ban cán sự lớp chuyên ngành, phổ biến nhiệm vụ học kỳ I và cả năm học.	
2	CVHT hướng dẫn, tư vấn cho sinh viên về phương pháp học tập, cách đăng ký môn học và xây dựng kế hoạch học tập phù hợp.	
3	CVHT kiểm tra và xác nhận tư vấn của mình trong sổ Đăng ký học tập của sinh viên.	
4	CVHT bố trí thời gian biểu và tạo điều kiện thuận lợi để sinh viên gặp gỡ (ít nhất 2 tuần 1 lần) xin tư vấn, trao đổi về các vấn đề: học tập, rèn luyện, các vấn đề cá nhân, xã hội và nghề nghiệp (khuyến khích tư vấn, trao đổi qua internet).	
5	CVHT tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên: phổ biến hướng dẫn thực hiện quy chế, chủ trì họp lớp và đánh giá điểm rèn luyện cho từng sinh viên.	

6	CVHT khuyến khích, tạo điều kiện và tư vấn cho sinh viên tham gia các hoạt động học thuật, nghiên cứu khoa học.	
7	CVHT khuyến khích, tạo điều kiện cho sinh viên tham gia các hoạt động văn, thể mỹ lành mạnh, bổ ích.	
8	CVHT tổ chức họp lớp khi đã biết kết quả thi cuối học kỳ, tìm hiểu và giải quyết những vấn đề nảy sinh đối với sinh viên, nhắc nhở khi thấy kết quả học tập của sinh viên giảm sút.	
Tổng điểm (của cả 8 tiêu chí)		

C. Các ý kiến góp ý của Anh/Chị về công tác cố vấn học tập.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!

**PHIẾU LẤY Ý KIẾN NGƯỜI HỌC VỀ CÔNG TÁC
TRIỂN KHAI THÔNG TIN VÀ THỰC HIỆN QUY CHẾ ĐÀO TẠO
Năm học 2017 - 2018**

Ngày khảo sát: .../.../2018

1. Thông tin chung

1.1. Khóa học của anh/chị:

☐ K62

☐ K60

☐ K58

☐ K61

☐ K59

☐ Khác

1.2. Anh/chị đang học Ngành nào?

☐ Quản trị kinh doanh

☐ Kỹ thuật điều khiển & TĐH

☐ Kỹ thuật TĐ - BĐ

☐ Kỹ thuật cơ khí

☐ Kỹ thuật địa chất

☐ Kỹ thuật mỏ

☐ Kỹ thuật điện, điện tử

☐ Kỹ thuật địa vật lý

☐ CNTT

☐ Kế toán

☐ Công nghệ KT hóa học

☐ Quản lý đất đai

☐ Kỹ thuật dầu khí

☐ Kỹ thuật CT xây dựng

☐ Kỹ thuật môi trường

☐ Kỹ thuật tuyển khoáng

1.3. Hệ đào tạo

☐ Hệ ĐH, CĐ chính quy

☐ Hệ vừa học, vừa làm

☐ Sau đại học

2. Các nội dung lấy ý kiến

2.1. Anh/chị nhận được thông tin về đào tạo của Nhà trường chủ yếu bằng hình thức nào?

☐ Facebook

☐ Công thông tin điện tử về đào tạo

☐ Email

☐ Văn bản theo đường công văn

2.2. Thông tin về đào tạo (quy chế, chương trình, lịch thi, ...) đến với anh/chị ở mức độ như thế nào?

☐ Rất nhanh

☐ Nhanh

☐ Bình thường

☐ Chậm

2.3. Mức độ hài lòng của các anh/chị về các văn bản hướng dẫn và việc cung cấp thông tin đào tạo của Nhà trường?

☐ Rất hài lòng

☐ Hài lòng

☐ Bình thường

☐ Không hài lòng

2.4. Mức độ tiếp thu và hiệu chỉnh công tác triển khai thông tin và thực thi quy trình đào tạo của Nhà trường sau buổi đối thoại giữa lãnh đạo Trường với người học.

☐ Rất kịp thời

☐ Kịp thời

☐ Không kịp thời

**PHIẾU LẤY Ý KIẾN NGƯỜI HỌC VỀ
CÔNG TÁC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
Năm học 2017 - 2018**

Ngày khảo sát:/...../2018

1. Anh/chị đang theo học hệ đào tạo:

- ☐ Đại học ☐ Cao đẳng ☐ Liên thông cao đẳng lên đại học

2. Anh/chị cho biết mức độ hài lòng của bản thân với công tác thực hiện chế độ chính sách của Nhà trường trong năm học:

- ☐ Rất hài lòng ☐ Cơ bản hài lòng
☐ Hài lòng ☐ Không hài lòng

3. Anh/chị cho biết mức độ hài lòng của bản thân với những hướng dẫn của phòng Công tác sinh viên trong năm học về triển khai chính sách xã hội:

- ☐ Rất hài lòng ☐ Cơ bản hài lòng
☐ Hài lòng ☐ Không hài lòng

4. Anh/chị cho biết mức độ hiểu biết của bản thân về thủ tục cần thực hiện khi thực hiện thủ tục miễn, giảm học phí:

- ☐ Hiểu rất rõ ☐ Hiểu
☐ Hiểu một cách hạn chế ☐ Không hiểu

5. Anh/chị được phổ biến về thực hiện chính sách xã hội vào các đợt sinh hoạt lớp và Tuần sinh hoạt công dân sinh viên đầu mỗi học kỳ như thế nào:

- ☐ Phổ biến rất chi tiết ☐ Phổ biến chi tiết
☐ Phổ biến khái lược ☐ Không được phổ biến

PHIẾU KHẢO SÁT Ý KIẾN VỀ CHUẨN ĐẦU RA VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Nhằm đánh giá mức độ phù hợp, mức độ cần thiết của chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo, không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, Bộ môn Tự động hóa, Khoa Cơ điện, Trường Đại học Mỏ - Địa chất rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các bên liên quan để chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo chuyên ngành Tự động hóa, ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn của xã hội. Xin Ông (Bà) vui lòng cung cấp một số thông tin và cho ý kiến đóng góp bằng cách lựa chọn các thông tin hoặc phương án trả lời. Chúng tôi đảm bảo các thông tin cá nhân trong Phiếu khảo sát này hoàn toàn được bảo mật.

ĐÓNG GÓP Ý KIẾN CHUYÊN NGÀNH: **KT ĐIỀU KHIỂN VÀ TỰ ĐỘNG HÓA**

I. THÔNG TIN CHUNG

Họ và tên:
Giới tính (Nam/Nữ):
Cơ quan, đơn vị:
Đối tượng :
Lĩnh vực chuyên môn đang công tác/ học tập :
Học hàm: Học vị:
Thâm niên công tác
Điện thoại liên hệ:
Email:
Địa chỉ liên hệ:
.....
.....

II. KHẢO SÁT GÓP Ý VỀ CHUẨN ĐẦU RA

Ông (Bà) hãy nghiên cứu chuẩn đầu ra trình độ đại học được gửi kèm và cho biết ý kiến nhận xét của mình bằng cách đánh dấu (x) vào mức độ tương ứng.

A. NHẬN XÉT CHI TIẾT

Các yêu cầu của chuẩn đầu ra		Mức độ cần thiết			Mức độ phù hợp		
		Không cần thiết	Bình thường	Cần thiết	Không phù hợp	Bình thường	Phù hợp
1	Yêu cầu về kiến thức						
1.1.	Kiến thức giáo dục đại cương						
1.2	Kiến thức cơ sở ngành						

1.3	Kiến thức chuyên ngành						
2	Yêu cầu về kỹ năng nghề nghiệp						
2.1	Kỹ năng lập luận nghề nghiệp, phát hiện và giải quyết vấn đề						
2.2	Kỹ năng lập luận nghề nghiệp, phát hiện và giải quyết vấn đề						
2.3	Kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn						
2.4	Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp						
2.5	Kỹ năng mềm						
2.5.1	Kỹ năng giao tiếp						
2.5.2	Kỹ năng tự chủ						
2.5.3	Kỹ năng làm việc theo nhóm						
2.5.4	Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ						
2.5.5	Kỹ năng sử dụng CNTT						
2.5.6	Các kỹ năng mềm khác						
3	Yêu cầu về thái độ, phẩm chất đạo đức						
3.1	Phẩm chất đạo đức cá nhân						
3.2	Phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp						
3.3	Phẩm chất đạo đức xã hội						

B. NHẬN XÉT CHUNG

Mức độ		Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý
1	Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng					
2	Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học					
3	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định cụ thể, đảm bảo tính định lượng, có thể đo lường, giám sát được					
4	Chuẩn đầu ra của ngành đào tạo bao quát được các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được					

	sau khi hoàn thành chương trình đào tạo					
5	Chuẩn đầu ra của ngành đào tạo phản ánh được yêu cầu và nhu cầu của các đối tượng liên quan và thị trường lao động					
6	Chuẩn đầu ra bao trùm được kiến thức và kỹ năng chung cũng như chuyên ngành					
7	Chuẩn đầu ra được diễn đạt rõ ràng, dễ hiểu					

C. Ý KIẾN GÓP Ý KHÁC VỀ CHUẨN ĐẦU RA

.....

.....

.....

.....

.....

.....

III. KHẢO SÁT GÓP Ý VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ông (Bà) hãy nghiên cứu chương trình đào tạo trình độ đại học được gửi kèm và cho biết ý kiến nhận xét của mình bằng cách đánh dấu (X) vào mức độ tương ứng.

A. NHẬN XÉT CHI TIẾT

Mức độ		Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý
1	Mục tiêu đào tạo					
1.1	Mục tiêu tổng quát					
1.2	Mục tiêu cụ thể					
2	Khối lượng kiến thức toàn khóa					
3	Nội dung chương trình					
3.1	Kiến thức giáo dục đại cương					
	Các môn bắt buộc					
	Các môn tự chọn					
3.2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp					
3.2.1	Kiến thức cơ sở ngành và liên ngành					
	Các môn bắt buộc					
	Các môn tự chọn					
3.2.2	Kiến thức ngành					
	Các môn bắt buộc					
	Các môn tự chọn					
3.2.3	Thực tập sản xuất, thực tập tốt nghiệp					
3.2.4	Đồ án tốt nghiệp					
4	Kế hoạch học tập					

5	Mô tả nội dung và khối lượng các học phần					
6	Danh sách đội ngũ GV thực hiện chương trình					
7	Cơ sở vật chất phục vụ học tập					

B. NHẬN XÉT CHUNG

	Mức độ	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý
1	Chương trình đào tạo được xây dựng phù hợp với chuẩn đầu ra					
2	Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng					
3	Chương trình đào tạo mềm dẻo, tạo nhiều thuận lợi cho SV					
4	Chương trình đào tạo có cấu trúc chặt chẽ, khoa học; trình tự đào tạo hợp lý					
5	Chương trình đào tạo có nội dung cập nhật và có tính tích hợp					
6	Khối lượng kiến thức toàn khóa và khối lượng từng khối kiến thức hợp lý					
7	Chương trình đào tạo có sự cân đối giữa các kiến thức và kỹ năng chung với kiến thức và kỹ năng chuyên ngành					
8	Tỷ lệ phân bố giữa lý thuyết và thực hành hợp lý					
9	Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin phản ánh được kết quả học tập dự kiến và cách thức đạt được những kết quả này					

C. Ý KIẾN GÓP Ý KHÁC VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!

**PHIẾU KHẢO SÁT VÀ PHẢN HỒI CỦA NGƯỜI HỌC, GIẢNG VIÊN VỀ
CHẤT LƯỢNG PHỤC VỤ CỦA PHÒNG THỰC HÀNH, THÍ NGHIỆM
CỦA BỘ MÔN TỰ ĐỘNG HÓA**

Ngày khảo sát:...../...../...

A. Thông tin chung

Họ và tên:
Giới tính (Nam/Nữ):
Cơ quan, đơn vị:
Đối tượng :
Lĩnh vực chuyên môn đang công tác/ học tập :
Học hàm: Học vị:
Thâm niên công tác
Điện thoại liên hệ:
Email:
Địa chỉ liên hệ:
.....

B. Nội dung lấy ý kiến

Để không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ của Phòng thí nghiệm - Bộ môn Tự động hóa, Khoa Cơ điện, Trường Đại học Mỏ - Địa chất. Ông/bà hãy cho biết ý kiến của mình cho các nội dung sau đây bằng cách tích X vào ô bạn cho là phù hợp nhất, theo thang đánh giá:

- ① = Hoàn toàn không đồng ý ② = Không đồng ý ③ = Phân vân
④ = Đồng ý ⑤ = Hoàn toàn đồng ý

Stt	Nội dung lấy ý kiến	Các mức độ				
	Mức độ phù hợp của phòng thực hành/thí nghiệm	①	②	③	④	⑤
1	Cơ sở vật chất, máy móc, thiết bị, tài liệu và nhân sự của phòng thực hành/thí nghiệm phù hợp với chương trình đào tạo					
2	Cơ sở vật chất, máy móc, thiết bị, tài liệu và nhân sự của phòng thực hành/thí nghiệm phù hợp với công tác nghiên cứu khoa học, triển khai công nghệ					
3	Phòng thực hành/thí nghiệm có quy trình vận hành máy móc, thiết bị, các chỉ dẫn, cảnh báo rõ ràng tiện lợi					
4	Phòng thực hành/thí nghiệm phục vụ hiệu quả cho chuẩn bị bài giảng, bài thực hành/thí nghiệm.					
5	Cơ sở vật chất, máy móc, thiết bị, tài liệu phù hợp với trình độ sử dụng của sinh viên và giáo viên					
6	Cơ sở vật chất, máy móc, thiết bị phù hợp cho việc bảo					

	duỡng, quản lý					
7	Cơ sở vật chất, máy móc, thiết bị sử dụng được lâu dài					
8	Cơ sở vật chất, máy móc, thiết bị khi sử dụng mang lại hiệu quả cao					
Nội dung bài thực hành/thí nghiệm		①	②	③	④	⑤
9	Tài liệu hướng dẫn thực hành/thí nghiệm đầy đủ					
10	Mục tiêu của các bài thực hành/thí nghiệm được giới thiệu rõ ràng, đầy đủ phù hợp với chương trình đào tạo					
11	Nội dung các bài thực hành/thí nghiệm phù hợp với mục tiêu đã giới thiệu					
12	Nội dung các bài thực hành/thí nghiệm phù hợp so với thời lượng được bố trí trong chương trình đào tạo					
Giảng viên (GV)		①	②	③	④	⑤
13	Thường xuyên có mặt ở phòng thực hành/thí nghiệm để giải quyết các tình huống					
14	Theo dõi, hỗ trợ sinh viên nhiệt tình trong quá trình thực hành/thí nghiệm					
15	Sẵn sàng và giải đáp thắc mắc cho sinh viên trong quá trình thực hành, thí nghiệm					
Kỹ thuật viên (KTV)		①	②	③	④	⑤
16	Chuẩn bị tốt và giao nhận dụng cụ thực hành/thí nghiệm thuận lợi					
17	Thường xuyên có mặt ở phòng thực hành/thí nghiệm để hỗ trợ sinh viên khi cần thiết					
18	Sẵn sàng và hỗ trợ tốt cho sinh viên khi được yêu cầu					
19	Các thao tác mẫu (nếu có) chính xác					
Cơ sở vật chất phục vụ thực hành		①	②	③	④	⑤
20	Phòng thực hành/thí nghiệm có đủ chỗ cho sinh viên thực hành					
21	Các dụng cụ, máy móc, trang thiết bị phù hợp, đáp ứng được yêu cầu của các bài thực hành/thí nghiệm					
22	Hóa chất, nguyên vật liệu thực hành/thí nghiệm được trang bị đầy đủ					
23	Nhà trường có trang bị các phương tiện, thiết bị bảo hộ, phòng chống độc					
24	Phòng thực hành/thí nghiệm được ngăn nắp					
25	Phòng thực hành/thí nghiệm có nội quy, quy chế rõ ràng					
Đánh giá chung		①	②	③	④	⑤
Anh/chị hài lòng với chất lượng phục vụ của phòng thực hành/thí nghiệm						

Các ý kiến đề xuất để nâng cao chất lượng bài thực hành:

.....

.....

.....

.....

Cảm ơn những ý kiến đóng góp của bạn!

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CỦA SINH VIÊN ĐỐI VỚI KHOA

Khoa: Cơ điện

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm trung bình
1	Được thông tin rõ mục tiêu, nội dung và yêu cầu môn học	9,038
2	Được cung cấp đề cương chi tiết và tiêu chí đánh giá kết quả học tập	8,991
3	Được cung cấp đầy đủ thông tin về tài liệu, cách tìm tài liệu học tập và cách đọc tài liệu tham khảo	9,013
4	Dễ hiểu, tạo hứng thú học tập cho người học	8,887
5	Hướng dẫn người học tự học, làm việc nhóm và trình bày các vấn đề khoa học	8,920
6	Khuyến khích sự chủ động, sáng tạo của người học trong học tập	8,950
7	Bám sát mục tiêu, đề cương chi tiết môn học	9,008
8	Khoa học, rõ ràng, chính xác	8,979
9	Cập nhật thông tin mới	8,973
10	Chỉ ra các ứng dụng thực tiễn	9,020
11	Lên lớp đúng giờ	9,082
12	Dạy đủ số giờ quy định	9,070
13	Giảng dạy đúng thời khóa biểu	9,101
14	Sử dụng các hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập phù hợp, chính xác	9,009
15	Việc đánh giá được thực hiện công bằng và phản ánh đúng năng lực của người học	8,990
16	Nhiệt tình, có trách nhiệm	9,062
17	Bao quát được lớp học, quan tâm đến người học	8,997
Điểm trung bình:		9,005

Thang điểm đánh giá:

Mức đánh giá	Ý nghĩa	Điểm số
1	Kém	1
2	Trung bình	5
3	Khá	8
4	Tốt	10

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CỦA SINH VIÊN TOÀN TRƯỜNG

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm trung bình
1	Được thông tin rõ mục tiêu, nội dung và yêu cầu môn học	9,089
2	Được cung cấp đề cương chi tiết và tiêu chí đánh giá kết quả học tập	9,050
3	Được cung cấp đầy đủ thông tin về tài liệu, cách tìm tài liệu học tập và cách đọc tài liệu tham khảo	9,067
4	Dễ hiểu, tạo hứng thú học tập cho người học	8,966
5	Hướng dẫn người học tự học, làm việc nhóm và trình bày các vấn đề khoa học	8,968
6	Khuyến khích sự chủ động, sáng tạo của người học trong học tập	9,003
7	Bám sát mục tiêu, đề cương chi tiết môn học	9,086
8	Khoa học, rõ ràng, chính xác	9,046
9	Cập nhật thông tin mới	9,033
10	Chỉ ra các ứng dụng thực tiễn	9,040
11	Lên lớp đúng giờ	9,127
12	Dạy đủ số giờ quy định	9,130
13	Giảng dạy đúng thời khóa biểu	9,175
14	Sử dụng các hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập phù hợp, chính xác	9,083
15	Việc đánh giá được thực hiện công bằng và phản ánh đúng năng lực của người học	9,068
16	Nhiệt tình, có trách nhiệm	9,119
17	Bao quát được lớp học, quan tâm đến người học	9,055
Điểm trung bình:		9,065

Thang điểm đánh giá:

Mức đánh giá	Ý nghĩa	Điểm số
1	Kém	1
2	Trung bình	5
3	Khá	8
4	Tốt	10

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CỦA SINH VIÊN ĐỐI VỚI KHOA

Khoa: Cơ điện

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm trung bình
1	Được thông tin rõ mục tiêu, nội dung và yêu cầu môn học	8,971
2	Được cung cấp đề cương chi tiết và tiêu chí đánh giá kết quả học tập	8,944
3	Được cung cấp đầy đủ thông tin về tài liệu, cách tìm tài liệu học tập và cách đọc tài liệu tham khảo	8,965
4	Dễ hiểu, tạo hứng thú học tập cho người học	8,849
5	Hướng dẫn người học tự học, làm việc nhóm và trình bày các vấn đề khoa học	8,870
6	Khuyến khích sự chủ động, sáng tạo của người học trong học tập	8,895
7	Bám sát mục tiêu, đề cương chi tiết môn học	8,963
8	Khoa học, rõ ràng, chính xác	8,925
9	Cập nhật thông tin mới	8,915
10	Chỉ ra các ứng dụng thực tiễn	8,955
11	Lên lớp đúng giờ	9,064
12	Dạy đủ số giờ quy định	9,050
13	Giảng dạy đúng thời khóa biểu	9,076
14	Sử dụng các hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập phù hợp, chính xác	8,972
15	Việc đánh giá được thực hiện công bằng và phản ánh đúng năng lực của người học	8,952
16	Nhiệt tình, có trách nhiệm	9,003
17	Bao quát được lớp học, quan tâm đến người học	8,927
Điểm trung bình:		8,959

Thang điểm đánh giá:

Mức đánh giá	Ý nghĩa	Điểm số
1	Kém	1
2	Trung bình	5
3	Khá	8
4	Tốt	10

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CỦA SINH VIÊN TOÀN TRƯỜNG

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm trung bình
1	Được thông tin rõ mục tiêu, nội dung và yêu cầu môn học	9,046
2	Được cung cấp đề cương chi tiết và tiêu chí đánh giá kết quả học tập	9,025
3	Được cung cấp đầy đủ thông tin về tài liệu, cách tìm tài liệu học tập và cách đọc tài liệu tham khảo	9,039
4	Dễ hiểu, tạo hứng thú học tập cho người học	8,950
5	Hướng dẫn người học tự học, làm việc nhóm và trình bày các vấn đề khoa học	8,969
6	Khuyến khích sự chủ động, sáng tạo của người học trong học tập	8,987
7	Bám sát mục tiêu, đề cương chi tiết môn học	9,048
8	Khoa học, rõ ràng, chính xác	9,018
9	Cập nhật thông tin mới	9,026
10	Chỉ ra các ứng dụng thực tiễn	9,035
11	Lên lớp đúng giờ	9,104
12	Dạy đủ số giờ quy định	9,113
13	Giảng dạy đúng thời khóa biểu	9,140
14	Sử dụng các hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập phù hợp, chính xác	9,055
15	Việc đánh giá được thực hiện công bằng và phản ánh đúng năng lực của người học	9,042
16	Nhiệt tình, có trách nhiệm	9,085
17	Bao quát được lớp học, quan tâm đến người học	9,036
Điểm trung bình:		9,042

Thang điểm đánh giá:

Mức đánh giá	Ý nghĩa	Điểm số
1	Kém	1
2	Trung bình	5
3	Khá	8
4	Tốt	10

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2016

THỐNG KÊ KHẢO SÁT
MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CỦA ĐƠN VỊ SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

1. Loại hình doanh nghiệp

- Số lượng đơn vị khảo sát: **139**

TT	Đơn vị	Số lượng	%
1	Nhà nước	37	26,61
2	Liên doanh	1	0,71
3	TNHH	27	19,42
4	Cổ phần	74	53,23
5	100% vốn nước ngoài	0	
6	Phi chính phủ	0	

2. Lĩnh vực hoạt động

- Số lượng đơn vị khảo sát: **139**

TT	Ngành	Số lượng	%
1	Giáo dục phổ thông:	0	
2	Giáo dục đại học	0	
3	Kỹ thuật	59	42,44
4	Thương mại	11	7,91
5	Y - Dược	1	0,71
6	Công nghệ thông tin	9	6,47
7	Nông lâm nghiệp	0	
8	Điện lực	6	8,6
9	Ngành khác	2	2,9
10	Tài chính, tín dụng	2	1,43
11	Thủy sản	0	
12	Xây dựng	28	22,0
13	Du lịch, khách sạn	1	0,71
14	Vận tải	0	
15	Luật	0	

16	Khoáng sản	25	19,7
17	Lĩnh vực khác	03	4,3

3. Ngành đào tạo mà sinh viên thường xuyên được tuyển dụng khi bắt đầu vị trí làm việc

- Số lượng đơn vị khảo sát: 52

TT	Ngành	Số lượng	%
1	Khoa học tự nhiên	35	67,30
2	Khoa học xã hội và Nhân văn	3	5,76
3	Văn hóa nghệ thuật	0	
4	Công nghệ thông tin	6	11,53
5	Nông lâm nghiệp	0	
6	Y – Dược	0	
7	Xây dựng	12	23,07

4. Số sinh viên tốt nghiệp Trường Đại học Mở - Địa chất thường được bố trí khi mới tuyển dụng:

- Số lượng đơn vị khảo sát: 139

TT	Vị trí tuyển dụng	Số lượng	%
1	Phụ việc	42	30,21
2	Trợ lý	11	7,91
3	Vị trí độc lập	46	30,09
4	Tư vấn	18	12,94
5	Quản lý	14	10,07
6	Vị trí khác	27	19,42

5. Thời gian sinh viên tốt nghiệp Trường Đại học Mở - Địa chất làm việc tại doanh nghiệp:

- Số lượng đơn vị khảo sát: **139**

TT	Thời gian làm việc	Số lượng	%
1	Dưới 6 tháng	01	0,71
2	Từ 6-12 tháng	14	10,07
3	Từ 2-4 năm	41	29,49
4	Trên 4 năm	75	53,95

Thang đo mức độ quan trọng	Thang đo mức độ hài lòng
① = Hoàn toàn không quan trọng	① = Rất thất vọng
② = Không quan trọng	② = Không hài lòng
③ = Khá quan trọng	③ = Khá hài lòng
④ = Quan trọng	④ = Hài lòng
⑤ = Rất quan trọng	⑤ = Rất hài lòng

6. Kiến thức, kỹ năng và năng lực

- Số lượng đơn vị khảo sát: 139

Kiến thức, kỹ năng, năng lực	Mức độ quan trọng										Mức độ hài lòng										Quan trọng nhất	
	①		②		③		④		⑤		①		②		③		④		⑤			
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
5.1. Kỹ năng giao tiếp	1	0.7	1	0.7	34	25	62	45	40	29	0	0	3	2.2	69	50	56	41	9	6.6	0	0
5.2. Khả năng ứng dụng kiến thức chuyên môn	0	0	1	0.7	21	15	47	34	66	48	1	0.7	9	6.6	59	43	49	36	19	14	63	46
5.3. Kiến thức chuyên ngành	0	0	2	1.5	23	17	42	31	68	50	1	0.7	8	5.8	65	47	47	34	16	12	23	16.8
5.4. Kỹ thuật sử dụng máy tính	0	0	1	0.7	35	26	61	45	39	28	0	0	12	8.8	64	47	46	34	15	11	1	0.73
5.5. Khả năng tư duy logic	1	0.7	4	2.9	33	24	47	34	51	37	0	0	15	11	80	58	34	25	8	5.8	18	13.1
5.6. Khả năng khai thác sử dụng dữ liệu định lượng	2	1.5	11	8	50	36	52	38	20	15	0	0	13	9.5	84	61	34	25	6	4.4	2	1.46
5.7. Khả năng phân tích	2	1.5	7	5.1	47	34	52	38	27	20	0	0	14	10	80	58	37	27	6	4.4	4	2.92
5.8. Năng lực nghiên cứu khoa học	6	4.4	17	12	51	37	39	28	22	16	2	1.5	14	10	79	58	36	26	4	2.9	2	1.46
5.9. Khả năng ngoại ngữ	4	2.9	10	7.3	40	29	47	34	35	26	2	1.5	42	31	68	50	23	17	2	1.5	3	2.19
5.10. Khả năng thích nghi với những thay đổi	2	1.5	2	1.5	31	23	48	35	52	38	1	0.7	8	5.8	67	49	54	39	6	4.4	12	8.76

SL: Số lượng

7. Phẩm chất cá nhân

- Số lượng đơn vị khảo sát: **139**

Phẩm chất cá nhân	Mức độ quan trọng										Mức độ hài lòng										Quan trọng nhất	
	①		②		③		④		⑤		①		②		③		④		⑤			
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
6.1. Tính tự tin vào khả năng của bản thân	0	0	4	2.9	43	31	58	42	33	24	0	0	5	3.6	82	60	37	27	12	8.8	7	5.11
6.2. Tính kỷ luật	0	0	0	0	25	18	54	39	56	41	0	0	4	2.9	62	45	55	40	11	8	20	14.6
6.3. Tính độc lập	0	0	2	1.5	34	25	60	44	39	28	0	0	6	4.4	74	54	37	27	15	11	4	2.92
6.4. Tính ham học hỏi	0	0	0	0	29	21	64	47	43	31	0	0	8	5.8	65	47	45	33	14	10	18	13.1
6.5. Tính sáng tạo	0	0	2	1.5	29	21	41	30	63	46	0	0	8	5.8	68	50	45	33	11	8	41	29.9
6.6. Động lực làm việc	0	0	2	1.5	35	26	57	42	42	31	1	0.7	9	6.6	66	48	43	31	13	9.5	6	4.38
6.7. Kỹ năng quan hệ với đồng nghiệp và cấp trên	0	0	4	2.9	26	19	68	50	38	28	0	0	6	4.4	57	42	54	39	15	11	4	2.92
6.8. Hiểu biết về trách nhiệm nghề nghiệp	0	0	0	0	35	26	51	37	50	36	0	0	6	4.4	53	39	63	46	10	7.3	27	19.7
6.9. Biết điểm mạnh, điểm yếu của bản thân	1	0.7	1	0.7	36	26	72	53	26	19	0	0	8	5.8	71	52	46	34	7	5.1	0	0

SL: Số lượng

8. Kỹ năng và năng lực

- Số lượng đơn vị khảo sát: 139

Phẩm chất cá nhân	Mức độ quan trọng										Mức độ hài lòng										Quan trọng nhất	
	①		②		③		④		⑤		①		②		③		④		⑤			
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
7.1. Năng lực tổ chức và điều phối nhiệm vụ	1	0.7	3	2.2	37	27	38	28	59	43	0	0	16	12	83	61	29	21	8	5.8	30	21.9
7.2. Năng lực nhận dạng, tổng hợp và xử lý vấn đề	0	0	4	2.9	25	18	78	57	27	20	0	0	16	12	76	55	33	24	7	5.1	29	21.2
7.3. Năng lực sắp xếp công việc theo thứ tự ưu tiên	0	0	4	2.9	39	28	61	45	30	22	0	0	8	5.8	79	58	38	28	7	5.1	4	2.92
7.4. Năng lực quản lý, lãnh đạo	0	0	7	5.1	39	28	57	42	30	22	1	0.7	20	15	82	60	21	15	8	5.8	3	2.19
7.5. Kỹ năng thuyết trình	0	0	7	5.1	57	42	43	31	27	20	1	0.7	21	15	77	56	25	18	8	5.8	6	4.38
7.6. Kỹ năng thương mại	4	2.9	11	8	59	43	42	31	18	13	2	1.5	23	17	74	54	25	18	7	5.1	6	4.38
7.7. Tính chuyên nghiệp	0	0	0	0	35	26	52	38	47	34	1	0.7	15	11	64	47	42	31	10	7.3	35	25.5
7.8. Tính chủ động	0	0	0	0	25	18	65	47	44	32	2	1.5	10	7.3	65	47	43	31	12	8.8	15	10.9

SL: Số lượng

9. Mức độ hành trang Trường Đại học Mở - Địa chất chuẩn bị “hành trang” cho sinh viên tốt nghiệp làm việc

- Số lượng đơn vị khảo sát: 52

TT	Mức độ phù hợp	Số lượng	%
1	Không phù hợp	2	3,84
2	Khá phù hợp	13	25,00
3	Phù hợp	39	75,00
4	Rất phù hợp	8	15,38

10. Nhiệm vụ sinh viên tốt nghiệp của Trường đang đảm nhận phù hợp với chuyên ngành đào tạo:

- Số lượng đơn vị khảo sát: 139

TT	Mức độ phù hợp	Số lượng	%
1	Không phù hợp	3	2,15
2	Khá phù hợp	22	15,82
3	Phù hợp	132	94,96
4	Rất phù hợp	0	

11. Sau khi được tuyển dụng, sinh viên tốt nghiệp của Trường phải đi học thêm các khoá bồi dưỡng sau để có thể đảm nhận các nhiệm vụ:

- Số lượng đơn vị khảo sát: 139

TT	Học tập, bồi dưỡng	Số lượng	%
1	Không tham dự khoá học nào	11	7,91
2	Bổ trợ kiến thức chuyên môn	65	46,76
3	Bổ trợ kiến thức nghiệp vụ	68	48,92
4	Bổ trợ kỹ năng về công nghệ thông tin	72	51,79
5	Nâng cao kỹ năng ngoại ngữ	76	54,67
6	Bổ trợ các kỹ năng mềm	74	53,23
7	Khác: - Bổ trợ tiêu chuẩn ngành, luật, nghị định, thông tư,... - Theo chương trình học của Trường doanh nhân Page, bỏ bớt kiến thức kinh viện, sử dụng kiến thức sát với thực tế doanh nghiệp như: Quản trị sản xuất và	02	1,43

	<i>dịch vụ, kỹ năng giám sát, quản lý chi phí, thiết lập mục tiêu Smart các kỹ năng mềm như Teambuilding, Teamwork, thuyết phục và đàm phán...</i>		
--	--	--	--

12. Những giải pháp giúp nâng cao khả năng sinh viên tốt nghiệp đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động:

- Số lượng đơn vị khảo sát: **139**

TT	Giải pháp	Số lượng	%
1	Các DN dụng lao động nhận sinh viên thực tập	71	51,07
2	Thời lượng thực tập của sinh viên được tăng lên	63	45,32
3	Chương trình đào tạo được xây dựng với sự tham gia của các DN dụng lao động	77	55,39
4	Sinh viên được học các khoá bổ trợ kỹ năng mềm	77	55,39
5	Sinh viên được rèn luyện các phẩm chất cá nhân	51	36,69
6	Hàng năm Nhà trường tổ chức giao lưu Trường đại học – DN sử dụng lao động	86	61,87
7	Hàng năm Nhà trường khảo sát về sự hài lòng của DN sử dụng lao động đối với sinh viên tốt nghiệp	61	43,88
8	Các DN sử dụng lao động cập nhật hàng năm yêu cầu về chuyên môn nghiệp vụ đối với các ngành đào tạo của Trường	60	43,16
9	Nhà trường phối hợp với các DN sử dụng lao động tổ chức hội thảo cho sinh viên	50	35,97
10	Các nhà sử dụng lao động đặt hàng sinh viên nghiên cứu khoa học theo nhu cầu thực tiễn	26	18,70
11	Các giải pháp khác: <i>- Đào tạo lý thuyết gắn liền với thực hành tạo ra sản phẩm thực tế theo nhu cầu xã hội)</i>	1	0,71

GIÁM ĐỐC

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

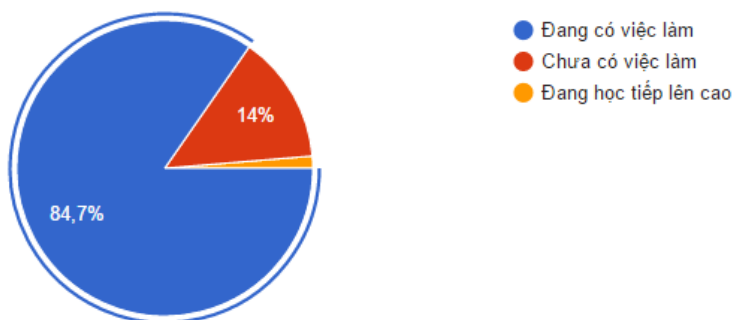
TỔNG HỢP **KẾT QUẢ KHẢO SÁT TÌNH TRẠNG VIỆC LÀM SINH VIÊN TỐT NGHIỆP**

1. **Đối tượng khảo sát:** Sinh viên tốt nghiệp năm 2015 (K55 ngành kỹ thuật và K56 ngành kinh tế).
2. **Thời gian khảo sát:** Từ 31/08/2016 đến 24/10/2016.
3. **Số lượng sinh viên tham gia** trả lời các câu hỏi khảo sát: 528 SV.
4. **Phương pháp khảo sát:** online tại địa chỉ: <http://hotrosinhvien.humg.edu.vn> mục [VIỆC LÀM] =>> [Khảo sát]

Link: <http://hotrosinhvien.humg.edu.vn/Article/628/Than-gui-cac-AnhChi-cuu-sinh-vien-Vv-khao-sat-tinh-trang-viec-lam-sau-khi-tot-nghiep.html>

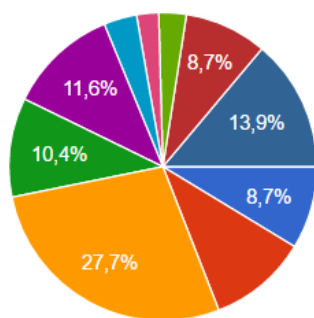
5. Kết quả khảo sát như sau:

7. Thông tin về tình trạng việc làm của Anh/chị hiện nay như thế nào?
(528 câu trả lời)



- Tỷ lệ sinh viên đã có việc làm : 84,7%
- Chưa có việc làm : 14%
- Học tiếp lên bậc cao hơn : 1,3%

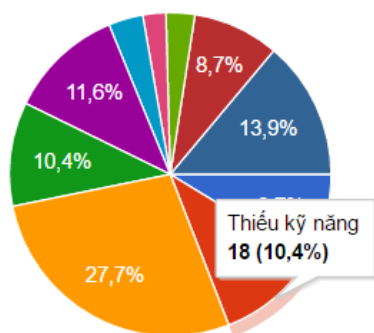
8. Nếu chưa có việc làm, Anh/chị cho biết lý do ? (173 câu trả lời)



- Thiếu kiến thức chuyên môn
- Thiếu kỹ năng
- Thiếu kinh nghiệm
- Thiếu thông tin tuyển dụng
- Kỹ năng ngoại ngữ chưa đáp ứng y...
- Kỹ năng tin học chưa đáp ứng yêu...
- Anh/chị chưa có nhu cầu xin việc
- Anh/chị đang học sau đại học

▲ 1/2 ▼

- Thiếu kiến thức chuyên môn : 8,7%
- Thiếu kỹ năng: 10,4%
- Thiếu kinh nghiệm: 27,7%
- Thiếu thông tin tuyển dụng: 10,4%
- Ngoại ngữ kém: 11,6%
- Tin học: 3,5%
- Chưa có nhu cầu đi làm: 2,3%
- Đang học sau ĐH: 2,9%
- Môi trường làm việc không phù hợp: 8,7%
- Lý do khác: 13,9%

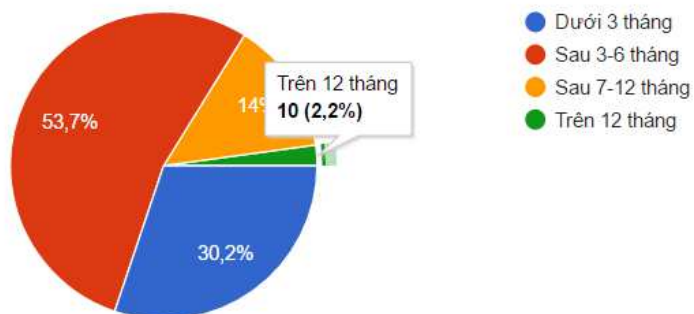


- Môi trường làm việc không phù hợp
- Khác

▲ 2/2 ▼

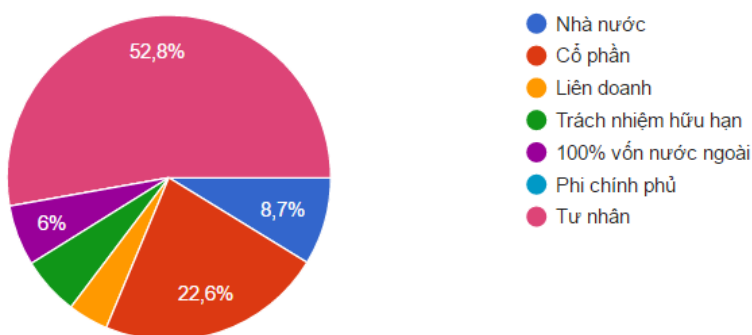
9. Bao lâu sau khi tốt nghiệp anh/chị tìm được việc làm? (Nếu đã có việc làm)

(464 câu trả lời)

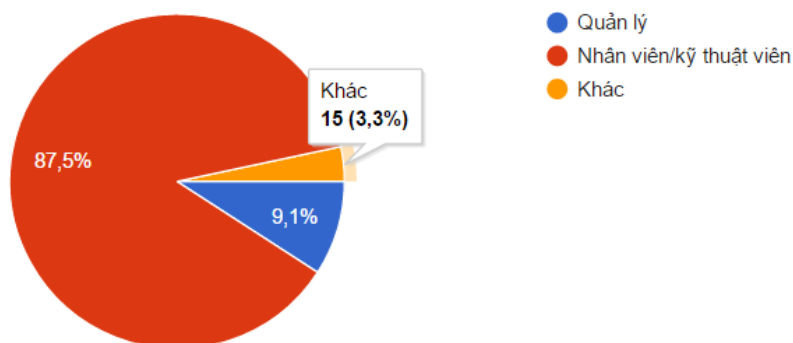


- Dưới 3 tháng : 30,3%
- Sau 3 – 6 tháng : 53,7%
- Sau 7 – 12 tháng : 14%
- Trên 12 tháng : 2,2%

10. Cơ quan Anh/chị đang công tác thuộc loại hình tổ chức nào? (447 câu trả lời)

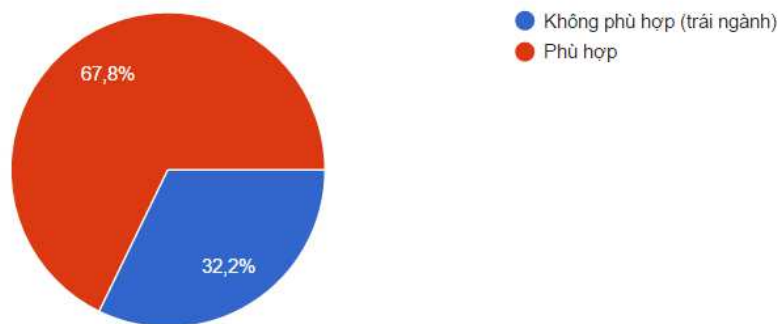


11. Vị trí làm việc hiện tại của anh/chị: (449 câu trả lời)



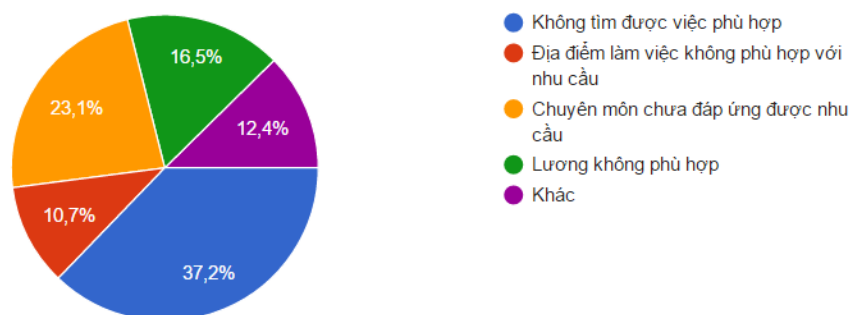
12. Việc làm Anh/chị đang đảm nhận có phù hợp với chuyên ngành được đào tạo không?

(528 câu trả lời)



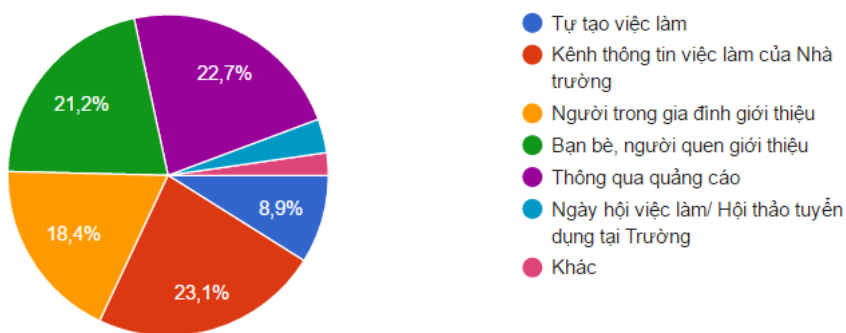
13. Nếu việc làm không phù hợp, anh/chị cho biết những lý do nào sau đây dẫn đến việc đó?

(121 câu trả lời)



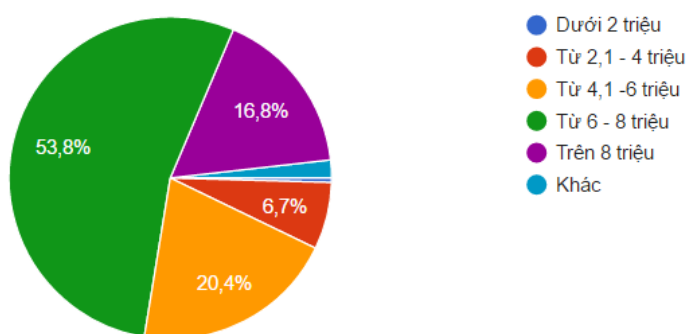
- Không tìm được việc phù hợp: 37,2%
- Địa điểm làm việc không phù hợp: 10,7%
- Chuyên môn chưa đáp ứng nhu cầu: 23,1%
- Lương không phù hợp: 16,5%
- Lý do khác: 12,4%

14. Anh/chị tìm được việc làm thông qua con đường nào? (528 câu trả lời)



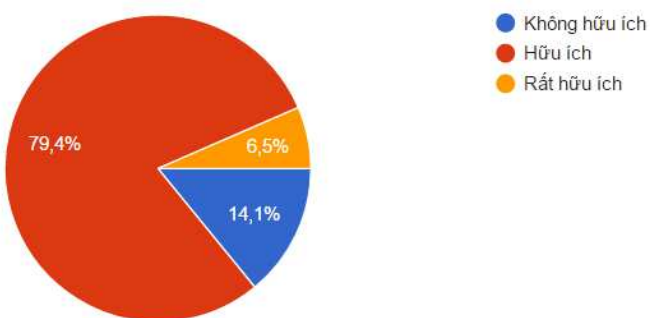
- Tự tạo việc làm: 8,9%
- Kênh thông tin việc làm của Nhà trường: **23,1%**
- Người trong gia đình giới thiệu: 18,4%
- Bạn bè, người quen giới thiệu: 21,2%
- Thông qua quảng cáo: 22,7%
- Hội thảo tuyển dụng tại trường: 3,4%
- Khác: 2,3%

15. Mức lương bình quân/tháng của Anh/chị tính theo VNĐ? (446 câu trả lời)



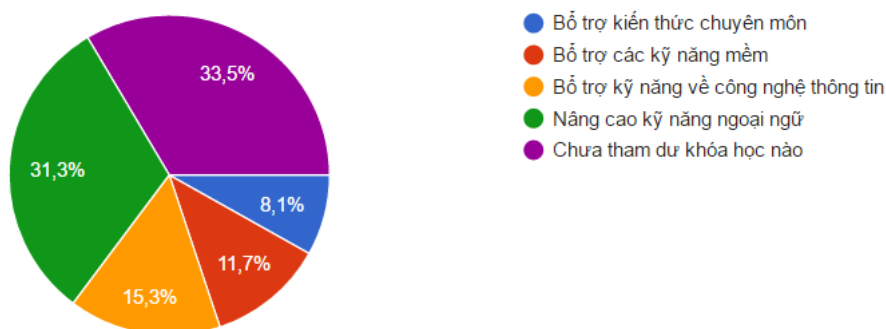
16. Kiến thức và kỹ năng được Nhà trường đào tạo có hữu ích cho vị trí hiện nay của anh/chị không?

(476 câu trả lời)



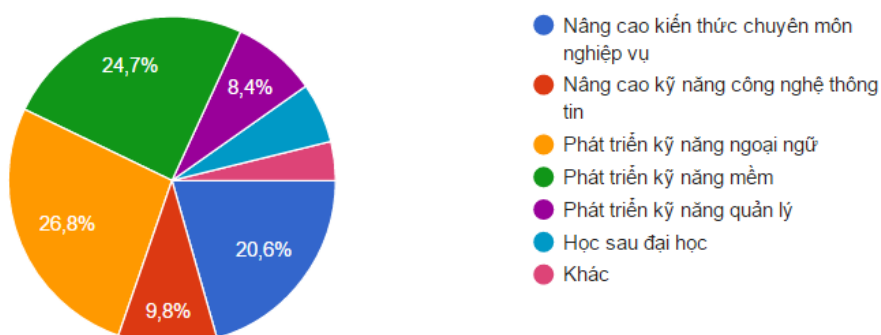
17. Sau khi tốt nghiệp để xin được việc làm, Anh/chị đã tham dự các khóa học bổ trợ nào ?

(528 câu trả lời)



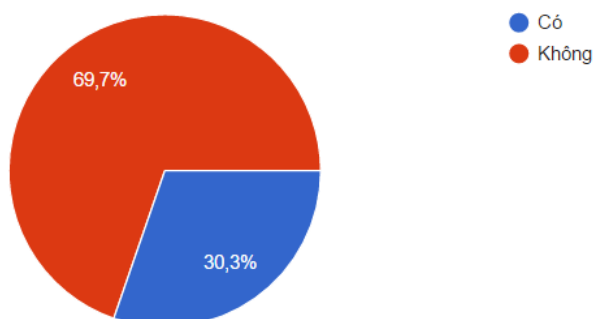
18. Sau khi được tuyển dụng, anh/chị đã tham gia các khóa học nâng cao nào dưới đây?

(287 câu trả lời)

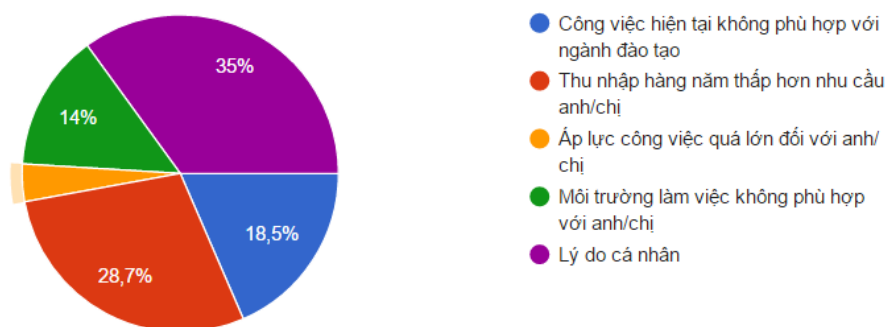


- Nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ: 20,6%
- Nâng cao kỹ năng CNTT: 9,8%
- Phát triển ngoại ngữ: 26,8%
- Kỹ năng mềm: 24,7%
- Quản lý: 8,4%
- Học SĐH: 5,9%

19. Anh/chị có ý định xin chuyển việc làm khác không? (528 câu trả lời)

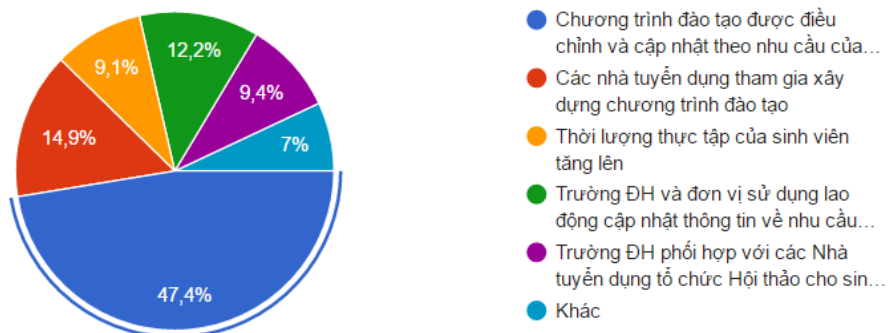


20. Lý do xin chuyển việc làm khác (157 câu trả lời)



21. Theo anh/chị, những giải pháp nào sau đây giúp sinh viên tốt nghiệp tìm được việc làm?

(329 câu trả lời)



- Chương trình đào tạo điều chỉnh và cập nhật theo nhu cầu thị trường LĐ: 47,4%
- Các doanh nghiệp tham gia xây dựng chương trình đào tạo: 14,9%
- Tăng thời lượng thực tập của SV : 9,1%
- Trường ĐH và DN cập nhật thông tin về nhu cầu tuyển dụng LĐ: 12,2%
- Trường ĐH phối hợp với DN tổ chức hội thảo cho SV: 9,4%
- Khác: 7%

Gửi kèm: Thư ngỏ; mẫu phiếu khảo sát; danh sách sinh viên tham gia khảo sát.

CB TỔNG HỢP

GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO

KẾT QUẢ KHẢO SÁT VỀ MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CỦA HỆ THỐNG TRANG THIẾT TIN HỌC

1. Mục đích khảo sát: thăm dò ý kiến của sinh viên về mức độ đáp ứng của hệ thống trang thiết tin học trong Nhà trường trong năm học nhằm mục đích cải thiện trang thiết bị cho việc dạy và học cho các năm học tiếp theo.

2. Đối tượng khảo sát: Sinh viên đang theo học tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

3. Thời gian khảo sát: Từ T8/2017 đến T9/2017

4. Phương pháp khảo sát: phát phiếu khảo sát đến các lớp sinh viên

5. Tổng số phiếu khảo sát thu về: 1.985 phiếu

6. Thống kê kết quả:

6.1. Mô tả phiếu khảo sát:

Stt	Nội dung lấy ý kiến	Các mức độ				
		①	②	③	④	⑤
1	Hệ thống trang thiết bị tin học (máy tính, thiết bị mạng, điểm kết nối wifi, màn chiếu, máy chiếu, máy in, và các thiết bị khác) đủ để hỗ trợ hiệu quả cho các hoạt động dạy và học					
2	Hệ thống trang thiết bị tin học (máy tính, phần mềm chuyên dụng có bản quyền và các thiết bị khác) đủ để hỗ trợ hiệu quả cho các hoạt động nghiên cứu khoa học					
3	Hệ thống trang thiết bị tin học (máy tính, phần mềm quản lý có bản quyền và các thiết bị khác) đủ để hỗ trợ hiệu quả cho các hoạt động quản lý					
4	Một cách tổng thể, bạn hài lòng với hệ thống trang thiết bị tin học của Nhà trường					

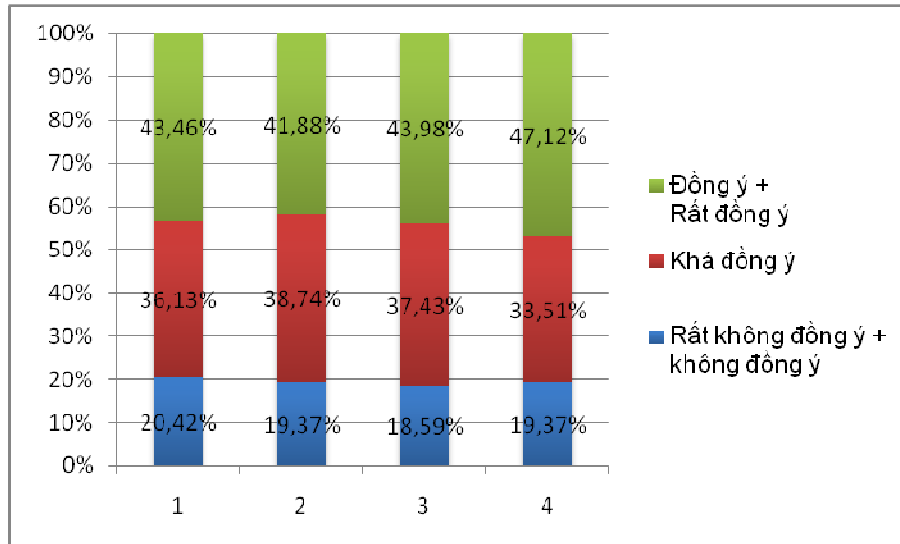
Phiếu khảo sát ý kiến cán bộ, giảng viên về hệ thống trang thiết bị tin học có đáp ứng đủ về số lượng, diện tích, chỗ ngồi không, có đủ độ thoáng không, có được bố trí hợp lý không.

Người được khảo sát trả lời bằng cách chọn vào 1 trong 5 mức từ rất không đồng ý đến rất đồng ý. Cụ thể: ①: Rất không đồng ý; ②: Không đồng ý; ③: Khá đồng ý; ④: Đồng ý; ⑤: Rất đồng ý.

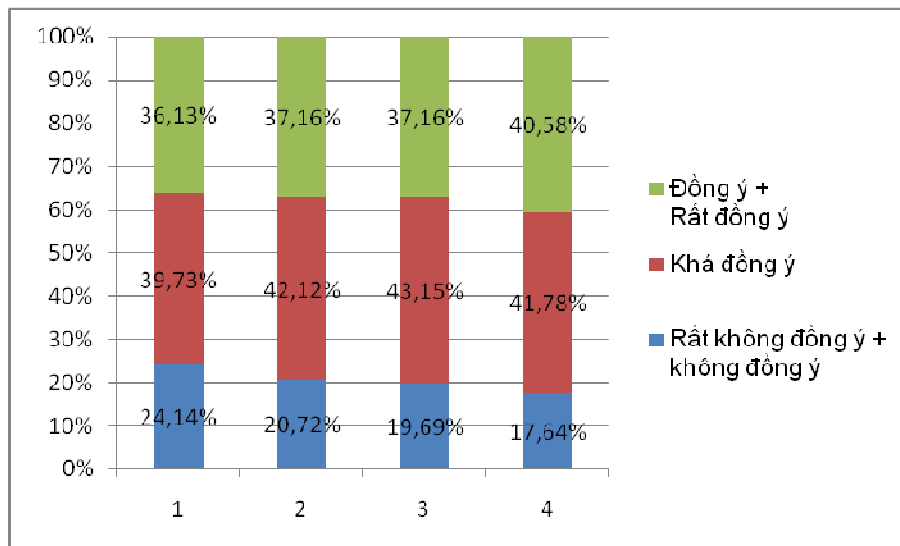
Ngoài ra người được khảo sát còn có thể nêu ý kiến đóng góp của mình ở phần “Các ý kiến góp ý khác” phía cuối của phiếu khảo sát.

6.2. Kết quả khảo sát:

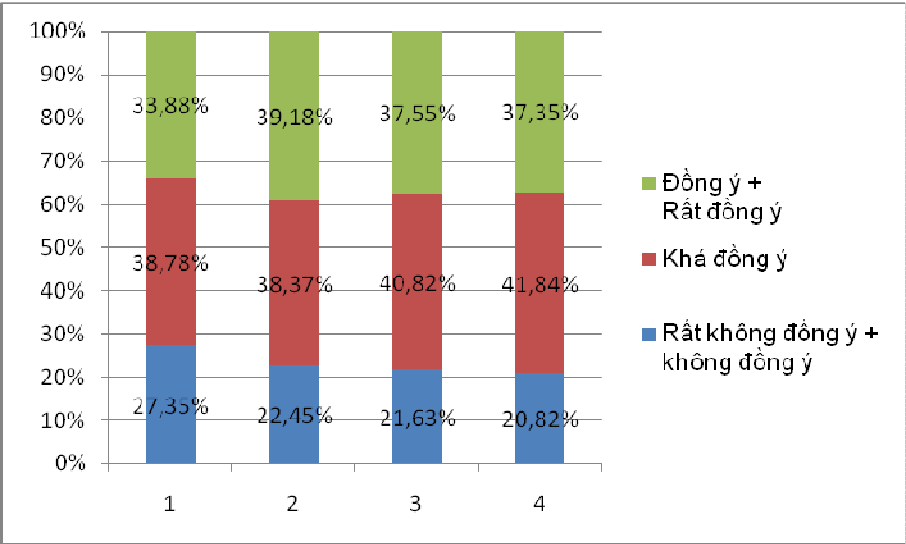
6.2.1. Kết quả khảo sát sinh viên K58



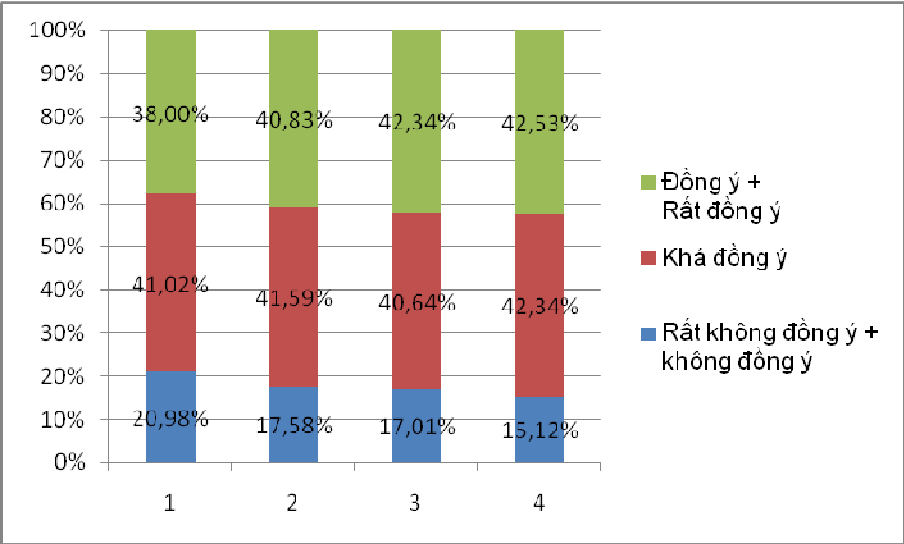
6.2.2. Kết quả khảo sát sinh viên K59



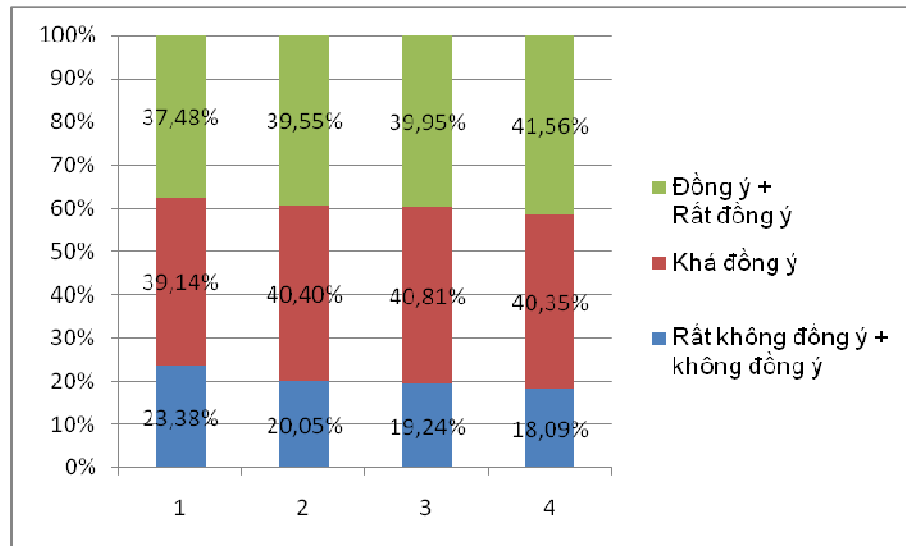
6.2.3. Kết quả khảo sát sinh viên K60



6.2.4. Kết quả khảo sát sinh viên K61



6.2.5. Tổng hợp kết quả khảo sát sinh viên tại Hà Nội



Nhìn vào bảng trên ta thấy 81.9% sinh viên hài lòng với hệ thống tin học của Nhà trường tại cơ sở, tương ứng với các mức độ ở mức đồng ý + rất đồng ý là 37,48-41,56%, ở mức khá đồng ý là 39,14-40,81%, ở mức rất không đồng ý + không đồng ý là 18,09-23,38%. Nhìn chung sinh viên được khảo sát chỉ thể hiện mức độ hài lòng với hệ thống tin học của Nhà trường chứ không có ý kiến khác.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Lưu: QTTB₍₀₃₎

TRƯỞNG PHÒNG

TS. Phạm Đức Thiên

BÁO CÁO
KẾT QUẢ KHẢO SÁT VỀ MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CỦA
HỆ THỐNG PHÒNG HỌC, GIẢNG ĐƯỜNG, PHÒNG THỰC HÀNH,
THÍ NGHIỆM

1. Mục đích khảo sát: thăm dò ý kiến của sinh viên về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm trong Nhà trường trong năm học nhằm mục đích cải thiện trang thiết bị cho việc dạy và học cho các năm học tiếp theo.

2. Đối tượng khảo sát: Sinh viên đang theo học tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

3. Thời gian khảo sát: Từ T8/2017 đến T9/2017

4. Phương pháp khảo sát: phát phiếu khảo sát đến các lớp sinh viên

5. Tổng số phiếu khảo sát: 2.167 phiếu

6. Thống kê kết quả:

6.1. Mô tả phiếu khảo sát:

Stt	Nội dung lấy ý kiến	Các mức độ				
		①	②	③	④	⑤
1	Hệ thống phòng học, giảng đường đáp ứng yêu cầu về số lượng, diện tích, chỗ ngồi					
2	Hệ thống phòng thực hành, thí nghiệm đáp ứng yêu cầu về số lượng, diện tích					
3	Các phòng học, giảng đường, phòng thực hành, thí nghiệm đảm bảo thoáng mát, đủ ánh sáng, yên tĩnh					
4	Hệ thống phòng học, giảng đường, phòng thực hành, thí nghiệm được bố trí hợp lý, thuận tiện					
5	Một cách tổng thể, bạn hài lòng với hệ thống phòng học, giảng đường, phòng thực hành, thí nghiệm của Nhà trường					

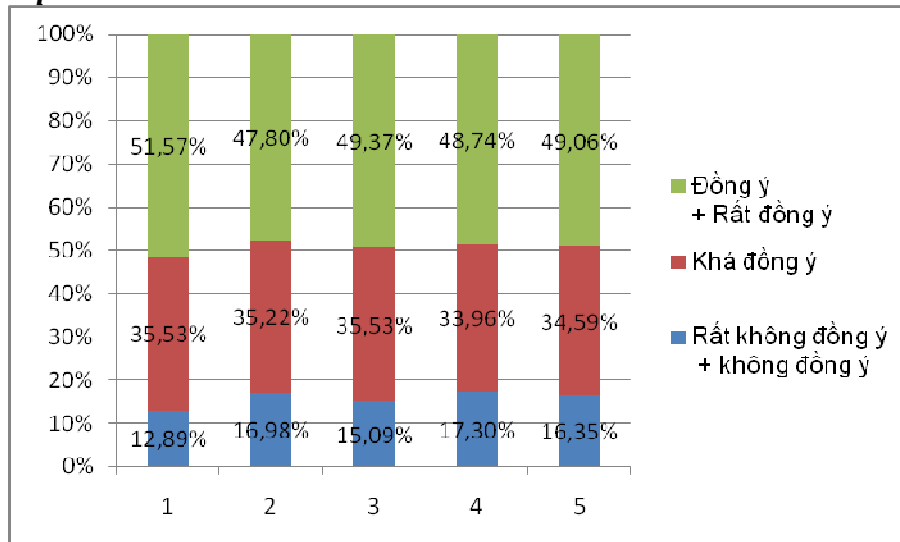
Phiếu khảo sát ý kiến cán bộ, giảng viên về hệ thống phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm có đáp ứng đủ về số lượng, diện tích, chỗ ngồi không, có đủ độ thoáng không, có được bố trí hợp lý không.

Người được khảo sát trả lời bằng cách chọn vào 1 trong 5 mức từ rất không đồng ý đến rất đồng ý. Cụ thể: ①: Rất không đồng ý; ②: Không đồng ý; ③: Khá đồng ý; ④: Đồng ý; ⑤: Rất đồng ý.

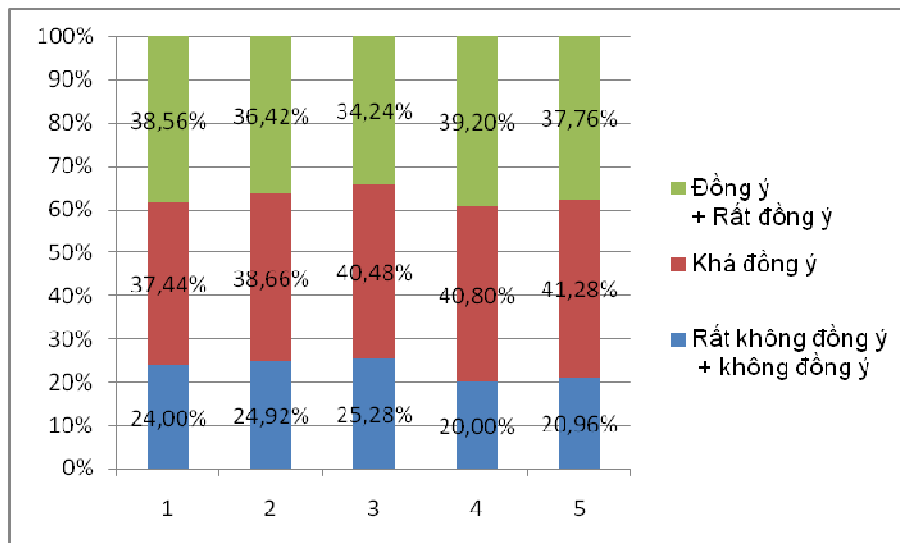
Ngoài ra người được khảo sát còn có thể nêu ý kiến đóng góp của mình ở phần “Các ý kiến góp ý khác” phía cuối của phiếu khảo sát.

6.2. Kết quả khảo sát:

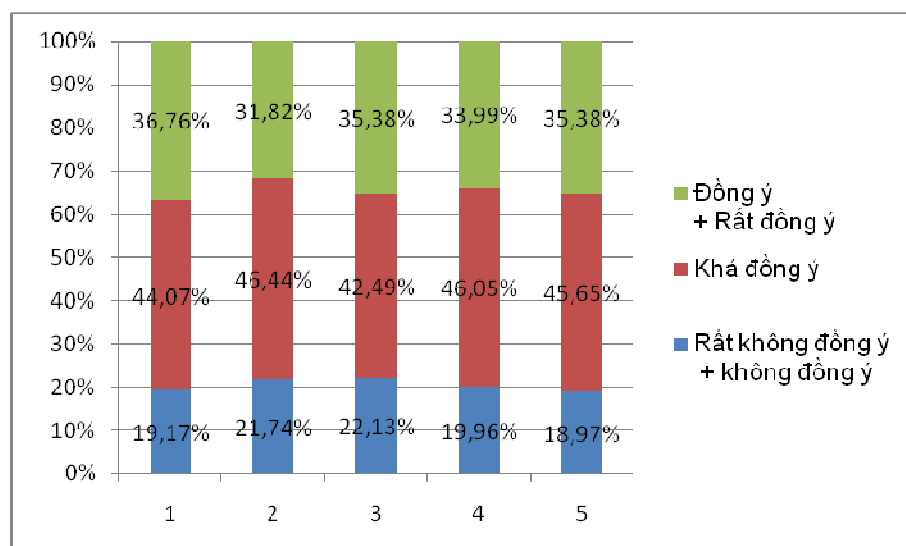
6.2.1. Kết quả khảo sát sinh viên K58



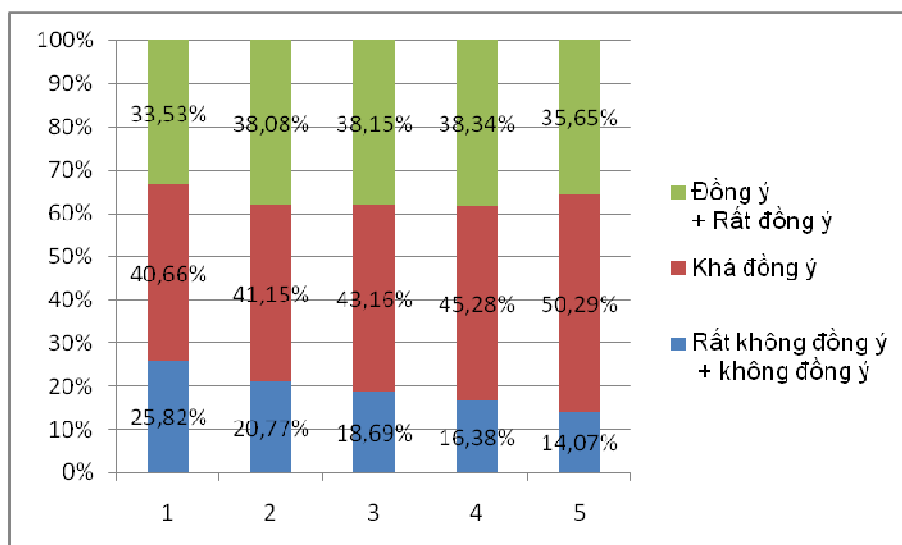
6.2.2. Kết quả khảo sát sinh viên K59



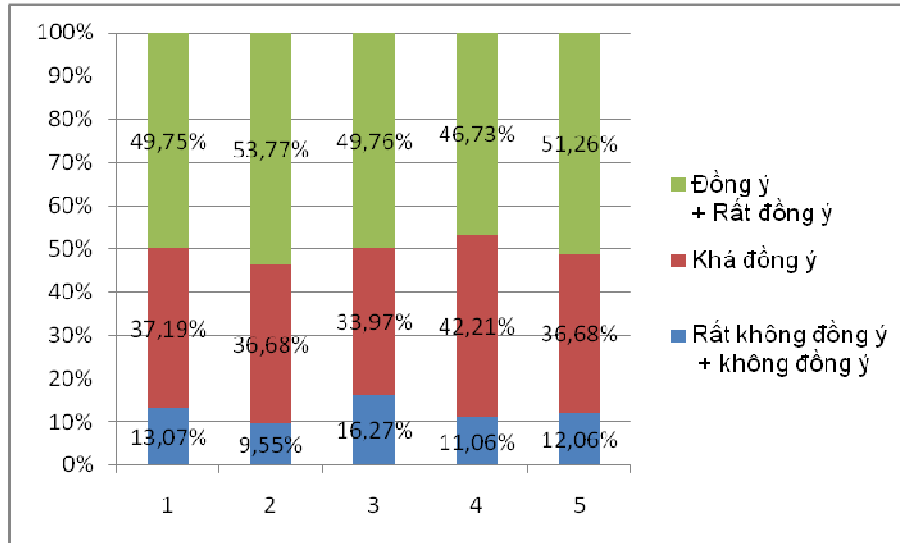
6.2.3. Kết quả khảo sát sinh viên K60



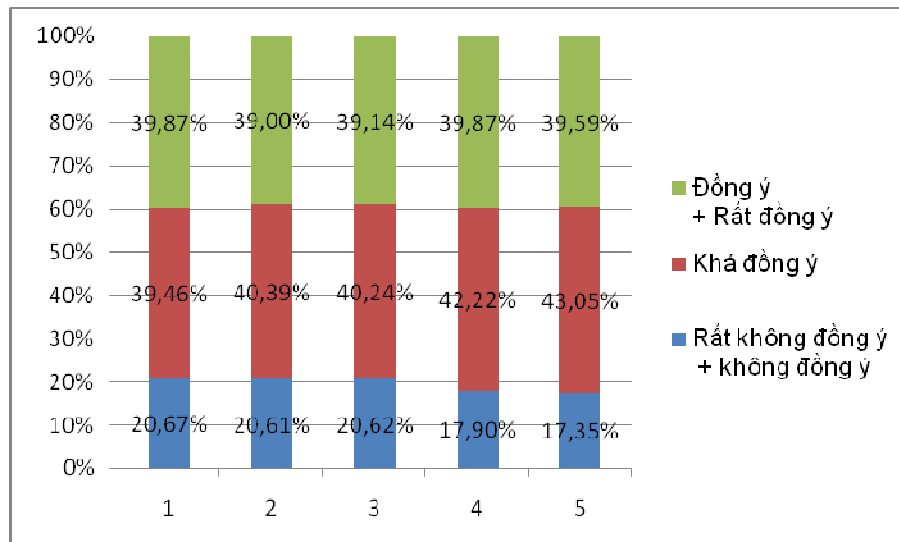
6.2.4. Kết quả khảo sát sinh viên K61



6.2.5. Kết quả khảo sát sinh viên K62



6.2.6. Tổng hợp kết quả khảo sát sinh viên tại Hà Nội



Nhìn vào bảng trên ta thấy 82,6% sinh viên hài lòng với hệ thống phòng học, giảng đường của Nhà trường, tương ứng với các mức độ ở mức đồng ý + rất đồng ý là 39,14-39,87%, ở mức khá đồng ý là 39,46-43,39%, ở mức rất không đồng ý + không đồng ý là 17,35-20,67%. Nhìn chung sinh viên được khảo sát chỉ thể hiện mức độ hài lòng với hệ thống phòng học, giảng đường của Nhà trường chứ không có nhiều ý kiến khác. Một số ý kiến được liệt kê sau:

- Cần thêm nhiều ổ điện cho các phòng dành cho sinh viên khoa CNTT
- Đề nghị Nhà trường lắp điều hòa cho các phòng học

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Lưu: QTTB₍₀₃₎

TRƯỞNG PHÒNG

TS. Phạm Đức Thiên

BÁO CÁO
KẾT QUẢ KHẢO SÁT PHẢN HỒI CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP
VỀ CHẤT LƯỢNG CỦA CHUYÊN NGÀNH/NGÀNH ĐÀO TẠO
(Phiếu số 2)

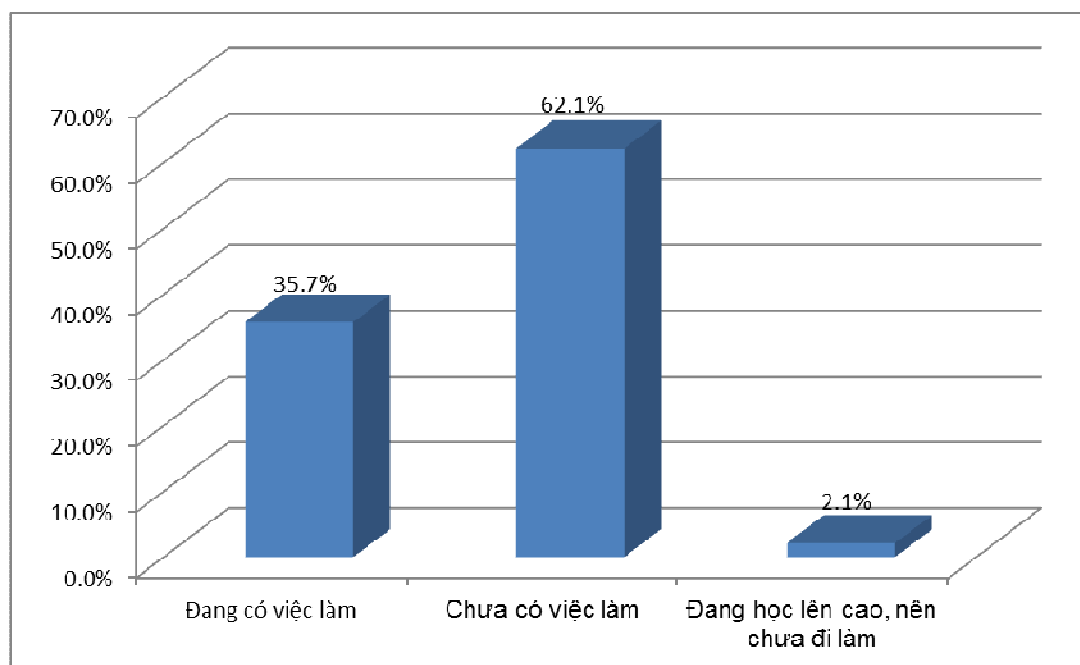
1. Đối tượng khảo sát: Các tân cử nhân/kỹ sư Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

2. Thời gian khảo sát: Từ ngày 8/9/2016 đến 30/2/2017

3. Kết quả khảo sát thu được như sau:

3.1. Thông tin về thực trạng công việc của các anh/chị tân cử nhân/kỹ sư:

Khảo sát 2.334 phiếu



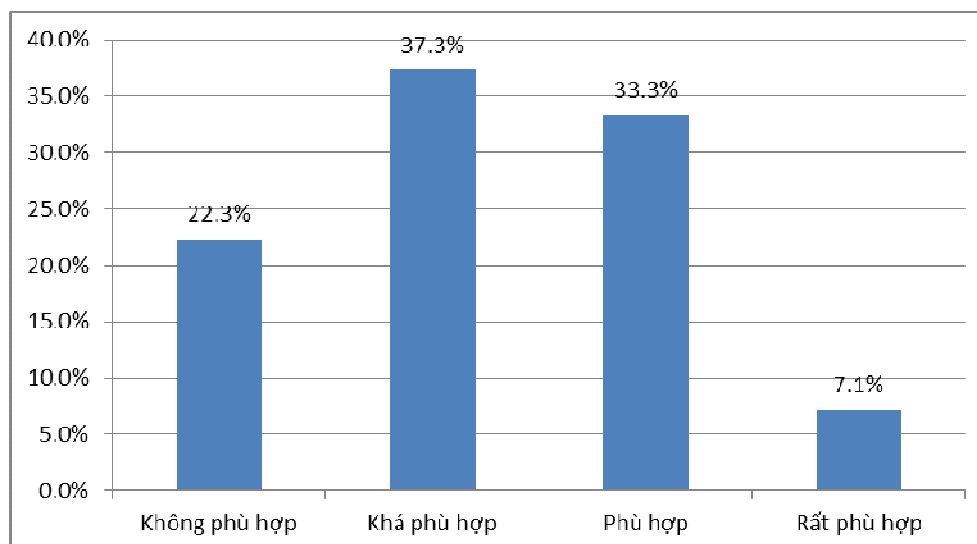
Đang có việc làm : 35.7%

Chưa có việc làm : 62.1%

Đang học lên cao, nên chưa đi làm : 2.1%

3.2. Khảo sát việc làm có phù hợp với ngành đào tạo không

Khảo sát 925 phiếu



Không phù hợp : 22.3%

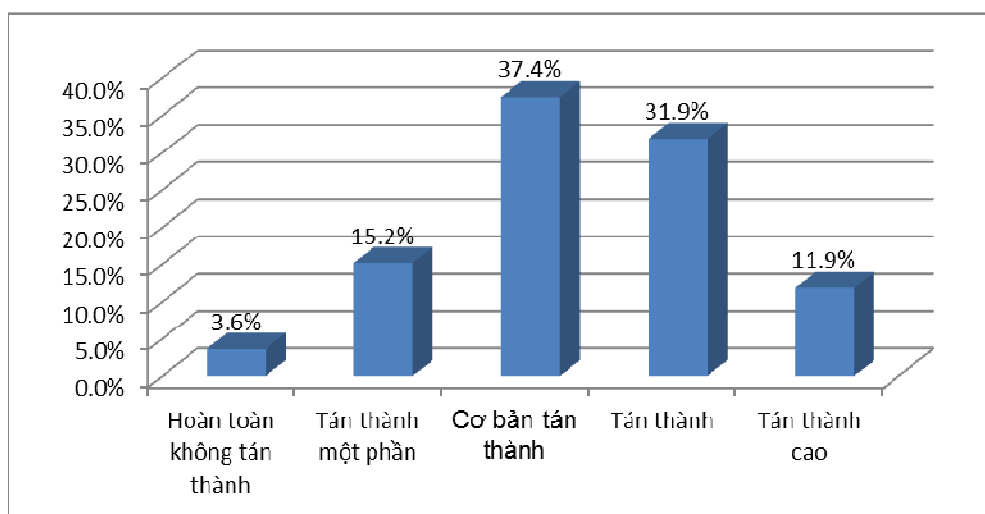
Khá phù hợp : 37.3%

Phù hợp: 33.3%

Rất phù hợp: 7.1

3.3. Đánh giá về chương trình của ngành/chuyên ngành đào tạo: Khảo sát 2708 phiếu

3.3.1. Ngành đào tạo có mục tiêu đào tạo phù hợp với yêu cầu thực tế



Hoàn toàn không tán thành: 3.6%

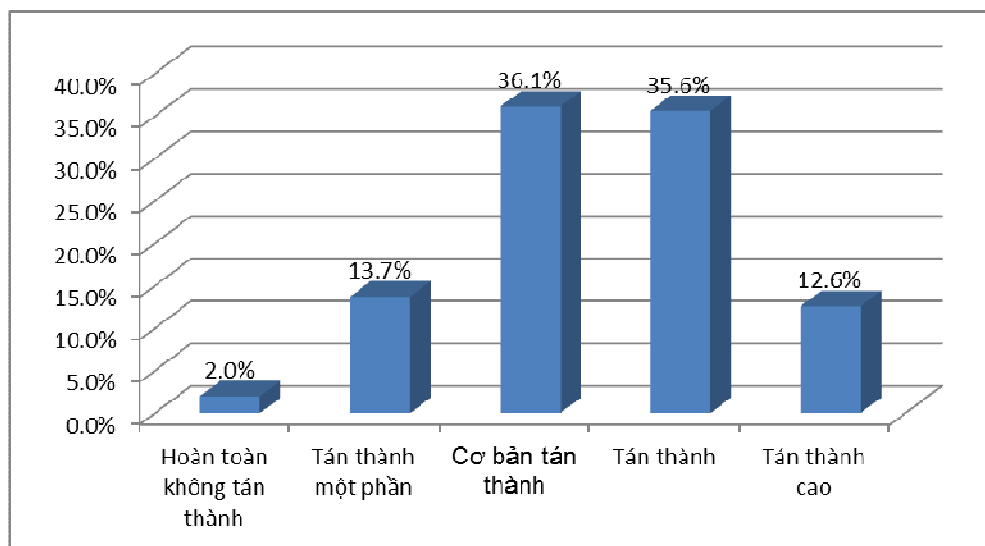
Tán thành một phần: 15.2%

Cơ bản tán thành: 37.4%

Tán thành: 31.9%

Tán thành cao: 11.9%

3.3.2. Trình tự các môn học của ngành đào tạo được thiết lập logic



Hoàn toàn không tán thành: 2.0%

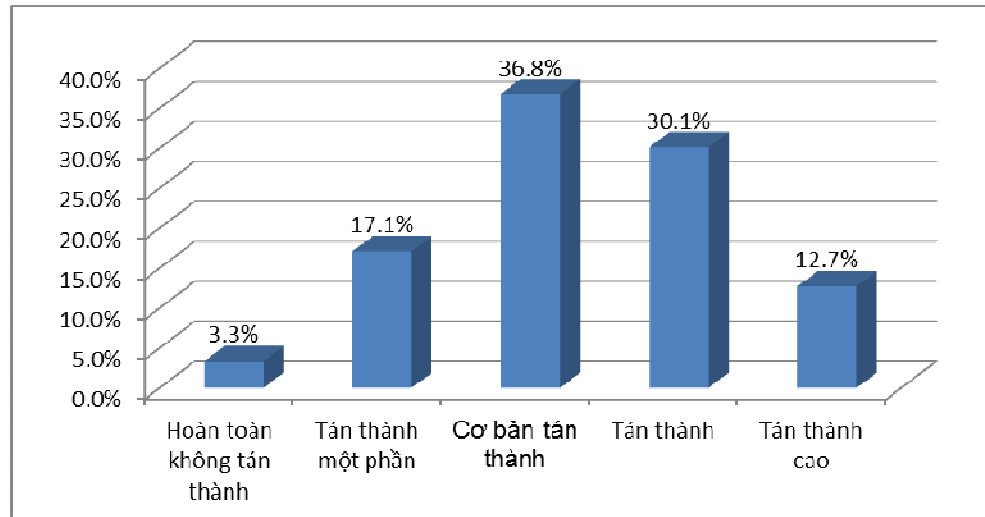
Tán thành một phần: 13.7%

Cơ bản tán thành: 36.1%

Tán thành: 35.6%

Tán thành cao: 12.6%

3.3.3. Tỷ lệ giữa lý thuyết và thực hành hợp lý



Hoàn toàn không tán thành: 2.0%

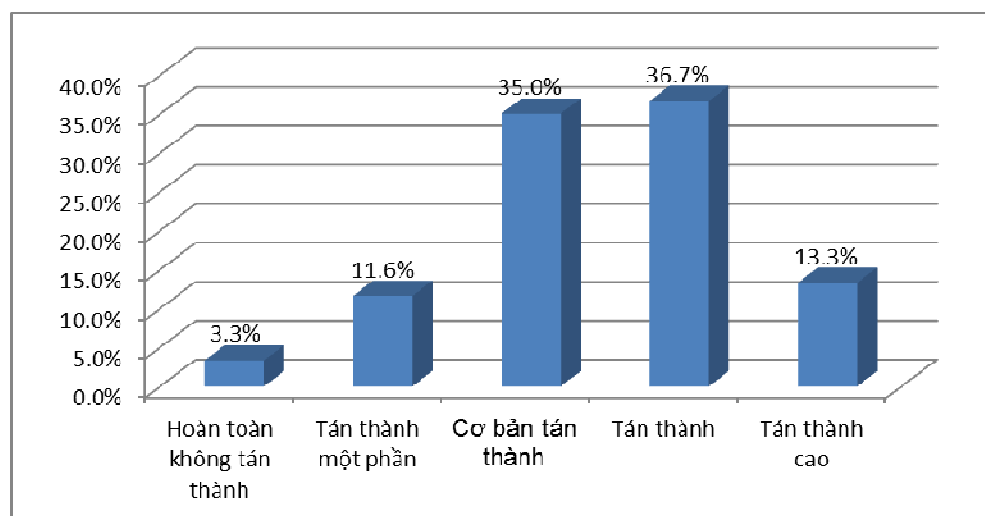
Tán thành một phần: 13.7%

Cơ bản tán thành: 36.1%

Tán thành: 35.6%

Tán thành cao: 12.6%

3.3.4. Chương trình thiết kế mềm dẻo đáp ứng nhu cầu người học



Hoàn toàn không tán thành: 3.3%

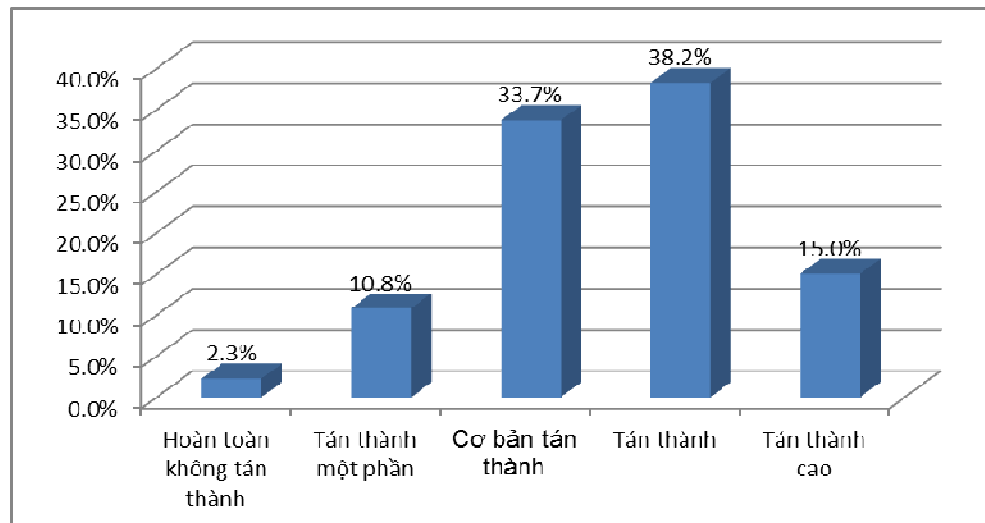
Tán thành một phần: 11.6%

Cơ bản tán thành: 35.0%

Tán thành: 36.7%

Tán thành cao: 13.3%

3.3.5. Chương trình tích hợp phát triển các phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp cho người học



Hoàn toàn không tán thành: 2.3%

Tán thành một phần: 10.8%

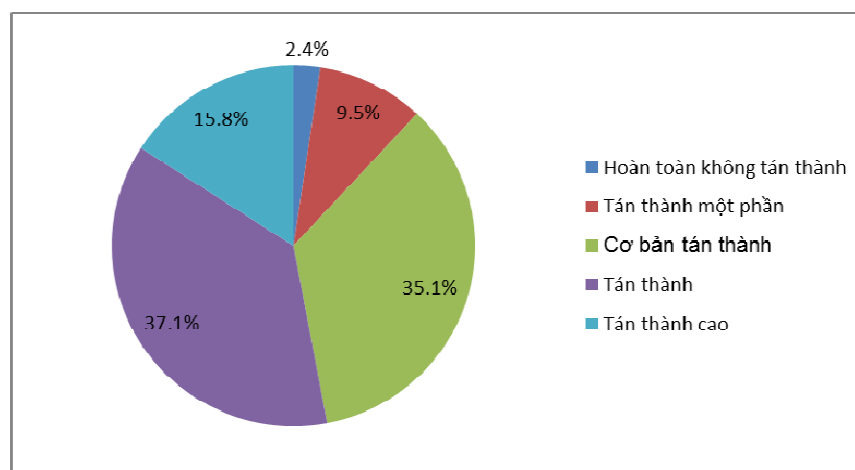
Cơ bản tán thành: 33.7%

Tán thành: 38.2%

Tán thành cao: 15.0%

3.4. Quá trình giảng dạy - học tập - nghiên cứu khoa học

3.4.1. Người học có cơ hội để chủ động tham gia vào quá trình học tập



Hoàn toàn không tán thành: 2.4%

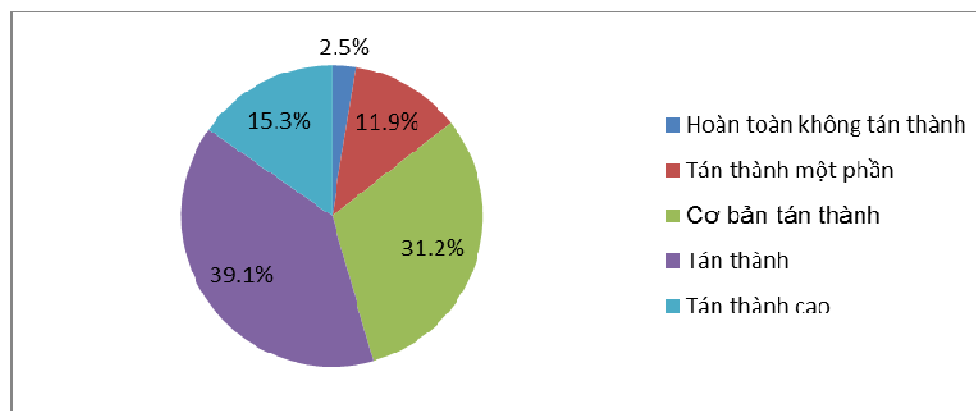
Tán thành một phần: 9.5%

Cơ bản tán thành: 31.5%

Tán thành: 37.1%

Tán thành cao: 15.8%

3.4.2. Người học được cập nhật các kiến thức chuyên ngành kịp thời



Hoàn toàn không tán thành: 2.5%

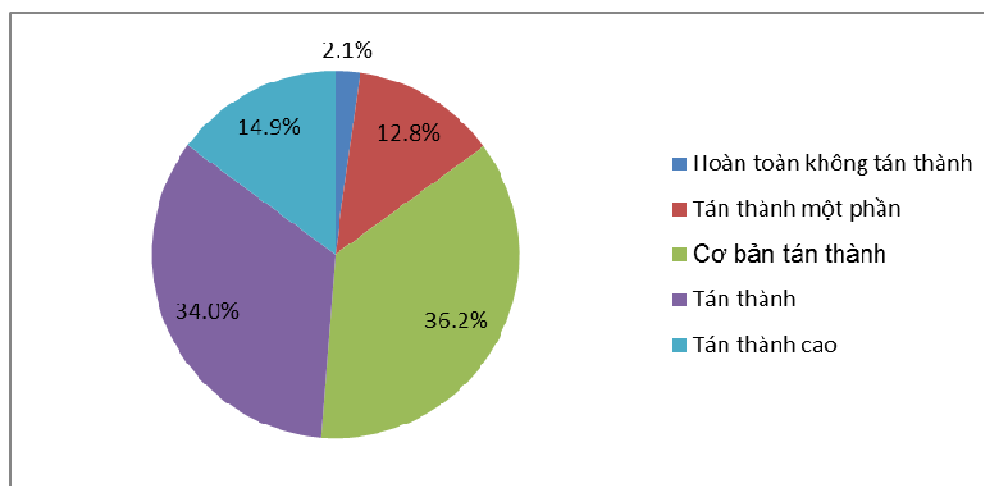
Tán thành một phần: 11.9%

Cơ bản tán thành: 31.2%

Tán thành: 39.1%

Tán thành cao: 15.3%

3.4.3. Người học được rèn luyện phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề, tư duy phê phán



Hoàn toàn không tán thành: 2.1%

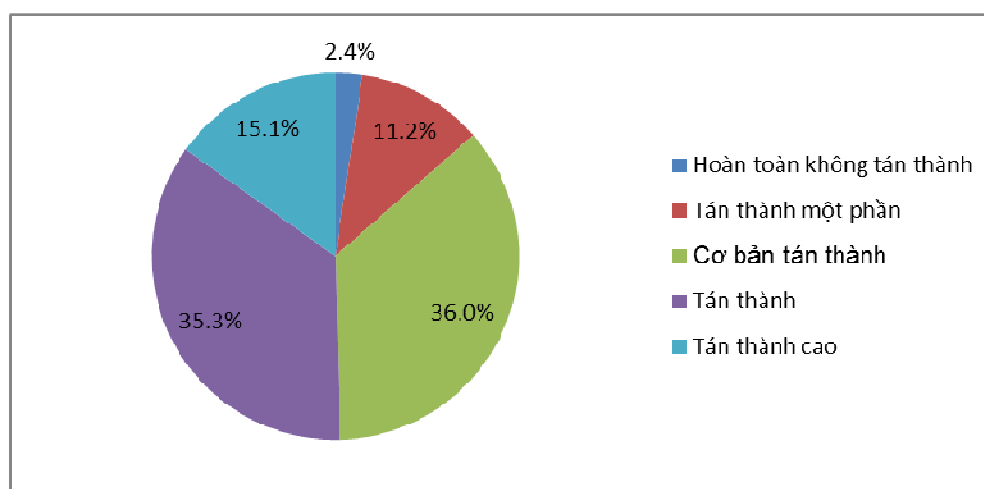
Tán thành một phần: 12.8%

Cơ bản tán thành: 36.2%

Tán thành: 34.0%

Tán thành cao: 14.9%

3.4.4. Người học được tạo điều kiện để phát triển kỹ năng làm việc độc lập



Hoàn toàn không tán thành: 2.4%

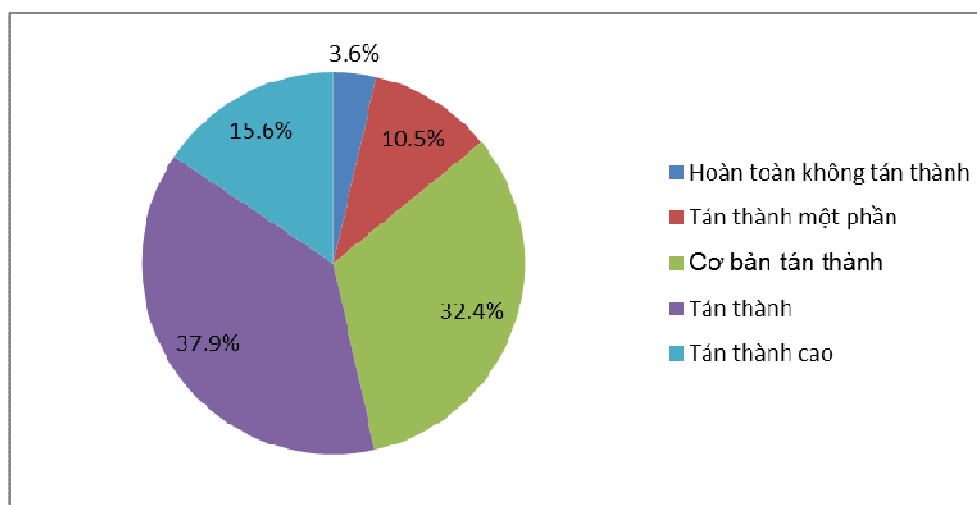
Tán thành một phần: 11.2%

Cơ bản tán thành: 36.0%

Tán thành: 35.3%

Tán thành cao: 15.1%

3.4.5. Các đợt thực tập nghề nghiệp phù hợp với mục đích đào tạo



Hoàn toàn không tán thành: 3.6%

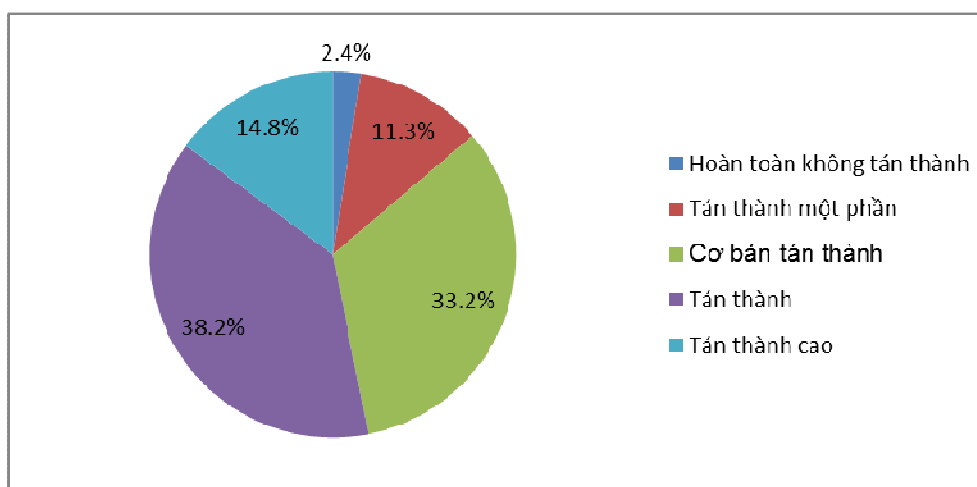
Tán thành một phần: 10.5%

Cơ bản tán thành: 32.4%

Tán thành: 37.9%

Tán thành cao: 15.6%

3.4.6. Các trang thiết bị giảng dạy phù hợp được sử dụng hiệu quả



Hoàn toàn không tán thành: 2.4%

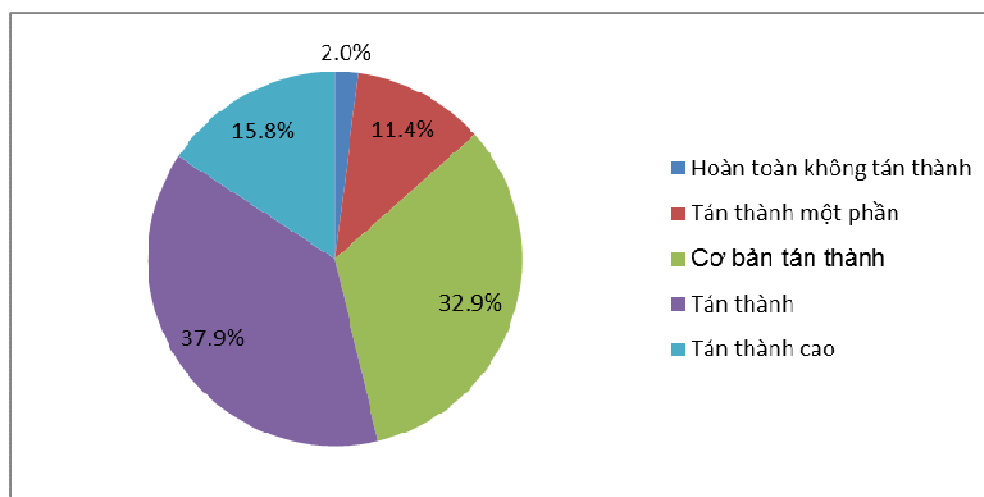
Tán thành một phần: 11.3%

Cơ bản tán thành: 33.2%

Tán thành: 38.2%

Tán thành cao: 14.8%

3.4.7. Phương thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập phù hợp với tính chất và đặc thù của từng môn học



Hoàn toàn không tán thành: 2.0%

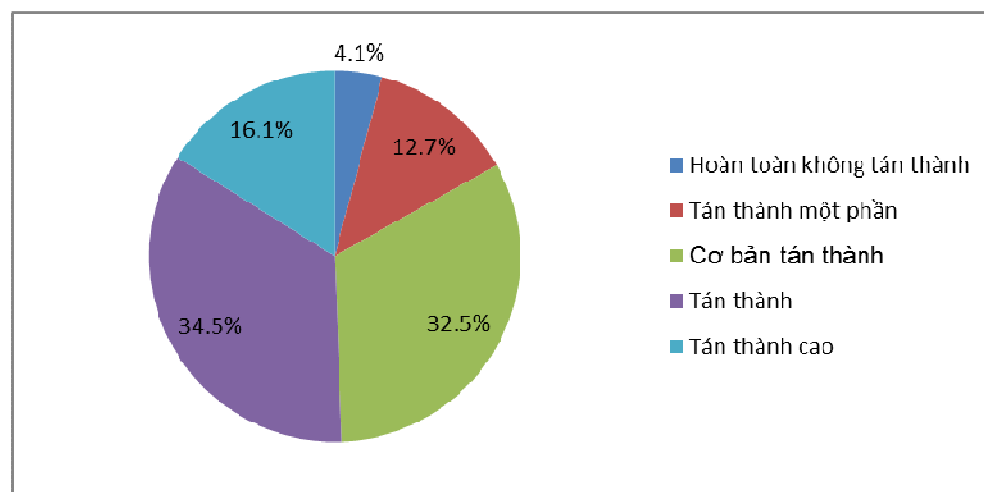
Tán thành một phần: 11.4%

Cơ bản tán thành: 32.9%

Tán thành: 37.9%

Tán thành cao: 15.8%

3.4.8. Kết quả kiểm tra đánh giá phản ánh đúng năng lực của người học



Hoàn toàn không tán thành: 4.1%

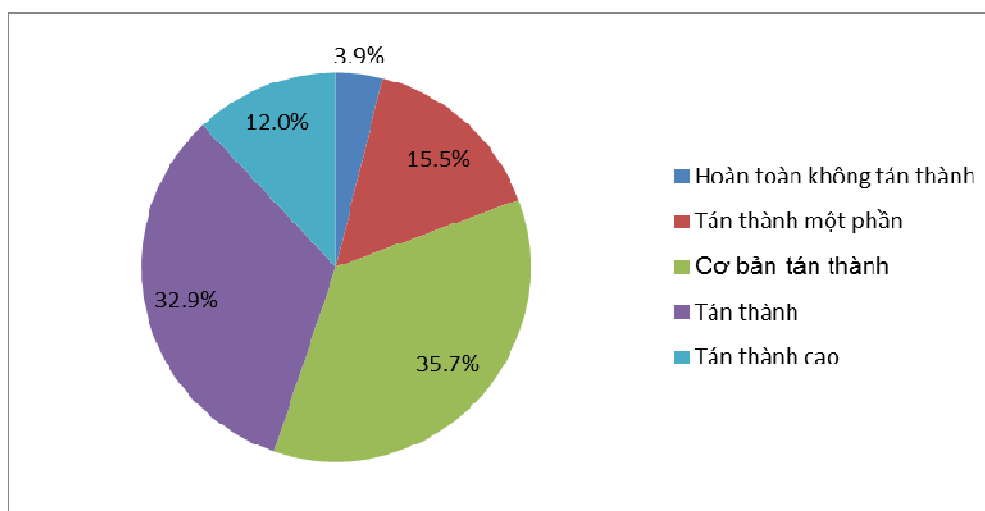
Tán thành một phần: 12.7%

Cơ bản tán thành: 32.5%

Tán thành: 34.5%

Tán thành cao: 16.1%

3.4.9. Kết quả học tập được thông báo kịp thời



Hoàn toàn không tán thành: 3.9%

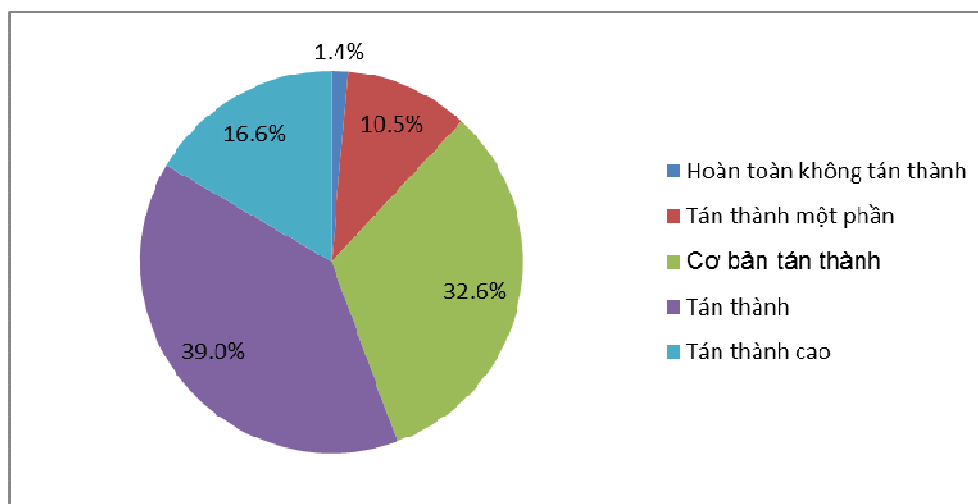
Tán thành một phần: 15.5%

Cơ bản tán thành: 35.7%

Tán thành: 32.9%

Tán thành cao: 12.0%

3.4.10. Giảng viên có phương pháp giảng dạy và có trình độ chuyên môn phù hợp với yêu cầu đào tạo



Hoàn toàn không tán thành: 1.4%

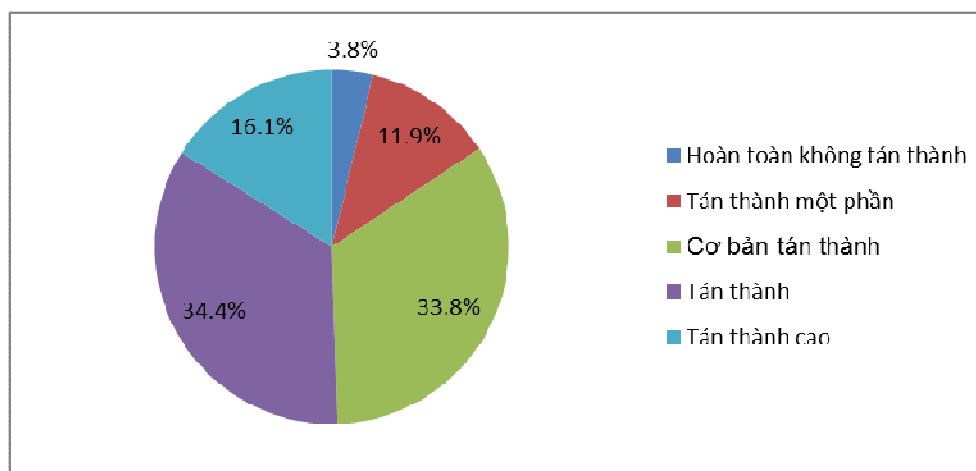
Tán thành một phần: 10.5%

Cơ bản tán thành: 32.6%

Tán thành: 39.0%

Tán thành cao: 16.6%

3.4.11. Người học được phản hồi trực tiếp với Hiệu trưởng/Lãnh đạo Phòng, Khoa, Ban để phản hồi các hoạt động gắn với đào tạo của Trường



Hoàn toàn không tán thành: 3.8%

Tán thành một phần: 11.9%

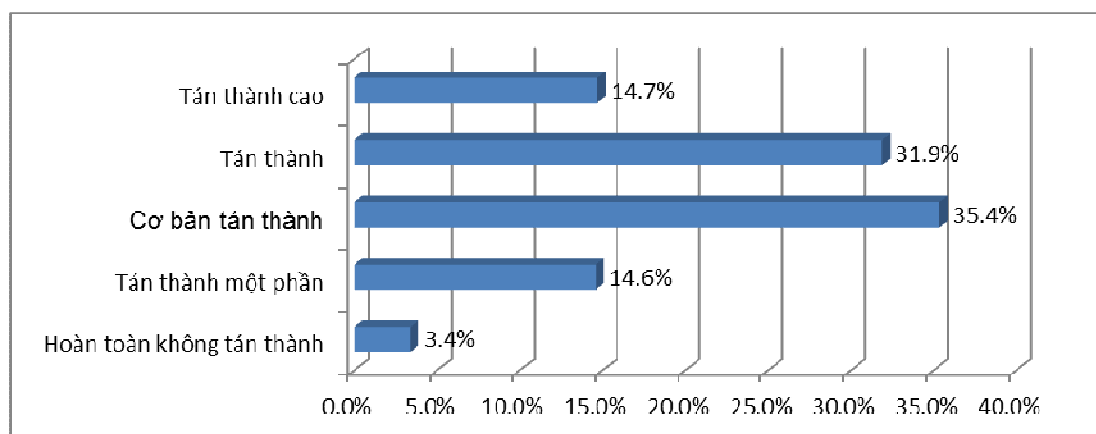
Cơ bản tán thành: 33.8%

Tán thành: 34.4%

Tán thành cao: 16.1%

3.5. Các hoạt động hỗ trợ đào tạo

3.5.1. Trường học có các khóa nâng cao năng lực ngoại ngữ, năng lực công nghệ thông tin ngoài chương trình



Hoàn toàn không tán thành: 3.4%

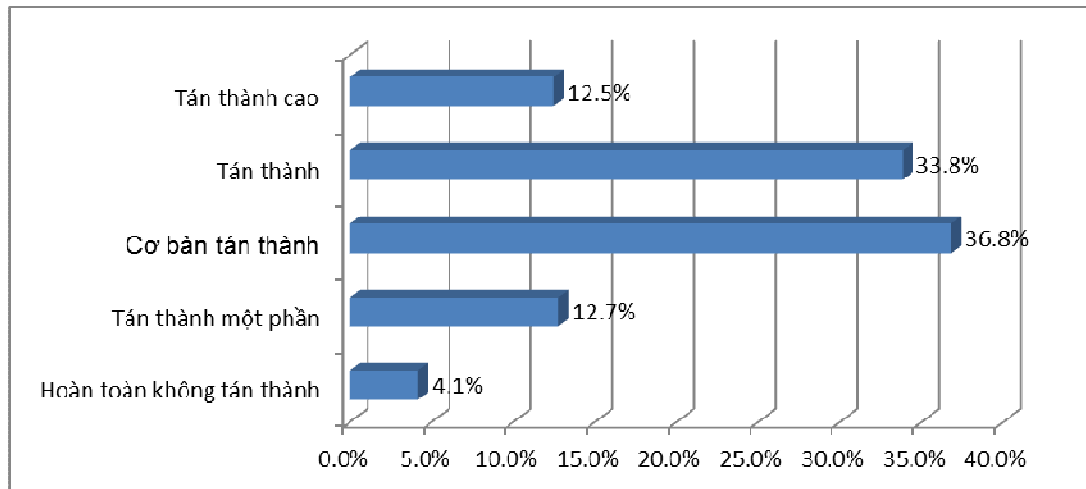
Tán thành một phần: 14.6%

Cơ bản tán thành: 35.4%

Tán thành: 31.9%

Tán thành cao: 14.7%

3.5.2. Các yêu cầu hợp lý của người học được giải quyết kịp thời



Hoàn toàn không tán thành: 4.1%

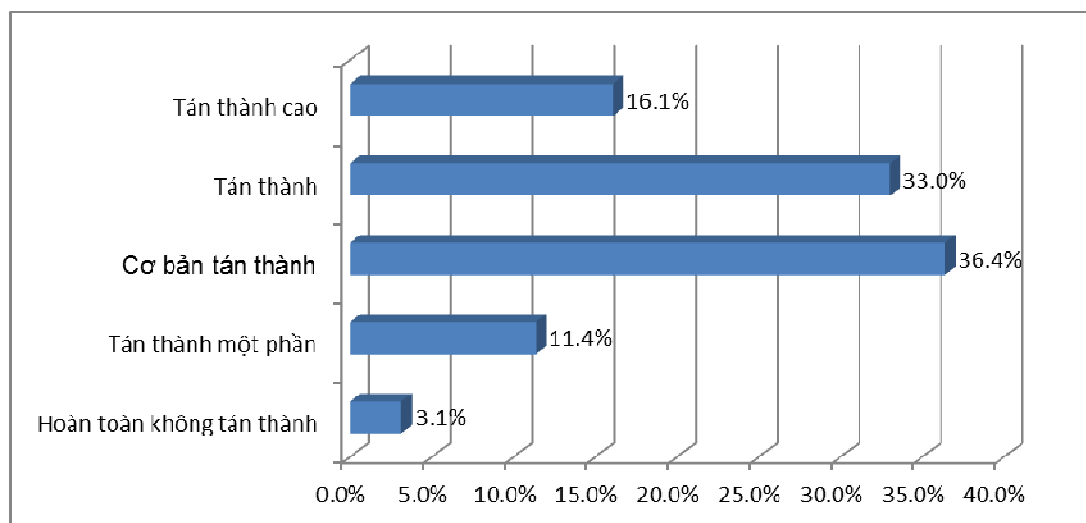
Tán thành một phần: 12.7%

Cơ bản tán thành: 36.8%

Tán thành: 33.8%

Tán thành cao: 12.5%

3.5.3. Cán bộ nhân viên hỗ trợ có trình độ nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu



Hoàn toàn không tán thành: 3.1%

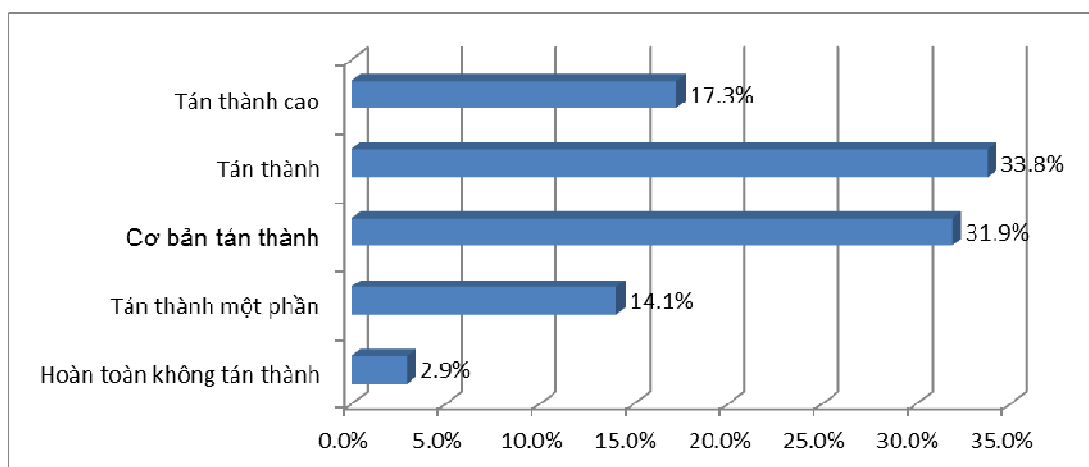
Tán thành một phần: 11.4%

Cơ bản tán thành: 36.4%

Tán thành: 33.0%

Tán thành cao: 16.1%

3.5.4. Thư viện cung cấp đủ giáo trình và tài liệu tham khảo cho ngành đào tạo



Hoàn toàn không tán thành: 2.9%

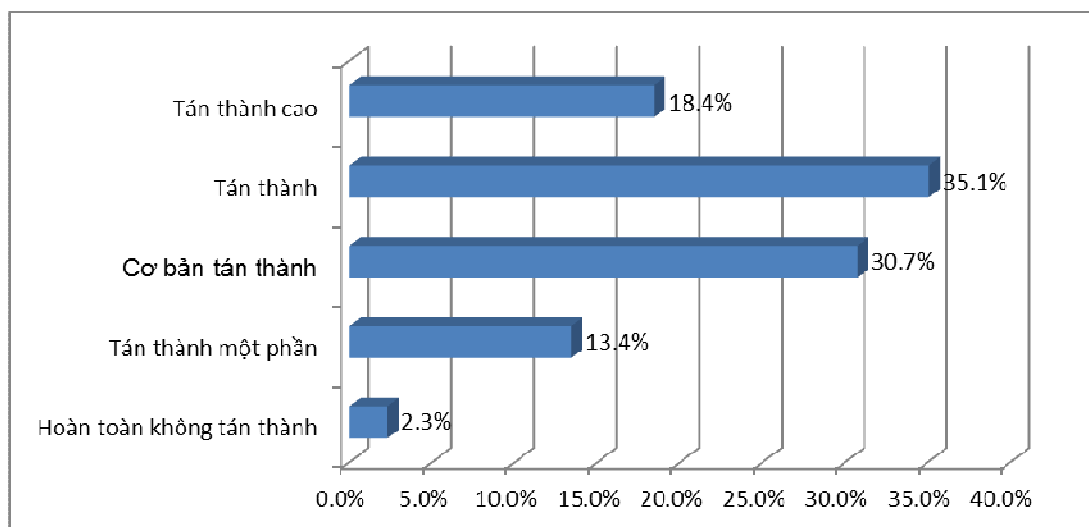
Tán thành một phần: 14.1%

Cơ bản tán thành: 31.9%

Tán thành: 33.8%

Tán thành cao: 17.3%

3.5.5. Thư viện có đủ chỗ cho sinh viên học tập và nghiên cứu



Hoàn toàn không tán thành: 2.3%

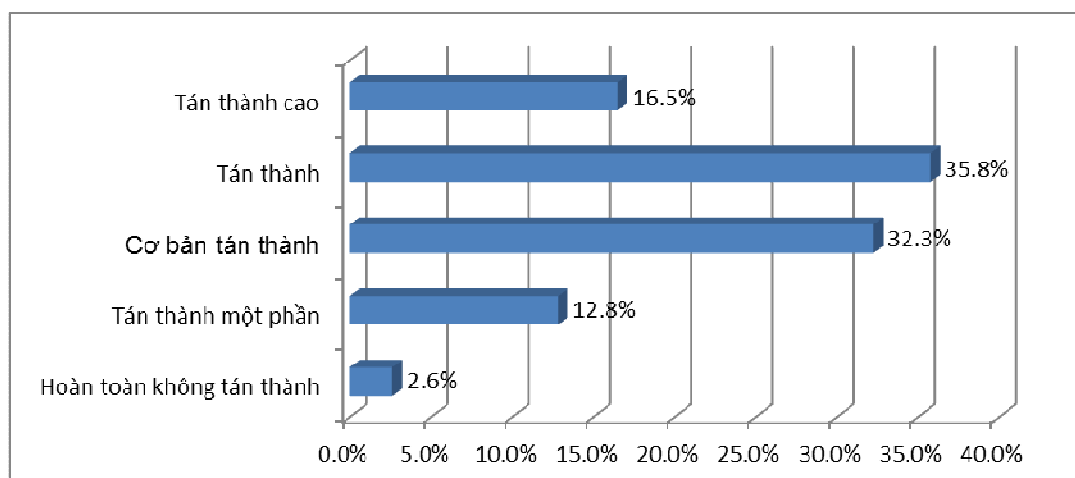
Tán thành một phần: 13.4%

Cơ bản tán thành: 30.7%

Tán thành: 35.1%

Tán thành cao: 18.4%

3.5.6. Các hoạt động ngoại khóa hỗ trợ kiến thức cho học tập và nghiên cứu



Hoàn toàn không tán thành: 2.6%

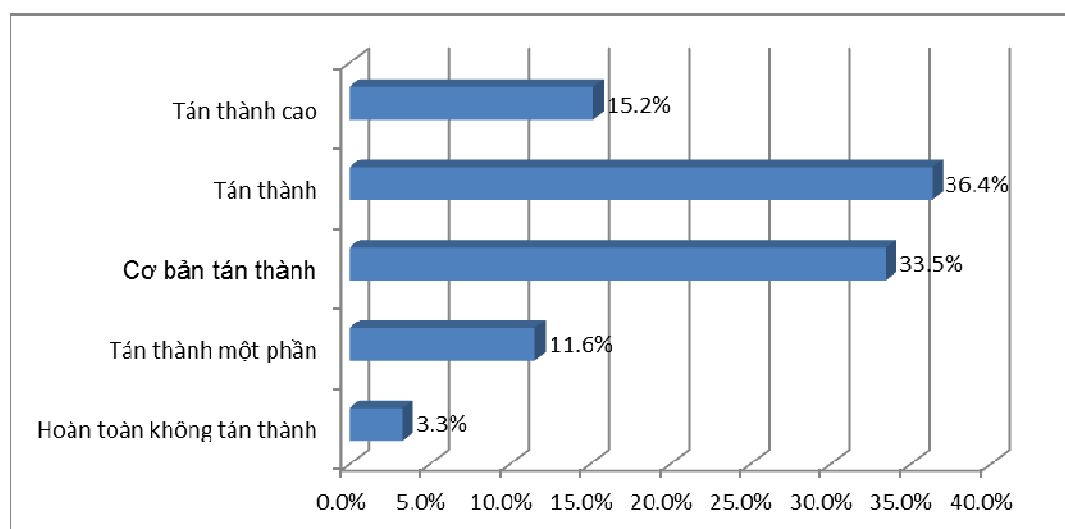
Tán thành một phần: 12.8%

Cơ bản tán thành: 32.3%

Tán thành: 35.8%

Tán thành cao: 16.5%

3.5.7. Hoạt động của Đoàn thanh niên CS HCM và Hội sinh viên thiết thực đối với người học



Hoàn toàn không tán thành: 3.3%

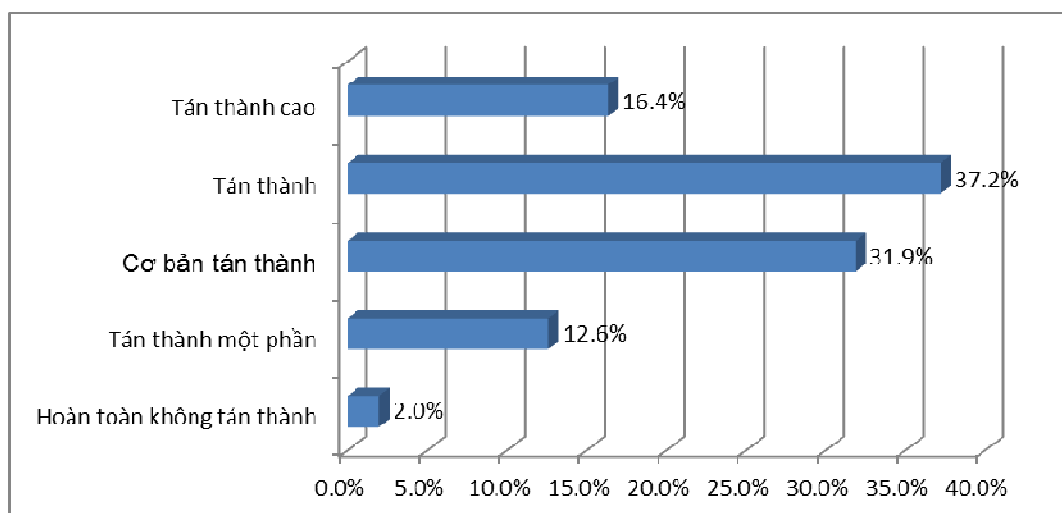
Tán thành một phần: 11.6%

Cơ bản tán thành: 33.5%

Tán thành: 36.4%

Tán thành cao: 15.2%

3.5.8. Người học được đảm bảo các chế độ chính sách xã hội kịp thời



Hoàn toàn không tán thành: 2.0%

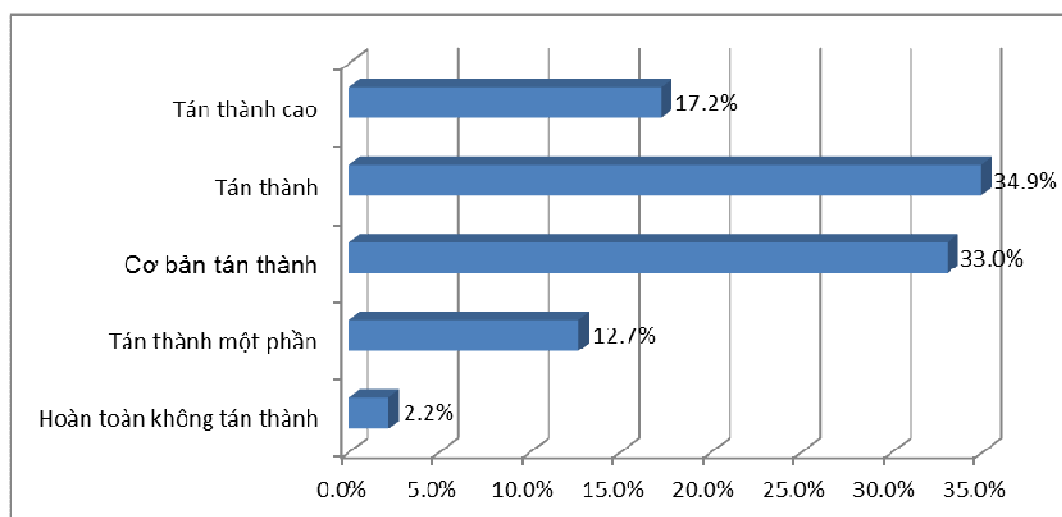
Tán thành một phần: 12.6%

Cơ bản tán thành: 31.9%

Tán thành: 37.2%

Tán thành cao: 16.4%

3.5.9. Phòng thí nghiệm/ thực hành đáp ứng yêu cầu của ngành đào tạo



Hoàn toàn không tán thành: 2.2%

Tán thành một phần: 12.7%

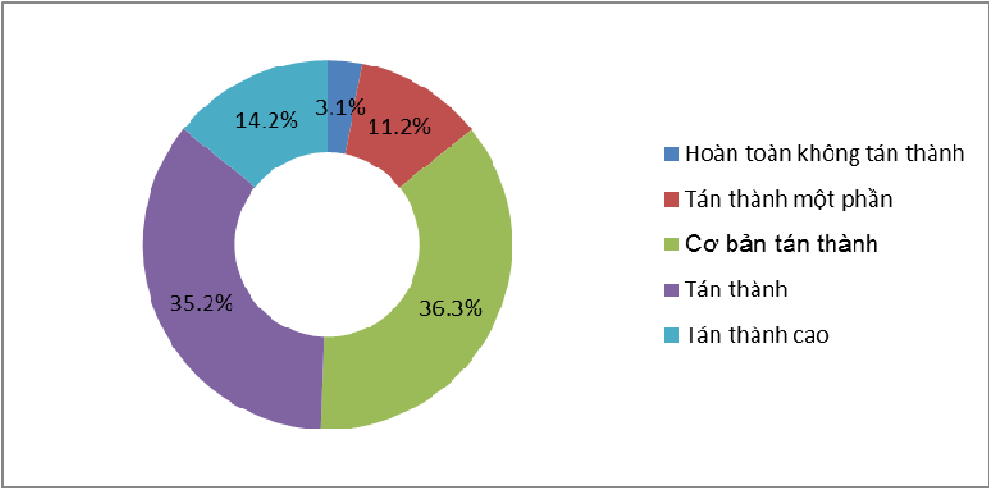
Cơ bản tán thành: 33.0%

Tán thành: 34.9%

Tán thành cao: 17.2%

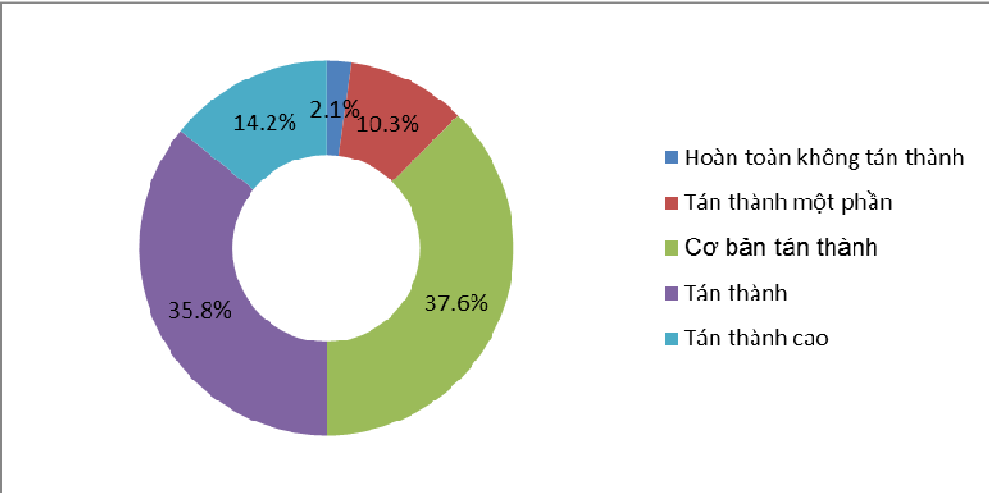
3.6. Đánh giá chung

3.6.1. Người học được trang bị kiến thức và kỹ năng hữu ích cho công việc



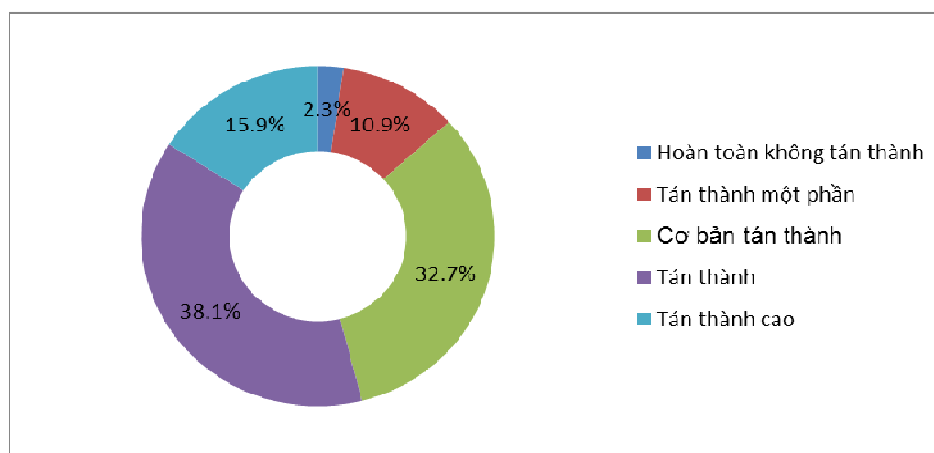
Hoàn toàn không tán thành:	3.1%
Tán thành một phần:	11.2%
Cơ bản tán thành:	36.3%
Tán thành:	35.2%
Tán thành cao:	14.2%

3.6.2. Môi trường học tập đáp ứng chuẩn mực học thuật



Hoàn toàn không tán thành:	2.1%
Tán thành một phần:	10.3%
Cơ bản tán thành:	37.6%
Tán thành:	35.8%
Tán thành cao:	14.2%

3.6.3. Cơ sở đào tạo có uy tín đào tạo, nghiên cứu khoa học



Hoàn toàn không tán thành: 2.3%

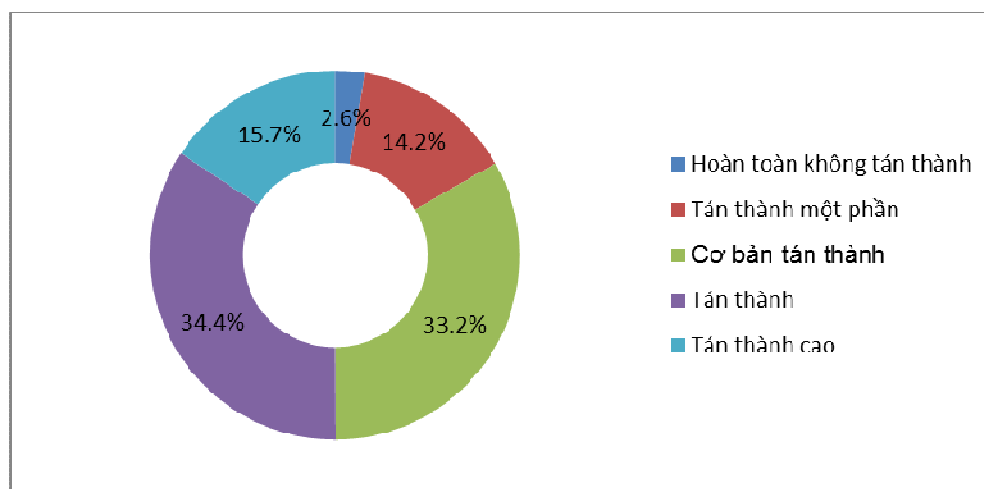
Tán thành một phần: 10.9%

Cơ bản tán thành: 32.7%

Tán thành: 38.1%

Tán thành cao: 15.9%

3.6.4. Sinh viên tốt nghiệp tự tin về "hành trang nghề nghiệp" được trang bị



Hoàn toàn không tán thành: 2.6%

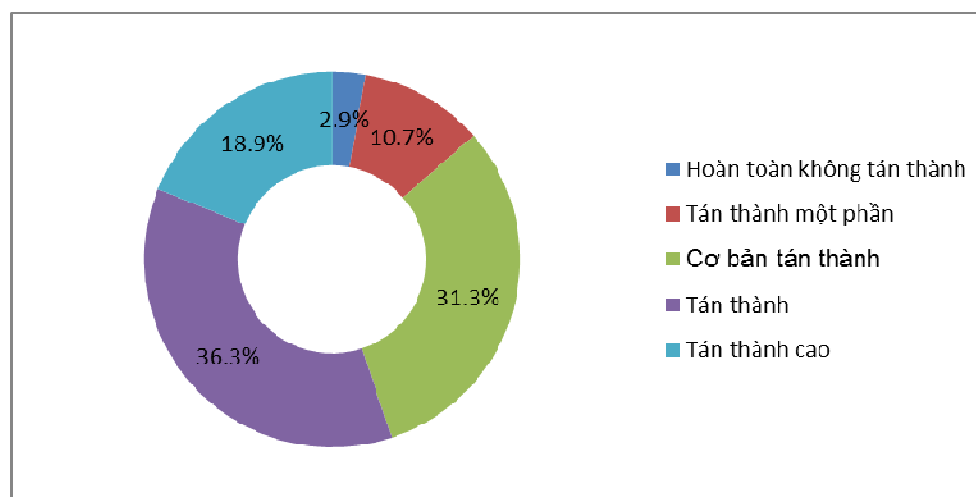
Tán thành một phần: 14.2%

Cơ bản tán thành: 33.2%

Tán thành: 34.4%

Tán thành cao: 15.7%

3.6.5. Anh/ Chị hài lòng với ngành đào tạo của Trường



Hoàn toàn không tán thành: 2.9%

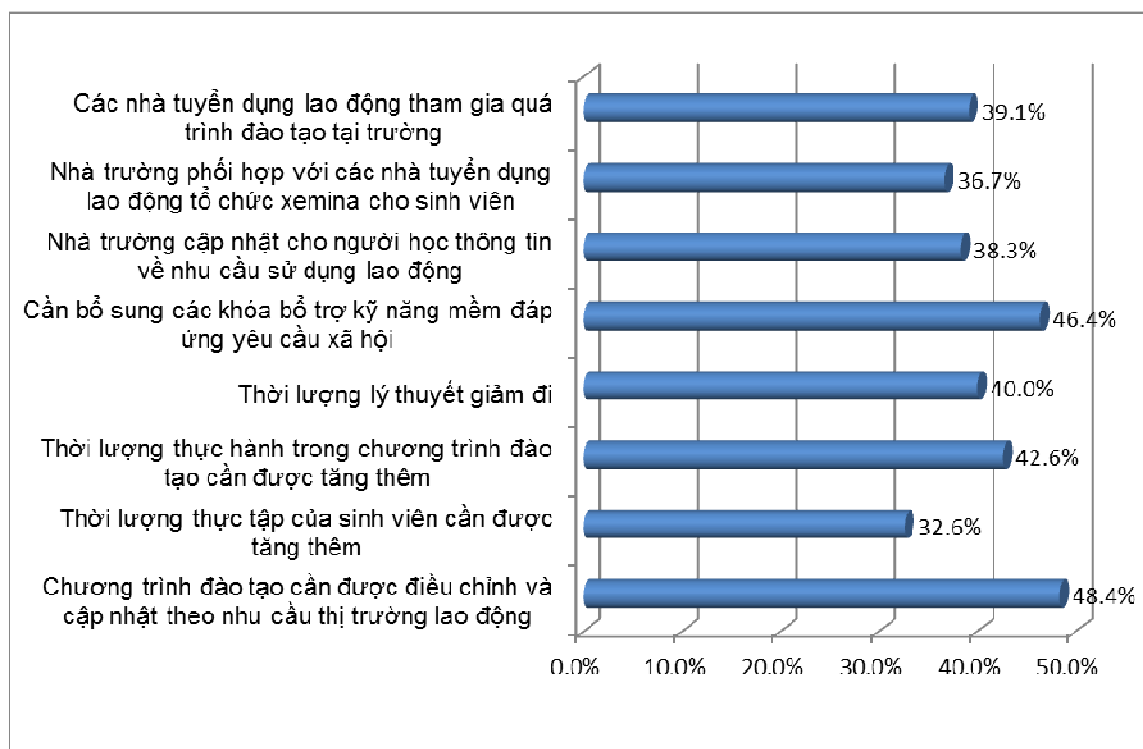
Tán thành một phần: 10.7%

Cơ bản tán thành: 31.3%

Tán thành: 36.3%

Tán thành cao: 18.9%

3.7. Những ý kiến đóng góp giúp hoàn thiện chương trình đào tạo để đáp ứng tốt hơn yêu cầu công việc thực tế của người học và thị trường lao động



Chương trình đào tạo cần được điều chỉnh và cập nhật theo nhu cầu thị trường lao động: 48.4%

Thời lượng thực tập của sinh viên cần được tăng thêm: 32.6%

Thời lượng thực hành trong chương trình đào tạo cần được tăng thêm: 42.6%

Thời lượng lý thuyết giảm đi:	40.0%
Cần bổ sung các khóa hỗ trợ kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu xã hội:	46.4%
Nhà trường cập nhật cho người học thông tin về nhu cầu sử dụng lao động:	38.3%
Nhà trường phối hợp với các nhà tuyển dụng lao động tổ chức xemina cho sinh viên:	36.7%
Các nhà tuyển dụng lao động tham gia quá trình đào tạo tại trường:	39.1%

Nhận xét:

1. Trả lời khảo sát về chất lượng đào tạo của ngành, chuyên ngành 1. Thực trạng công việc của các anh/chị tân cử nhân/kỹ sư: số lượng người học có việc làm sau tốt nghiệp chưa cao

2. Khảo sát việc làm có phù hợp với ngành đào tạo không, có gần 80% người học đã tốt nghiệp được khảo sát trả lời có việc làm phù hợp với ngành đào tạo

3. Đánh giá về chương trình của ngành/chuyên ngành đào tạo, hơn 80% số người học đã tốt nghiệp được khảo sát đánh giá ngành đào tạo có mục tiêu đào tạo phù hợp với yêu cầu thực tế, trình tự các môn học của ngành đào tạo được thiết lập logic, tỷ lệ giữa lý thuyết và thực hành hợp lý, Chương trình thiết kế mềm dẻo đáp ứng nhu cầu người học, tích hợp phát triển các phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp cho người học, người học được cập nhật các kiến thức chuyên ngành kịp thời, được rèn luyện phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề, tư duy phê phán, được tạo điều kiện để phát triển kỹ năng làm việc độc lập; các đợt thực tập nghề nghiệp phù hợp với mục đích đào tạo, các trang thiết bị giảng dạy phù hợp được sử dụng hiệu quả, phương thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập phù hợp với tính chất và đặc thù của từng môn học, kết quả kiểm tra đánh giá phản ánh đúng năng lực của người học và được thông báo kịp thời, giảng viên có phương pháp giảng dạy và có trình độ chuyên môn phù hợp với yêu cầu đào tạo, người học được phản hồi trực tiếp với Hiệu trưởng/Lãnh đạo Phòng, Khoa, Ban để phản hồi các hoạt động gắn với đào tạo của Trường

Đánh giá về các hoạt động hỗ trợ đào tạo, hơn 80% người học đã được khảo sát tán thành việc trường học có các khóa nâng cao năng lực ngoại ngữ, năng lực công nghệ thông tin ngoài chương trình, các yêu cầu hợp lý của người học được giải quyết kịp thời, cán bộ nhân viên hỗ trợ có trình độ nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu, thư viện cung cấp đủ giáo trình và tài liệu tham khảo cho ngành đào tạo, thư viện có đủ chỗ cho sinh viên học tập và nghiên cứu, các hoạt động ngoại khóa hỗ trợ kiến thức cho học tập và nghiên cứu, hoạt động của Đoàn thanh niên CS HCM và Hội sinh viên thiết thực đối với người học, người học được đảm bảo các chế độ chính sách xã hội kịp thời, phòng thí nghiệm/ thực hành đáp ứng yêu cầu của ngành đào tạo.

Nhìn chung, người học được trang bị kiến thức và kỹ năng hữu ích cho công việc, môi trường học tập đáp ứng chuẩn mực học thuật, cơ sở đào tạo có uy tín đào tạo, nghiên cứu khoa học, sinh viên tốt nghiệp tự tin về "hành trang nghề nghiệp" được trang bị và hài lòng với ngành đào tạo của Trường

Ngoài ra, người học được khảo sát cũng đã đưa ra những ý kiến đóng góp rất xác đáng giúp hoàn thiện chương trình đào tạo để đáp ứng tốt hơn yêu cầu công việc thực tế của người học và thị trường lao động như: chương trình đào tạo cần được điều chỉnh và cập nhật theo nhu cầu thị trường lao động, thời lượng thực hành, thực tập của sinh viên cần được tăng thêm, thời lượng lý thuyết giảm đi, cần bổ sung các khóa bồi trợ kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu xã hội, Nhà trường cập nhật cho người học thông tin về nhu cầu sử dụng lao động, phối hợp với các nhà tuyển dụng lao động tổ chức xemina cho sinh viên, các nhà tuyển dụng lao động tham gia quá trình đào tạo tại trường

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Các khoa quản lý sinh viên;
- Phòng ĐTDH; KT&KĐCL; TT HTSV;
- Lưu P.CTSV₍₀₁₎.

**PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN
TRƯỞNG PHÒNG**

TS. Lê Xuân Thành

BÁO CÁO

KẾT QUẢ KHẢO SÁT VỀ MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CỦA HỆ THỐNG TRANG THIẾT BỊ DẠY, HỌC

1. Mục đích khảo sát: thăm dò ý kiến của sinh viên về mức độ đáp ứng của hệ

1. Mục đích khảo sát: thăm dò ý kiến của sinh viên về mức độ đáp ứng của hệ thống trang thiết bị dạy, học trong Nhà trường trong năm học nhằm mục đích cải thiện trang thiết bị cho việc dạy và học cho các năm học tiếp theo.

2. Đối tượng khảo sát: Sinh viên đang theo học tại Hà Nội.

3. Thời gian khảo sát: Từ T8/2017 đến T9/2017

4. Phương pháp khảo sát: phát phiếu khảo sát đến các lớp sinh viên

5. Tổng số phiếu khảo sát: 2.744 phiếu

6. Thống kê kết quả:

6.1. Mô tả phiếu khảo sát:

Stt	Nội dung lấy ý kiến	Các mức độ				
		①	②	③	④	⑤
1	Hệ thống trang thiết bị dạy học tại các giảng đường, phòng học đủ để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo					
2	Hệ thống trang thiết bị dạy học tại các phòng thí nghiệm và thực hành đủ để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học					
3	Trang thiết bị dạy và học được đảm bảo về chất lượng					
4	Trang thiết bị dạy và học được sử dụng có hiệu quả					
5	Một cách tổng thể, bạn hài lòng với hệ thống trang thiết bị dạy và học của Nhà trường					

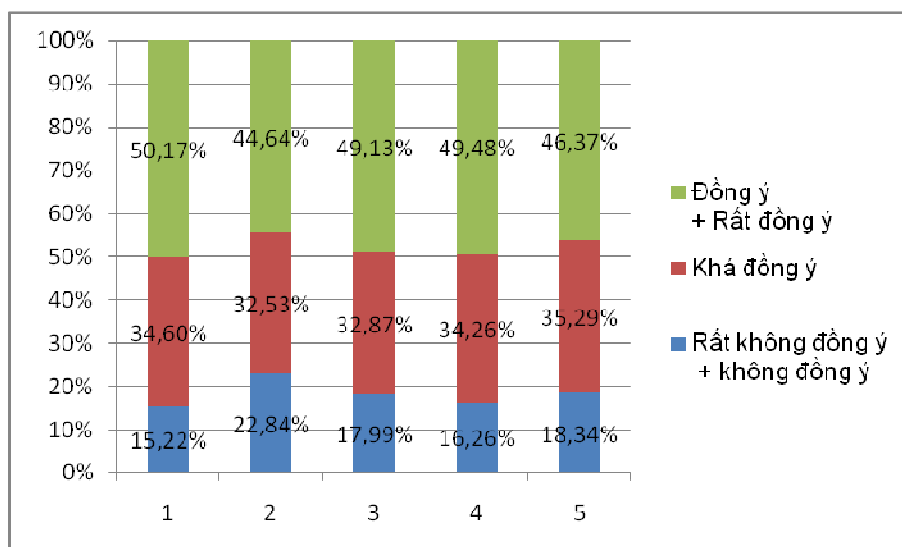
Phiếu khảo sát ý kiến sinh viên về hệ thống trang thiết bị tại các giảng đường, phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, mức độ đáp ứng về chất lượng của các trang thiết bị và các trang thiết bị có được sử dụng hiệu quả hay không.

Sinh viên trả lời bằng cách chọn vào 1 trong 5 mức từ rất không đồng ý đến rất đồng ý. Cụ thể: ①: Rất không đồng ý; ②: Không đồng ý; ③: Khá đồng ý; ④: Đồng ý; ⑤: Rất đồng ý.

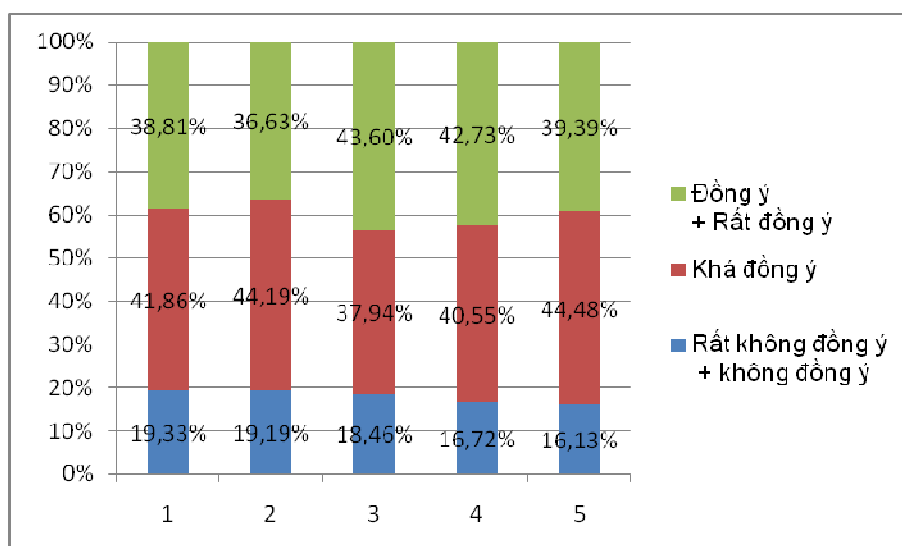
Ngoài ra sinh viên còn có thể nêu ý kiến đóng góp của mình ở phần “Các ý kiến góp ý khác” phía cuối của phiếu khảo sát.

6.2. Kết quả khảo sát:

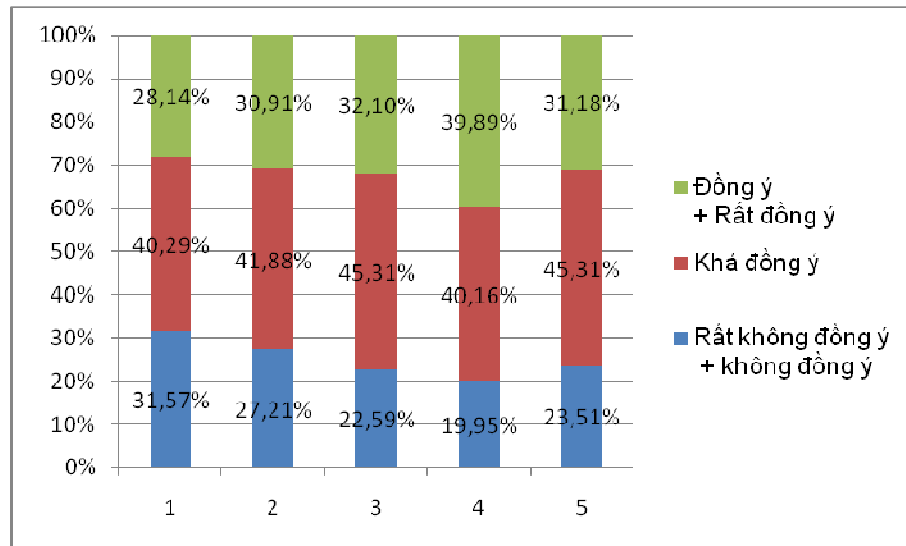
6.2.1. Kết quả khảo sát sinh viên K58



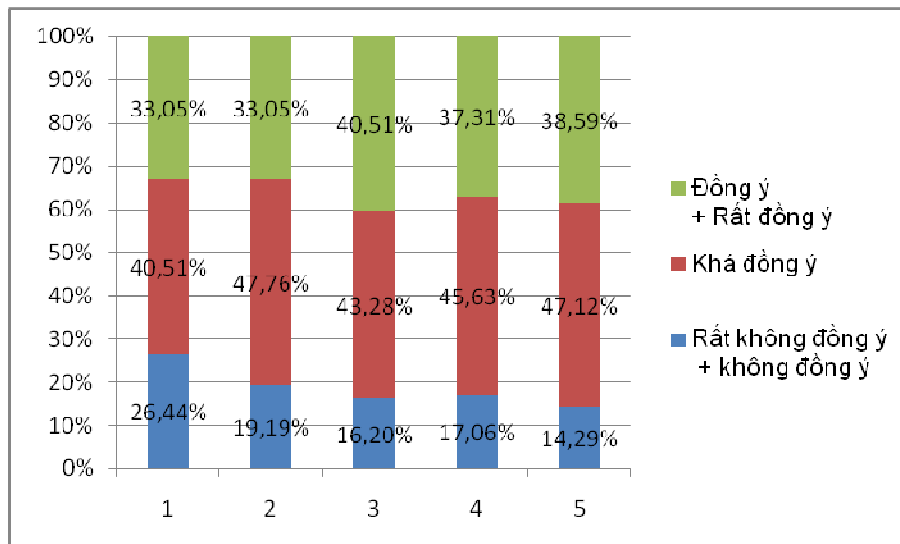
6.2.2. Kết quả khảo sát sinh viên K59



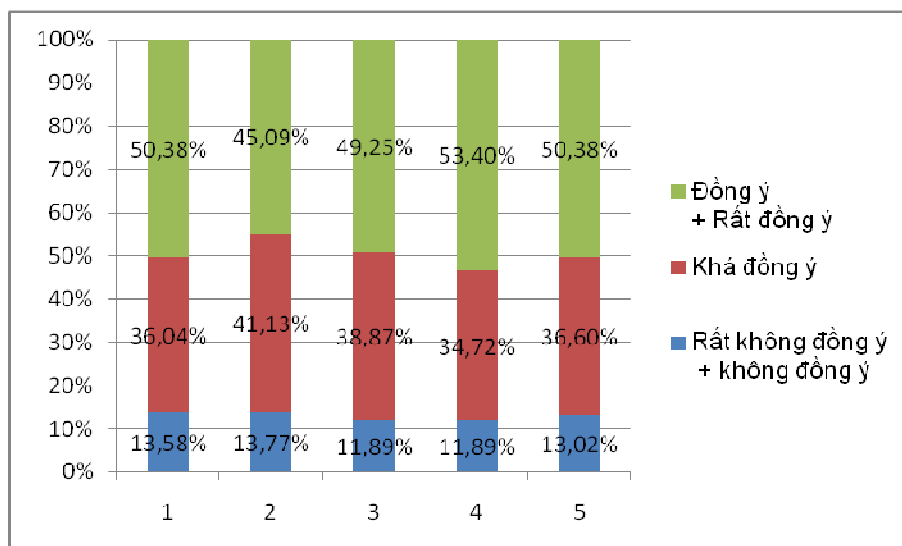
6.2.3. Kết quả khảo sát sinh viên K60



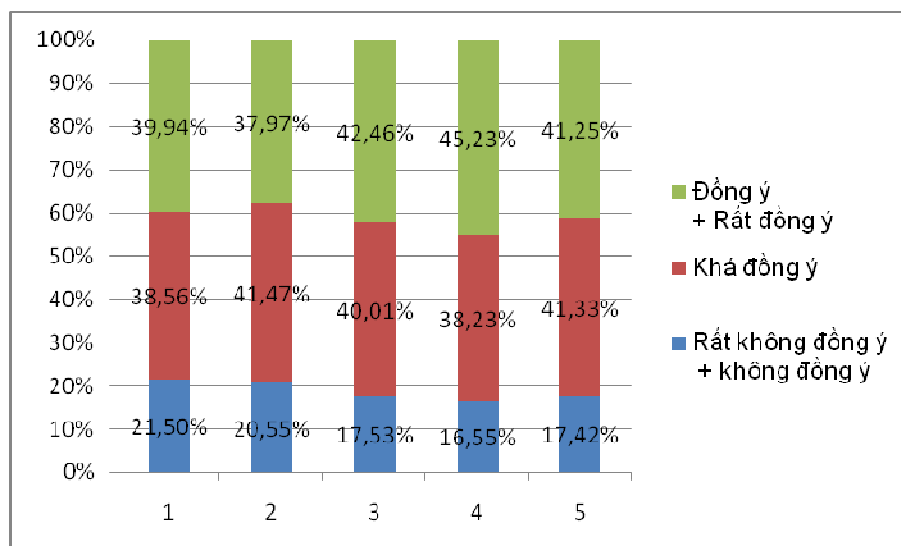
6.2.4. Kết quả khảo sát sinh viên K61



6.2.4. Kết quả khảo sát sinh viên K62



6.2.5. Tổng hợp kết quả khảo sát sinh viên tại Hà Nội



Nhìn vào bảng trên ta thấy 82,5% sinh viên hài lòng với hệ thống trang thiết bị dạy, học của Nhà trường tại cơ sở, tương ứng với các mức độ ở mức đồng ý + rất đồng ý là 37,97-45,23%, ở mức khá đồng ý là 38,23-41,47%, ở mức rất không đồng ý + không đồng ý là 16,55-21,50 %. Nhìn chung sinh viên được khảo sát chỉ thể hiện mức độ hài lòng với hệ thống trang thiết bị dạy, học của Nhà trường chứ không có nhiều ý kiến khác.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Lưu: QTTB₍₀₃₎

TRƯỞNG PHÒNG

TS. Phạm Đức Thiên

BÁO CÁO
KẾT QUẢ KHẢO SÁT Ý KIẾN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
(Phiếu số 5)

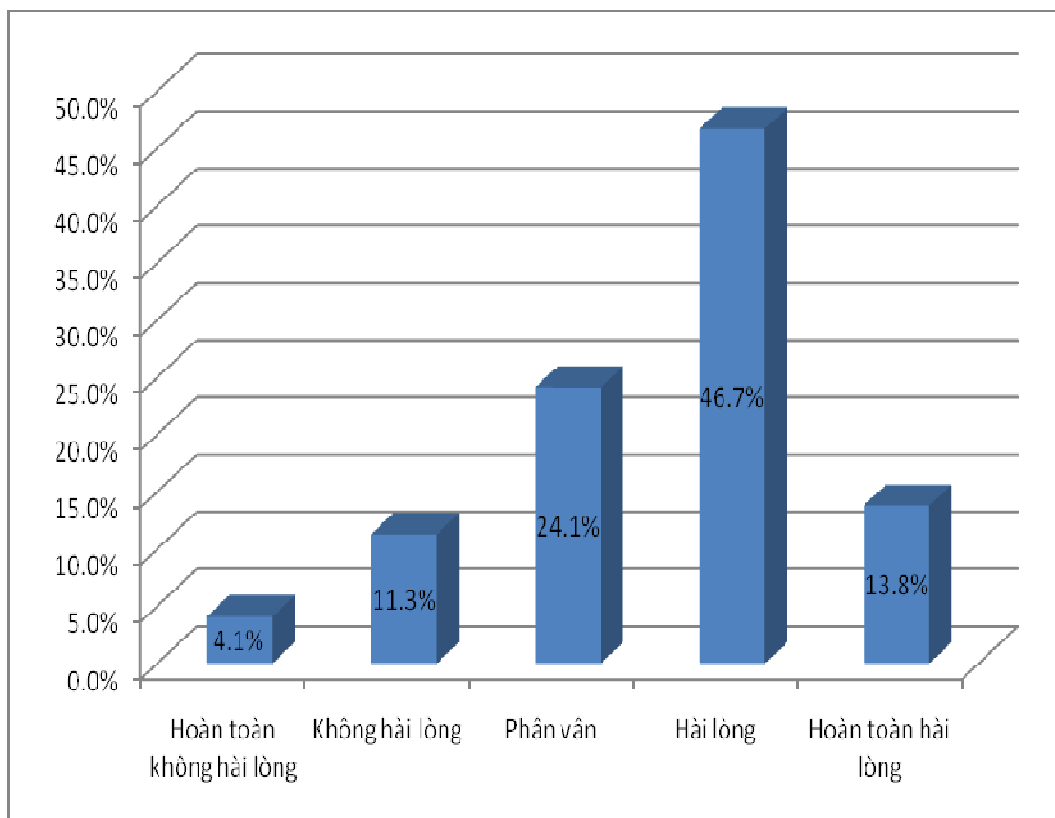
1. Đối tượng khảo sát: Cựu sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

2. Thời gian khảo sát: Từ ngày 2/2/2017 đến 30/3/2017

3. Tổng số phiếu khảo sát: 1.783 phiếu.

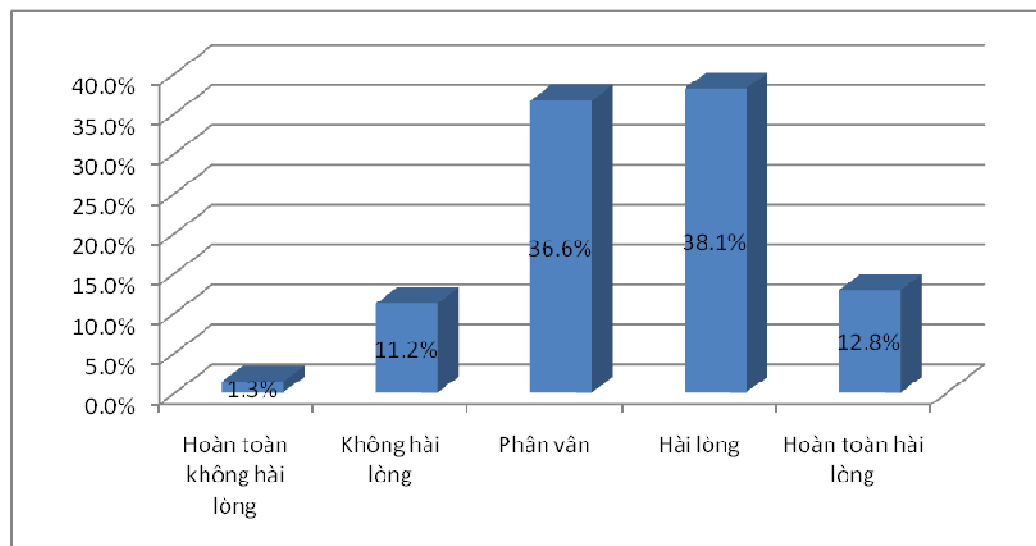
4. Kết quả khảo sát thu được như sau:

4.1. Chương trình đào tạo đáp ứng đủ yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của trình độ đào tạo đại học



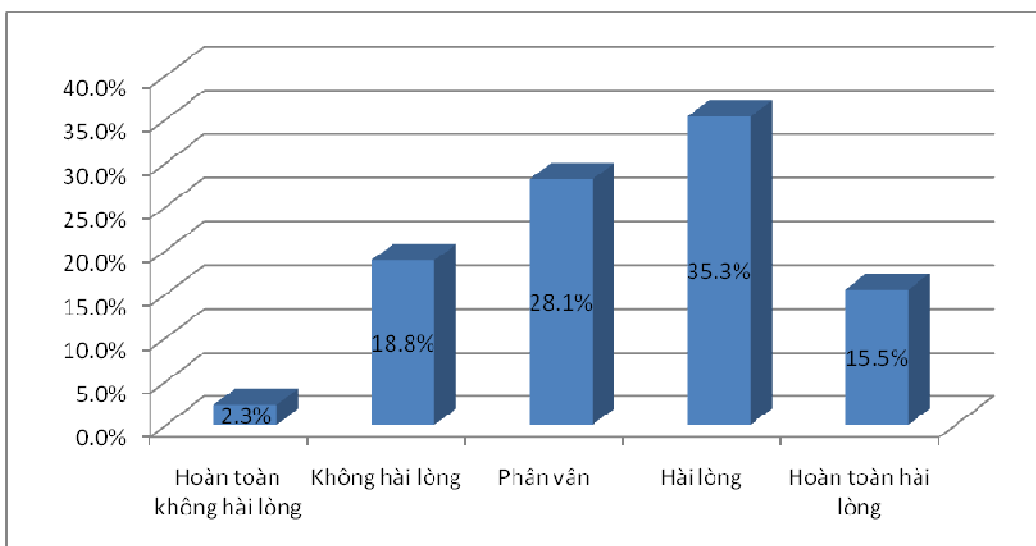
Hoàn toàn không hài lòng:	4.1%
Không hài lòng:	11.3%
Phân vân:	24.1%
Hài lòng:	46.7%
Hoàn toàn hài lòng:	13.8%

4.2. Chương trình đào tạo đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực thị trường lao động của tổ chức xã hội nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp



Hoàn toàn không hài lòng:	1.3%
Không hài lòng:	11.2%
Phân vân:	36.6%
Hài lòng:	46.7%
Hoàn toàn hài lòng:	12.8%

4.3. Chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động



Hoàn toàn không hài lòng:	1.3%
Không hài lòng:	11.2%
Phân vân:	36.6%
Hài lòng:	46.7%
Hoàn toàn hài lòng:	12.8%

Nhận xét: Về chương trình đào tạo, khoảng 60% người học đã hoàn thành chương trình đào tạo được khảo sát bày tỏ sự hài lòng vì chương trình đào tạo đáp ứng đủ yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của trình độ đào tạo đại học, đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực thị trường lao động của tổ chức xã hội nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động, người đã tốt nghiệp và đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động; khoảng hơn 30% người được khảo sát có thái độ phân vân và khoảng hơn 10% có thái độ không tán thành.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Các khoa quản lý sinh viên;
- Phòng ĐTDH; KT&KĐCL; TT HTSV;
- Lưu P.CTSV⁽⁰¹⁾.

**PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN
TRƯỞNG PHÒNG**

TS. Lê Xuân Thành

KẾT QUẢ TỔNG HỢP PHIẾU KHẢO SÁT VỀ CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY MÔN HỌC

A. Thông tin về cơ sở giáo dục khảo sát

- Tên: Trường Đại học Mỏ - Địa chất Hà Nội
- Địa chỉ: Số 18, phố Viên, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội
- Ngành khảo sát: Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa.

B. Nội dung lấy ý kiến

1. Đối tượng khảo sát: Làm việc cho nhóm đối tượng khảo sát là sinh viên ngành Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa.

2. Thời gian khảo sát: Từ ngày 01/07/2018 đến ngày 05/01/2019.

3. Kết quả:

3.1. Tổng số phiếu phát ra, thu về:

- Số phiếu phát ra: 100
- Số phiếu thu về: 86

3.2. Kết quả khảo sát:

- Lấy ý kiến khảo sát của sinh viên về chất lượng giảng dạy môn học ngành Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa (Trường ĐH Mỏ - Địa chất Hà Nội) theo các tiêu chí.

① = Hoàn toàn không đồng ý	② = Cơ bản không phù hợp	③ = Phân vân	④ = Cơ bản đồng ý	⑤ = Hoàn toàn đồng ý
----------------------------	--------------------------	--------------	-------------------	----------------------

Nội dung đánh giá	Các mức độ (theo số lượng phiếu, %)				
Tổ chức thực hiện môn học	①	②	③	④	⑤
Giảng đường đáp ứng yêu cầu môn học	0 (0.0%)	2 (2.3%)	3 (3.5%)	37 (43.0%)	44 (51.2%)
Các thiết bị tại giảng đường đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập	1 (1.2%)	0 (0.0%)	7 (8.1%)	36 (41.9%)	42 (48.8%)

Bạn được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học môn này	0 (0.0%)	0 (0.0%)	2 (2.3%)	37 (43.0%)	47 (54.7%)
Chương trình môn học	①	②	③	④	⑤
Mục tiêu của môn học nêu rõ kiến thức và kỹ năng người học cần đạt được	0 (0.0%)	1 (1.2%)	3 (3.5%)	36 (41.9%)	46 (53.5%)
Thời lượng môn học được phân bổ hợp lý cho các hình thức học tập	0 (0.0%)	0 (0.0%)	1 (1.2%)	34 (39.5%)	51 (59.3%)
Giáo trình và tài liệu phục vụ môn học được cập nhật	0 (0.0%)	0 (0.0%)	5 (5.8%)	25 (29.1%)	56 (65.1%)
Môn học góp phần trang bị kiến thức/kỹ năng nghề nghiệp cho bạn	1 (1.2%)	0 (0.0%)	1 (1.2%)	34 (39.5%)	50 (58.1%)
Hoạt động giảng dạy của giảng viên	①	②	③	④	⑤
Giảng viên hướng dẫn cho bạn phương pháp học tập khi bắt đầu môn	0 (0.0%)	0 (0.0%)	3 (3.5%)	29 (33.7%)	54 (62.8%)
Phương pháp giảng dạy của giảng viên giúp bạn có tư duy phê phán	0 (0.0%)	1 (1.2%)	3 (3.5%)	31 (36.0%)	51 (59.3%)
Giảng viên tạo cơ hội để bạn chủ động tham gia vào quá trình học tập	1 (1.2%)	0 (0.0%)	1 (1.2%)	29 (33.7%)	55 (64.0%)
Giảng viên rèn luyện cho bạn phương pháp liên kết giữa các vấn đề môn học với thực tiễn	1 (1.2%)	1 (1.2%)	6 (7.0%)	26 (30.2%)	52 (60.5%)
Giảng viên sử dụng hiệu quả phương tiện giảng dạy	0 (0.0%)	0 (0.0%)	4 (4.7%)	31 (36.0%)	51 (59.3%)
Bạn hiểu những vấn đề được truyền tải trên lớp	1 (1.2%)	3 (3.5%)	5 (5.8%)	25 (29.1%)	52 (60.5%)
Giảng viên quan tâm giáo dục tư cách, đạo đức người học	0 (0.0%)	0 (0.0%)	4 (4.7%)	27 (31.4%)	55 (64.0%)
Hoạt động kiểm tra đánh giá người học	①	②	③	④	⑤

Các phương thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập phù hợp với tính chất đặc thù môn học	0 (0.0%)	0 (0.0%)	3 (3.5%)	33 (38.4%)	50 (58.1%)
Thông tin phản hồi từ kiểm tra đánh giá giúp bạn cải thiện kết quả học tập	1 (1.2%)	0 (0.0%)	4 (4.7%)	27 (31.4%)	54 (62.8%)
Nội dung kiểm tra/thi đánh giá tổng hợp được các kiến thức và kỹ năng sinh viên phải đạt theo yêu cầu	0 (0.0%)	0 (0.0%)	4 (4.7%)	32 (37.2%)	50 (58.1%)
Nhìn chung, bạn hài lòng với môn học này	0 (0.0%)	0 (0.0%)	4 (4.7%)	34 (39.5%)	48 (55.8%)

Trưởng Khoa
(Ký và ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm
Bộ môn Tự động hóa

PGS TS. Khổng Cao Phong

TS. Đặng Văn Chí

KẾT QUẢ TỔNG HỢP PHIẾU KHẢO SÁT PHẢN HỒI CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP VỀ CHẤT LƯỢNG CỦA CHUYÊN NGÀNH/NGÀNH ĐÀO TẠO

A. Thông tin về cơ sở giáo dục khảo sát

- Tên: Trường Đại học Mỏ - Địa chất Hà Nội
- Địa chỉ: Số 18, phố Viên, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội
- Ngành khảo sát: Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa.

B. Nội dung lấy ý kiến

1. Đối tượng khảo sát: Làm việc cho nhóm đối tượng khảo sát là các sinh viên mới tốt nghiệp ngành Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa.

2. Thời gian khảo sát: Từ 15/07/2015 đến 10/03/2016

3. Kết quả:

3.1. Tổng số phiếu phát ra, thu về:

- Số phiếu phát ra: 100
- Số phiếu thu về: 72

3.2. Kết quả khảo sát:

- Lấy ý kiến phản hồi về chất lượng đào tạo ngành Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa của sinh viên tốt nghiệp ngành Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa (Trường ĐH Mỏ - Địa chất Hà Nội) theo các tiêu chí.

① = Hoàn toàn không đồng ý	② = Cơ bản không phù hợp	③ = Phân vân	④ = Cơ bản đồng ý	⑤ = Hoàn toàn đồng ý
----------------------------	--------------------------	--------------	-------------------	----------------------

Nội dung đánh giá		Các mức độ (Theo số lượng phiếu, %)				
Chương trình của ngành/chuyên ngành đào tạo		①	②	③	④	⑤
1	Ngành đào tạo có mục tiêu nghề nghiệp phù hợp với yêu cầu xã hội	2 (2.8%)	3 (4.2%)	3 (4.2%)	34 (47.2%)	30 (41.7%)
2	Chuẩn đầu ra của ngành đào tạo nêu rõ kiến thức, kỹ năng và phẩm chất người học cần đạt được	2 (2.8%)	7 (9.7%)	12 (16.7%)	30 (41.7%)	21 (29.2%)

3	Các môn học tích hợp được kiến thức và kỹ năng theo chuẩn đầu ra của ngành đào tạo	1 (1.4%)	4 (5.6%)	14 (19.4%)	21 (29.2%)	32 (44.4%)
4	Trình tự các môn học của ngành đào tạo được thiết lập logic	3 (4.2%)	7 (9.7%)	11 (15.3%)	26 (36.1%)	25 (34.7%)
5	Tỷ lệ giữa lý thuyết và thực hành hợp lý	5 (6.9%)	12 (16.7%)	18 (25.0%)	24 (33.3%)	13 (18.1%)
6	Chương trình có nhiều môn học tự chọn đáp ứng nhu cầu người học	4 (5.6%)	10 (13.9%)	14 (19.4%)	23 (31.9%)	21 (29.2%)
7	Chương trình có các khoá phát triển kỹ năng mềm cho người học	7 (9.7%)	10 (13.9%)	18 (25.0%)	22 (30.6%)	15 (20.8%)
8	Chương trình tích hợp phát triển các phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp cho người học	4 (5.6%)	5 (6.9%)	9 (12.5%)	35 (48.6%)	19 (26.4%)
Quá trình giảng dạy – học tập – nghiên cứu khoa học		①	②	③	④	⑤
9	Người học có cơ hội chủ động tham gia vào quá trình học tập	2 (2.8%)	10 (13.9%)	10 (13.9%)	38 (52.8%)	12 (16.7%)
10	Người học được cập nhật các kiến thức chuyên ngành kịp thời	1 (1.4%)	4 (5.6%)	12 (16.7%)	25 (34.7%)	30 (41.7%)
11	Hoạt động giảng dạy của ngành đào tạo gắn với định hướng nghề nghiệp	0 (0.0%)	5 (6.9%)	15 (20.8%)	29 (40.3%)	23 (31.9%)
12	Người học được rèn luyện phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề	1 (1.4%)	6 (8.3%)	17 (23.6%)	23 (31.9%)	25 (34.7%)
13	Người học được rèn luyện phát triển tư duy phê phán	2 (2.8%)	5 (6.9%)	20 (27.8%)	26 (36.1%)	19 (26.4%)
14	Người học được tạo điều kiện để phát triển kỹ năng làm việc độc lập	1 (1.4%)	4 (5.6%)	15 (20.8%)	29 (40.3%)	23 (31.9%)
15	Người học được đào tạo các phương pháp liên hệ giữa các vấn đề trong lý thuyết với thực tiễn	3 (4.2%)	12 (16.7%)	17 (23.6%)	24 (33.3%)	16 (22.2%)

16	Các đợt thực tập “trang bị” thiết thực kinh nghiệm nghề nghiệp cho người học	4 (5.6%)	6 (8.3%)	14 (19.4%)	29 (40.3%)	19 (26.4%)
17	Các trang thiết bị giảng dạy phù hợp được sử dụng hiệu quả	3 (4.2%)	7 (9.7%)	11 (15.3%)	29 (40.3%)	22 (30.6%)
18	Các phương thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập phù hợp với tính chất và đặc thù của từng môn học	2 (2.8%)	3 (4.2%)	13 (18.1%)	33 (45.8%)	21 (29.2%)
19	Kết quả kiểm tra đánh giá phản ánh đúng năng lực của người học	5 (6.9%)	7 (9.7%)	15 (20.8%)	25 (34.7%)	20 (27.8%)
20	Kết quả học tập được thông báo kịp thời	4 (5.6%)	8 (11.1%)	18 (25.0%)	27 (37.5%)	15 (20.8%)
21	Đại đa số giảng viên có phương pháp giảng dạy phù hợp	1 (1.4%)	3 (4.2%)	10 (13.9%)	32 (44.4%)	26 (36.1%)
22	Đại đa số giảng viên có trình độ chuyên môn cao đáp ứng yêu cầu đào tạo	0 (0.0%)	1 (1.4%)	8 (11.1%)	35 (48.6%)	28 (38.9%)
23	Hàng năm người học được giao lưu trực tiếp với Hiệu trưởng/Chủ nhiệm khoa để phản hồi các hoạt động của Trường	0 (0.0%)	2 (2.8%)	7 (9.7%)	25 (34.7%)	38 (52.8%)
Các hoạt động hỗ trợ cơ sở vật chất		①	②	③	④	⑤
24	Trường có các khoá nâng cao năng lực ngoại ngữ ngoài chương trình	2 (2.8%)	7 (9.7%)	11 (15.3%)	42 (58.3%)	10 (13.9%)
25	Trường có các khoá nâng cao trình độ công nghệ thông tin ngoài chương trình	3 (4.2%)	6 (8.3%)	12 (16.7%)	39 (54.2%)	12 (16.7%)
26	Các yêu cầu hợp lý của người học được giải quyết kịp thời	3 (4.2%)	9 (12.5%)	17 (23.6%)	29 (40.3%)	14 (19.4%)
27	Đại đa số cán bộ nhân viên hỗ trợ có trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu	0 (0.0%)	3 (4.2%)	7 (9.7%)	38 (52.8%)	24 (33.3%)
28	Thư viện cung cấp đủ giáo trình và tài liệu tham khảo cho ngành đào tạo	3 (4.2%)	8 (11.1%)	18 (25.0%)	25 (34.7%)	18 (25.0%)

29	Thư viện có đủ chỗ cho sinh viên học tập và nghiên cứu	2 (2.8%)	6 (8.3%)	15 (20.8%)	29 (40.3%)	20 (27.8%)
30	Các hoạt động ngoại khoá hỗ trợ kiến thức cho học tập và nghiên cứu	1 (1.4%)	7 (9.7%)	22 (30.6%)	25 (34.7%)	17 (23.6%)
31	Các hoạt động văn thể mỹ đáp ứng yêu cầu giải trí lành mạnh	1 (1.4%)	8 (11.1%)	12 (16.7%)	30 (41.7%)	21 (29.2%)
32	Hoạt động của Đoàn TNCS HCM và Hội sinh viên thiết thực đối với người học	2 (2.8%)	6 (8.3%)	17 (23.6%)	32 (44.4%)	15 (20.8%)
33	Người học được đảm bảo các chế độ chính sách xã hội kịp thời	1 (1.4%)	4 (5.6%)	16 (22.2%)	26 (36.1%)	25 (34.7%)
34	Cơ sở vật chất cho nghiên cứu – học tập đáp ứng yêu cầu của ngành đào tạo	1 (1.4%)	3 (4.2%)	15 (20.8%)	27 (37.5%)	26 (36.1%)
35	Phòng thí nghiệm/thực hành đáp ứng yêu cầu của ngành đào tạo	0 (0.0%)	3 (4.2%)	13 (18.1%)	35 (48.6%)	21 (29.2%)

Đánh giá chung		①	②	③	④	⑤
36	Người học được trang bị kiến thức và kỹ năng hữu ích cho nghề nghiệp	2 (2.8%)	4 (5.6%)	11 (15.3%)	23 (31.9%)	32 (44.4%)
37	Người học được bồi dưỡng về phẩm chất đạo đức nghề nghiệp	1 (1.4%)	3 (4.2%)	9 (12.5%)	33 (45.8%)	26 (36.1%)
38	Môi trường học tập đáp ứng chuẩn mực học thuật	2 (2.8%)	4 (5.6%)	7 (9.7%)	33 (45.8%)	26 (36.1%)
39	Trường Đại học Mở - Địa chất là Trường đại học tin cậy về uy tín đào tạo	1 (1.4%)	1 (1.4%)	6 (8.3%)	31 (43.1%)	33 (45.8%)
40	Trường Đại học Mở - Địa chất là Trường đại học tin cậy về uy tín nghiên cứu khoa học	1 (1.4%)	2 (2.8%)	8 (11.1%)	24 (33.3%)	37 (51.4%)
41	Sinh viên tốt nghiệp tự tin về “hành trang nghề nghiệp” được trang bị	2 (2.8%)	6 (8.3%)	17 (23.6%)	32 (44.4%)	15 (20.8%)

42	Anh/Chị hài lòng với ngành đào tạo của Trường	2 (2.8%)	4 (5.6%)	7 (9.7%)	26 (36.1%)	33 (45.8%)
----	---	-------------	-------------	-------------	---------------	---------------

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2016

Trưởng Khoa
(Ký và ghi rõ họ tên)

Bộ môn Tự động hóa

TS Nguyễn Chí Tình

TS Khổng Cao Phong

KẾT QUẢ TỔNG HỢP PHIẾU KHẢO SÁT VỀ TÌNH TRẠNG LÀM VIỆC CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

A. Thông tin về cơ sở giáo dục khảo sát

- Tên: Trường Đại học Mỏ - Địa chất Hà Nội
- Địa chỉ: Số 18, phố Viên, P.Đức Thắng, Q.Bắc Từ Liêm, TP.Hà Nội
- Ngành khảo sát: Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa;

B. Nội dung lấy ý kiến

1. Đối tượng khảo sát: Làm việc cho nhóm đối tượng khảo sát là các sinh viên đã tốt nghiệp ngành Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa (Trường ĐH Mỏ - Địa chất Hà Nội).

2. Thời gian khảo sát: Từ 01/07/2018 đến 05/01/2019

3. Kết quả:

3.1. Tổng số phiếu phát ra, thu về:

- Số phiếu phát ra: 100
- Số phiếu thu về: 74

3.2. Kết quả khảo sát:

- Lấy ý kiến về tình trạng việc làm của cựu sinh viên tốt nghiệp ngành Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa (Trường ĐH Mỏ - Địa chất Hà Nội).

3.2.1. Tình trạng làm việc của cựu sinh viên hiện nay:

STT	Tình trạng việc làm	Số lượng	%
1	Đang có việc làm	71	95.9
2	Chưa có việc làm	3	4.1

3.2.2. Sau khi tốt nghiệp, sinh viên tìm được việc làm sau khoảng thời gian:

STT	Thời gian	Số lượng	%
1	Dưới 3 tháng	32	45.1
2	Sau 3-6 tháng	34	47.9
3	Sau 7-12 tháng	3	4.2
4	Trên 12 tháng	2	2.8

3.2.3. Sinh viên tốt nghiệp làm việc ở các cơ quan có loại hình tổ chức

STT	Loại hình tổ chức của cơ quan	Số lượng	%
1	Nhà nước	12	16.9
2	Cổ phần	35	49.3
3	Liên doanh	9	12.7
4	Trách nhiệm hữu hạn	15	21.1

3.2.4. Việc làm của các sinh viên tốt nghiệp có phù hợp với với ngành được đào tạo

STT	Mức độ phù hợp	Số lượng	%
1	Không phù hợp	13	18.3
2	Khá phù hợp	20	28.2
3	Phù hợp	27	38.0
4	Rất phù hợp	11	15.5

3.2.5. Sinh viên tốt nghiệp tìm được việc làm qua các con đường

STT	Hình thức tìm việc	Số lượng	%
1	Tự tạo việc làm	4	5.6
2	Do Trường giới thiệu	2	2.8
3	Người trong gia đình giới thiệu	12	16.9
4	Bạn bè, người quen giới thiệu	25	35.2
5	Thông qua quảng cáo	28	39.4
6	Hội chợ việc làm	6	8.5

3.2.6. Mức lao động bình quân/tháng tính theo VNĐ:

STT	Mức lao động bình quân/ tháng (VNĐ)	Số lượng	%
1	Dưới 2 triệu	0	0.0
2	Từ 2,1 – 4 triệu	3	4.2
3	Từ 4,1 – 6 triệu	36	50.7
4	Trên 6 triệu	32	45.1

3.2.7. Kiến thức và kỹ năng được Nhà trường đào tạo có hữu ích cho vị trí hiện nay

STT	Các mức độ	Số lượng	%
1	Không hữu ích	5	7.0
2	Khá hữu ích	24	33.8
3	Hữu ích	30	42.3
4	Rất hữu ích	12	16.9

3.2.8. Sau khi tốt nghiệp để xin được việc làm, các sinh viên đã tham dự các khóa học bổ trợ

STT	Các loại khóa học bổ trợ	Số lượng
1	Bổ trợ kiến thức chuyên môn	7
2	Bổ trợ kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn	14
3	Bổ trợ kỹ năng về công nghệ thông tin	19
4	Nâng cao kỹ năng ngoại ngữ	28
5	Bổ trợ các kỹ năng mềm	10

3.2.9. Sau khi được tuyển dụng, sinh viên đã tham gia các khóa học nâng cao

STT	Các loại khóa học nâng cao	Số lượng	Hình thức học
1	Nâng cao kiến thức chuyên môn	7	Cơ quan cử đi học
		32	Tự học
2	Nâng cao kỹ năng nghiệp vụ	13	Cơ quan cử đi học
		2	Tự học
3	Nâng cao kỹ năng công nghệ thông tin	33	Tự học
4	Phát triển kỹ năng ngoại ngữ	22	Tự học
5	Nâng cao kỹ năng mềm	16	Tự học
6	Phát triển kỹ năng quản lý	13	Cơ quan cử đi học
7	Học sau đại học	10	Cơ quan cử đi học
		4	Tự học

3.2.10. Sinh viên có ý định xin chuyển việc làm

Sinh viên có ý định xin chuyển việc làm khác: 22 phiếu (31%)

Sinh viên không ý định xin chuyển việc làm khác: 49 phiếu (69%)

STT	Các lý do sinh viên chuyển việc	Số lượng
1	Công việc hiện tại không phù hợp với ngành đào tạo	6
2	Thu nhập hàng năm thấp hơn nhu cầu	16
3	Kiến thức và kỹ năng của không đáp ứng được yêu cầu công việc	2
4	Áp lực công việc quá lớn	12
5	Môi trường làm việc không phù hợp	14
6	Lý do cá nhân	12

3.2.11. Những giải pháp giúp sinh viên tốt nghiệp tìm được việc làm

STT	Giải pháp tìm việc	Số lượng
1	Chương trình đào tạo được điều chỉnh và cập nhật theo nhu cầu của thị trường lao động	67
2	Các nhà tuyển dụng tham gia xây dựng chương trình đào tạo	27
3	Thời lượng thực tập của sinh viên tăng lên	56
4	Sinh viên được học các khoá bổ trợ kỹ năng mềm đáp ứng nhu cầu xã hội	32
5	Sinh viên được rèn luyện các phẩm chất cá nhân đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.	41
6	Trường đại học và nhà sử dụng lao động cập nhật thông tin về nhu cầu sử dụng lao động.	54
7	Trường đại học phối hợp với các nhà sử dụng lao động tổ chức xemina cho sinh viên.	28

Trưởng Khoa
(Ký và ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm
Bộ môn Tự động hóa

PGS TS. Khổng Cao Phong

TS. Đặng Văn Chí

KẾT QUẢ TỔNG HỢP PHIẾU KHẢO SÁT VỀ MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CỦA NHÀ SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

A. Thông tin về cơ sở giáo dục khảo sát

- Tên: Trường Đại học Mỏ - Địa chất Hà Nội
- Địa chỉ: Số 18, phố Viên, P.Đức Thắng, Q.Bắc Từ Liêm, TP.Hà Nội
- Ngành khảo sát: Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa.

B. Nội dung lấy ý kiến

1. Đối tượng khảo sát: Làm việc cho nhóm đối tượng khảo sát là các nhà sử dụng lao động (các công ty, Nhà máy, các doanh nghiệp...) mà có sinh viên tốt nghiệp ngành Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa đã và đang làm việc tại đó.

2. Thời gian khảo sát: Từ 01/07/2018 đến 05/01/2019

3. Kết quả:

3.1. Tổng số phiếu phát ra, thu về:

- Số phiếu phát ra: 100
- Số phiếu thu về: 68

3.2. Kết quả khảo sát:

- Lấy ý kiến về mức độ hài lòng của các nhà sử dụng lao động đối với sinh viên tốt nghiệp ngành Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa (Trường ĐH Mỏ - Địa chất Hà Nội) đã và đang làm việc tại đó theo các tiêu chí.

①= Rất thất vọng	②= Không hài lòng	③= Khá hài lòng	④= Hài lòng	⑤= Rất hài lòng
------------------	-------------------	-----------------	-------------	-----------------

3.2.1. Kiến thức, kỹ năng và năng lực nhiệm vụ

Tiêu chí đánh giá	Các mức độ (theo số lượng phiếu, %)				
	①	②	③	④	⑤
Năng lực giao tiếp - Nói					
	2 (3.0%)	17 (25.8%)	14 (21.2%)	25 (37.9%)	8 (12.1%)

- Viết	1 (1.5%)	19 (27.9%)	11 (16.2%)	31 (45.6%)	6 (8.8%)
- Lắng nghe	1 (1.5%)	19 (27.9%)	11 (16.2%)	24 (35.3%)	13 (19.1%)
Năng lực ứng dụng kiến thức chuyên môn	1 (1.5%)	18 (26.5%)	13 (19.1%)	24 (35.3%)	12 (17.6%)
Kiến thức chuyên ngành	1 (1.5%)	15 (22.1%)	15 (22.1%)	27 (39.7%)	10 (14.6%)
Kỹ thuật sử dụng máy tính	0 (0.0%)	18 (26.5%)	14 (20.6%)	22 (32.3%)	14 (20.6%)
Kỹ thuật tư duy logic	1 (1.5%)	19 (27.9%)	13 (19.1%)	21 (30.9%)	14 (20.6%)
Khả năng khai thác sử dụng dữ liệu định lượng	0 (0.0%)	19 (27.9%)	13 (19.1%)	24 (35.3%)	12 (17.6%)
Khả năng phân tích, phê phán	0 (0.0%)	20 (29.4%)	13 (19.1%)	20 (29.4%)	15 (22.1%)
Năng lực nghiên cứu khoa học	1 (1.5%)	19 (27.9%)	10 (14.7%)	25 (36.8%)	13 (19.1%)
Khả năng ngoại ngữ	1 (1.5%)	19 (27.9%)	12 (17.6%)	25 (36.8%)	11 (16.2%)
Khả năng thích nghi với những thay đổi	2 (2.9%)	18 (26.5%)	12 (17.6%)	22 (32.4%)	14 (20.6%)

3.2.2. Phẩm chất cá nhân

Tiêu chí đánh giá	Các mức độ (theo số lượng phiếu, %)				
	①	②	③	④	⑤
Tính tự tin vào khả năng của bản thân	1 (1.5%)	17 (25.0%)	17 (25.0%)	21 (30.9%)	12 (17.6%)

Tính kỷ luật	3 (4.4%)	17 (25.0%)	13 (19.1%)	24 (35.3%)	11 (16.2%)
Tính độc lập	1 (1.5%)	18 (26.5%)	13 (19.1%)	23 (33.8%)	13 (19.1%)
Tính ham học hỏi	1 (1.5%)	18 (26.5%)	13 (19.1%)	21 (30.9%)	15 (22.1%)
Tính sáng tạo	1 (1.5%)	19 (27.9%)	11 (16.2%)	24 (35.3%)	13 (19.1%)
Động lực làm việc	2 (2.9%)	18 (26.5%)	11 (16.2%)	21 (30.9%)	16 (23.5%)
Kỹ năng quan hệ với đồng nghiệp và cấp trên	0 (0.0%)	18 (26.5%)	12 (17.6%)	24 (35.3%)	14 (20.6%)
Hiểu biết về trách nhiệm nghề nghiệp	0 (0.0%)	16 (23.5%)	17 (25.0%)	19 (27.9%)	16 (23.5%)
Biết điểm mạnh, điểm yếu của bản thân	0 (0.0%)	15 (22.1%)	12 (17.6%)	26 (38.2%)	15 (22.1%)

3.2.3. Kỹ năng và năng lực kinh doanh

Tiêu chí đánh giá	Các mức độ (theo số lượng phiếu, %)				
	①	②	③	④	⑤
Năng lực tổ chức và điều phối nhiệm vụ	0 (0.0%)	18 (26.5%)	10 (14.7%)	29 (42.6%)	11 (16.2%)
Năng lực nhận dạng, tổng hợp và xử lý vấn đề	0 (0.0%)	20 (29.4%)	12 (17.6%)	25 (36.8%)	11 (16.2%)
Năng lực sắp xếp công việc theo thứ tự ưu tiên	0 (0.0%)	18 (26.5%)	14 (20.6%)	24 (35.3%)	12 (17.6%)
Năng lực quản lý, lãnh đạo	0 (0.0%)	17 (25.0%)	12 (17.6%)	29 (42.6%)	10 (14.7%)

Kỹ năng thuyết trình	0 (0.0%)	20 (29.4%)	13 (19.1%)	22 (32.4%)	13 (19.1%)
Kỹ năng thương mại	0 (0.0%)	18 (26.5%)	15 (22.1%)	20 (29.4%)	15 (22.1%)
Tính chuyên nghiệp	0 (0.0%)	16 (23.5%)	14 (20.6%)	22 (32.4%)	16 (23.5%)
Tính chủ động	0 (0.0%)	17 (25.0%)	12 (17.6%)	25 (36.8%)	14 (20.6%)

3.2.4. Mức độ Trường Đại học Mở - Địa chất chuẩn bị “hành trang” cho sinh viên tốt nghiệp làm việc

STT	Mức độ	Số lượng phiếu	%
1	Không phù hợp	2	2.9
2	Khá phù hợp	27	39.7
3	Phù hợp	32	47.1
4	Rất phù hợp	7	10.3

3.2.5. Nhiệm vụ các sinh viên tốt nghiệp của Trường đang đảm nhận có phù hợp với chuyên ngành đào tạo không

STT	Mức độ	Số lượng phiếu	%
1	Không phù hợp	3	4.4
2	Khá phù hợp	24	35.3
3	Phù hợp	33	48.5
4	Rất phù hợp	8	11.8

3.2.6. Những giải pháp giúp nâng cao khả năng sinh viên tốt nghiệp đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động:

STT	Các giải pháp	Số lượng phiếu
1	Các nhà sử dụng lao động nhận sinh viên thực tập	40
2	Thời lượng thực tập của sinh viên được tăng lên	38
3	Chương trình đào tạo được xây dựng với sự tham gia của các nhà sử dụng lao động	25
4	Sinh viên được học các khoá bồi trợ các kỹ năng mềm đáp	30

	ứng yêu cầu xã hội	
5	Sinh viên được rèn luyện các phẩm chất cá nhân đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động	27
6	Hàng năm Nhà Trường có chương trình giao lưu trường đại học – nhà sử dụng lao động	23
7	Hàng năm Nhà trường có khảo sát về sự hài lòng của cấp sử dụng lao động đối với sinh viên tốt nghiệp	37
8	Các nhà sử dụng lao động cập nhật hàng năm yêu cầu về chuyên môn nghiệp vụ đối với các ngành đào tạo của Trường	41
9	Nhà trường phối hợp với các nhà sử dụng lao động tổ chức xê-mi-na cho sinh viên	27
10	Các nhà sử dụng lao động đặt hàng sinh viên nghiên cứu khoa học theo nhu cầu thực tiễn.	38

Trưởng Khoa
(Ký và ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm
Bộ môn Tự động hóa

PGS TS. Khổng Cao Phong

TS. Đặng Văn Chí

**KẾT QUẢ TỔNG HỢP PHIẾU KHẢO SÁT VỀ CHẤT LƯỢNG
PHỤC VỤ CỦA THƯ VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**

A. Thông tin về cơ sở giáo dục khảo sát

- Tên: Trường Đại học Mỏ - Địa chất Hà Nội
- Địa chỉ: Số 18, phố Viên, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội
- Ngành khảo sát: Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa.

B. Nội dung lấy ý kiến

1. Đối tượng khảo sát: Làm việc cho nhóm đối tượng khảo sát là sinh viên ngành Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa.

2. Thời gian khảo sát: Từ 01/07/2018 đến 05/01/2019.

3. Kết quả:

3.1. Tổng số phiếu phát ra, thu về:

- Số phiếu phát ra: 100
- Số phiếu thu về: 87

3.2. Kết quả khảo sát:

- Lấy ý kiến khảo sát của sinh viên về chất lượng phục vụ của Thư viện Trường Đại học Mỏ - Địa chất Hà Nội theo các tiêu chí.

- ① = Hoàn toàn không đồng ý ② = Không đồng ý ③ = Phân vân
④ = Đồng ý ⑤ = Hoàn toàn đồng ý

Stt	Nội dung lấy ý kiến	Các mức độ (theo số lượng phiếu, %)				
Về cơ sở vật chất và trang thiết bị của Thư viện		①	②	③	④	⑤
1	Phòng đọc của Thư viện đáp ứng yêu cầu về diện tích, chỗ ngồi	0 (0.0%)	0 (0.0%)	6 (6.9%)	51 (58.6%)	30 (34.5%)
2	Phòng đọc của Thư viện đảm bảo thoáng mát, đủ ánh sáng	0 (0.0%)	1 (1.1%)	3 (3.4%)	48 (55.2%)	35 (40.2%)
3	Hệ thống trang thiết bị của Thư viện đáp ứng yêu cầu	2 (2.3%)	1 (1.1%)	10 (11.5%)	38 (43.7%)	36 (41.4%)

4	Các trang thiết bị của Thư viện sử dụng có hiệu quả	0 (0.0%)	2 (2.3%)	7 (8.0%)	43 (49.4%)	35 (40.2%)
5	Website của Thư viện dễ khai thác	1 (1.1%)	3 (3.4%)	10 (11.5%)	39 (44.8%)	34 (39.1%)
6	Các phần mềm tra cứu tài liệu dễ sử dụng	0 (0.0%)	4 (4.6%)	8 (9.2%)	40 (46.0%)	35 (40.2%)
Về các nguồn tài liệu của Thư viện		①	②	③	④	⑤
7	Tài liệu học tập tiếng Việt đáp ứng yêu cầu	1 (1.1%)	1 (1.1%)	11 (12.6%)	42 (48.3%)	32 (36.8%)
8	Tài liệu học tập tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu	0 (0.0%)	2 (2.3%)	12 (13.8%)	42 (48.3%)	31 (35.6%)
9	Tài liệu tham khảo tiếng Việt đáp ứng yêu cầu	0 (0.0%)	2 (2.3%)	6 (6.9%)	41 (47.1%)	38 (43.7%)
10	Tài liệu tham khảo tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu	1 (1.1%)	4 (4.6%)	14 (16.1%)	44 (50.6%)	24 (27.6%)
11	Tài liệu trong các phòng đọc tự chọn của Thư viện được sắp xếp gọn gàng, dễ tìm	0 (0.0%)	0 (0.0%)	6 (6.9%)	51 (58.6%)	30 (34.5%)
12	Thông tin tra cứu tư liệu đầy đủ, rõ ràng	0 (0.0%)	3 (3.4%)	9 (10.3%)	40 (46.0%)	35 (40.2%)
13	Tài liệu điện tử của Thư viện đáp ứng nhu cầu sử dụng	0 (0.0%)	2 (2.3%)	9 (10.3%)	47 (54.0%)	29 (33.3%)
Về các quy định của Thư viện		①	②	③	④	⑤
14	Hướng dẫn sử dụng thư viện rõ ràng	1 (1.1%)	2 (2.3%)	12 (13.8%)	43 (49.4%)	29 (33.3%)
15	Quy định về thời gian mượn tài liệu phù hợp	0 (0.0%)	2 (2.3%)	7 (8.0%)	39 (44.8%)	39 (44.8%)

16	Quy định về số lượng tài liệu được mượn hợp lý	0 (0.0%)	1 (1.1%)	3 (3.4%)	51 (58.6%)	32 (36.8%)
17	Quy định về giờ mở/đóng cửa phục vụ bạn đọc hợp lý	2 (2.3%)	2 (2.3%)	2 (2.3%)	48 (55.2%)	33 (37.9%)
Về chất lượng phục vụ của cán bộ, nhân viên Thư viện		①	②	③	④	⑤
18	Cán bộ, nhân viên thư viện có thái độ phục vụ tốt	1 (1.1%)	0 (0.0%)	4 (4.6%)	46 (52.9%)	36 (41.4%)
19	Cán bộ, nhân viên thư viện hỗ trợ bạn đọc hiệu quả	0 (0.0%)	1 (1.1%)	3 (3.4%)	48 (55.2%)	35 (40.2%)
20	Cán bộ, nhân viên thư viện có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tốt	0 (0.0%)	1 (1.1%)	6 (6.9%)	42 (48.3%)	38 (43.7%)
Đánh giá chung về hiệu quả công tác phục vụ của Thư viện		①	②	③	④	⑤
21	Một cách tổng thể, bạn hài lòng với chất lượng hoạt động phục vụ của Thư viện	0 (0.0%)	0 (0.0%)	4 (4.6%)	48 (55.2%)	35 (40.2%)

Trưởng Khoa
(Ký và ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm
Bộ môn Tự động hóa

PGS TS. Khổng Cao Phong

TS. Đặng Văn Chí

KẾT QUẢ TỔNG HỢP PHIẾU KHẢO SÁT VỀ MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CỦA HỆ THỐNG TRANG THIẾT BỊ DẠY, HỌC

A. Thông tin về cơ sở giáo dục khảo sát

- Tên: Trường Đại học Mỏ - Địa chất Hà Nội
- Địa chỉ: Số 18, phố Viên, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội
- Ngành khảo sát: Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa.

B. Nội dung lấy ý kiến

1. Đối tượng khảo sát: Làm việc cho nhóm đối tượng khảo sát là sinh viên ngành Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa.

2. Thời gian khảo sát: Từ 01/07/2018 đến 05/01/2019.

3. Kết quả:

3.1. Tổng số phiếu phát ra, thu về:

- Số phiếu phát ra: 100
- Số phiếu thu về: 93

3.2. Kết quả khảo sát:

- Lấy ý kiến khảo sát của sinh viên về mức độ đáp ứng của hệ thống trang thiết bị dạy, học của Trường ĐH Mỏ - Địa chất Hà Nội theo các tiêu chí.

① = Rất không đồng ý ② = Không đồng ý ③ = Khá đồng ý
④ = Đồng ý ⑤ = Rất đồng ý

STT	Nội dung lấy ý kiến	Các mức độ (theo số lượng phiếu, %)				
		①	②	③	④	⑤
1	Hệ thống trang thiết bị dạy học tại các giảng đường, phòng học đủ để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo	0 (0.0%)	0 (0.0%)	10 (10.8%)	50 (53.8%)	33 (35.5%)
2	Hệ thống trang thiết bị dạy học tại các phòng thí nghiệm và thực hành đủ để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học	1 (1.1%)	0 (0.0%)	9 (9.7%)	40 (43.0%)	43 (46.2%)

3	Trang thiết bị dạy và học được đảm bảo về chất lượng	1 (1.1%)	0 (0.0%)	9 (9.7%)	47 (50.5%)	36 (38.7%)
4	Trang thiết bị dạy và học được sử dụng có hiệu quả	1 (1.1%)	0 (0.0%)	7 (7.5%)	47 (50.5%)	38 (40.9%)
5	Một cách tổng thể, bạn hài lòng với hệ thống trang thiết bị dạy và học của Nhà trường	0 (0.0%)	0 (0.0%)	12 (12.9%)	46 (49.5%)	35 (37.6%)

Trưởng Khoa
(Ký và ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm
Bộ môn Tự động hóa

PGS TS. Khổng Cao Phong

TS. Đặng Văn Chí

KẾT QUẢ TỔNG HỢP PHIẾU KHẢO SÁT VỀ MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CỦA HỆ THỐNG PHÒNG HỌC, GIẢNG ĐƯỜNG, PHÒNG THỰC HÀNH, THÍ NGHIỆM

A. Thông tin về cơ sở giáo dục khảo sát

- Tên: Trường Đại học Mỏ - Địa chất Hà Nội
- Địa chỉ: Số 18, phố Viên, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội
- Ngành khảo sát: Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa.

B. Nội dung lấy ý kiến

1. Đối tượng khảo sát: Làm việc cho nhóm đối tượng khảo sát là sinh viên ngành Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa.

2. Thời gian khảo sát: Từ 01/07/2018 đến 05/01/2019.

3. Kết quả:

3.1. Tổng số phiếu phát ra, thu về:

- Số phiếu phát ra: 100
- Số phiếu thu về: 92

3.2. Kết quả khảo sát:

- Lấy ý kiến khảo sát của sinh viên về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng học, giảng đường, phòng thực hành, thí nghiệm của Trường ĐH Mỏ - Địa chất Hà Nội theo các tiêu chí.

① = Rất không đồng ý ② = Không đồng ý ③ = Khá đồng ý
④ = Đồng ý ⑤ = Rất đồng ý

STT	Nội dung lấy ý kiến	Các mức độ (theo số lượng phiếu, %)				
		①	②	③	④	⑤
1	Hệ thống phòng học, giảng đường đáp ứng yêu cầu về số lượng, diện tích, chỗ ngồi	1 (1.1%)	0 (0.0%)	12 (13.0%)	48 (52.2%)	31 (33.7%)
2	Hệ thống phòng thực hành, thí nghiệm đáp ứng yêu cầu về số lượng, diện tích	0 (0.0%)	2 (2.2%)	9 (9.8%)	47 (51.1%)	34 (37.0%)
3	Các phòng học, giảng đường, phòng thực hành, thí nghiệm đảm bảo thoáng mát, đủ ánh sáng, yên tĩnh	1 (1.1%)	0 (0.0%)	8 (8.7%)	36 (39.1%)	47 (51.1%)

4	Hệ thống phòng học, giảng đường, phòng thực hành, thí nghiệm được bố trí hợp lý, thuận tiện	0 (0.0%)	1 (1.1%)	10 (10.9%)	36 (39.1%)	45 (48.9%)
5	Một cách tổng thể, bạn hài lòng với hệ thống phòng học, giảng đường, phòng thực hành, thí nghiệm của Nhà trường	0 (0.0%)	0 (0.0%)	9 (9.8%)	41 (44.6%)	42 (45.7%)

Trưởng Khoa
(Ký và ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm
Bộ môn Tự động hóa

PGS TS. Khổng Cao Phong

TS. Đặng Văn Chí

KẾT QUẢ TỔNG HỢP PHIẾU KHẢO SÁT VỀ MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CỦA HỆ THỐNG TRANG THIẾT BỊ TIN HỌC

A. Thông tin về cơ sở giáo dục khảo sát

- Tên: Trường Đại học Mỏ - Địa chất Hà Nội
- Địa chỉ: Số 18, phố Viên, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội
- Ngành khảo sát: Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa.

B. Nội dung lấy ý kiến

1. Đối tượng khảo sát: Làm việc cho nhóm đối tượng khảo sát là sinh viên ngành Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa.

2. Thời gian khảo sát: Từ 01/07/2018 đến 05/01/2019.

3. Kết quả:

3.1. Tổng số phiếu phát ra, thu về:

- Số phiếu phát ra: 100
- Số phiếu thu về: 92

3.2. Kết quả khảo sát:

- Lấy ý kiến khảo sát của sinh viên về mức độ đáp ứng của hệ thống trang thiết bị tin học của Trường ĐH Mỏ - Địa chất Hà Nội theo các tiêu chí.

① = Rất không đồng ý ② = Không đồng ý ③ = Khá đồng ý
④ = Đồng ý ⑤ = Rất đồng ý

STT	Nội dung lấy ý kiến	Các mức độ (theo số lượng phiếu, %)				
		①	②	③	④	⑤
1	Hệ thống trang thiết bị tin học (máy tính, thiết bị mạng, điểm kết nối wifi, màn chiếu, máy chiếu, máy in, và các thiết bị khác) đủ để hỗ trợ hiệu quả cho các hoạt động dạy và học	2 (2.2%)	1 (1.1%)	14 (15.2%)	52 (56.5%)	23 (25.0%)
2	Hệ thống trang thiết bị tin học (máy tính, phần mềm chuyên dụng có bản quyền và các thiết bị khác) đủ để hỗ trợ hiệu quả cho các hoạt động nghiên cứu khoa học	1 (1.1%)	3 (3.3%)	11 (12.0%)	48 (52.2%)	29 (31.5%)

3	Hệ thống trang thiết bị tin học (máy tính, phần mềm quản lý có bản quyền và các thiết bị khác) đủ để hỗ trợ hiệu quả cho các hoạt động quản lý	2 (2.2%)	1 (1.1%)	10 (10.9%)	45 (48.9%)	34 (37.0%)
4	Một cách tổng thể, bạn hài lòng với hệ thống trang thiết bị tin học của Nhà trường	0 (0.0%)	2 (2.2%)	9 (9.8%)	52 (56.5%)	29 (31.5%)

Trưởng Khoa
(Ký và ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm
Bộ môn Tự động hóa

PGS TS. Khổng Cao Phong

TS. Đặng Văn Chí

KẾT QUẢ TỔNG HỢP PHIẾU KHẢO SÁT LẤY Ý KIẾN CỦA SINH VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH CỦA CHUYÊN NGÀNH/ NGÀNH ĐÀO TẠO

A. Thông tin về cơ sở giáo dục khảo sát

- Tên: Trường Đại học Mỏ - Địa chất Hà Nội
- Địa chỉ: Số 18, phố Viên, P.Đức Thắng, Q.Bắc Từ Liêm, TP.Hà Nội
- Ngành khảo sát: Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa;

B. Nội dung lấy ý kiến

1. Đối tượng khảo sát: Làm việc cho nhóm đối tượng khảo sát là sinh viên đang học chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa.

2. Thời gian khảo sát: Từ 03/11/2015 đến 25/03/2016

3. Kết quả:

3.1. Tổng số phiếu phát ra, thu về:

- Số phiếu phát ra: 100
- Số phiếu thu về: 78

3.2. Kết quả khảo sát:

- Lấy ý kiến của sinh viên về chất lượng chương trình của chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa (Trường ĐH Mỏ - Địa chất Hà Nội) theo tiêu chí.

① = Hoàn toàn không đồng ý	② = Cơ bản không phù hợp	③ = Phân vân	④ = Cơ bản đồng ý	⑤ = Hoàn toàn đồng ý
----------------------------	--------------------------	--------------	-------------------	----------------------

STT	Tiêu chí nhận xét	Các mức độ (theo số lượng phiếu, %)				
		①	②	③	④	⑤
1.	Ngành đào tạo có mục tiêu nghề nghiệp phù hợp với yêu cầu xã hội	4 (5.1%)	2 (2.6%)	6 (7.7%)	20 (25.6%)	46 (59.0%)
2.	Chuẩn đầu ra của ngành đào tạo nêu rõ kiến thức, kỹ năng và phẩm chất người học cần đạt được	1 (1.3%)	4 (5.1%)	12 (15.4%)	36 (46.2%)	25 (32.1%)
3.	Các môn học tích hợp được kiến thức và kỹ năng theo chuẩn đầu ra của ngành đào tạo	1 (1.3%)	4 (5.1%)	12 (15.4%)	34 (43.6%)	27 (34.6%)
4.	Trình tự các môn học của ngành đào tạo được thiết lập logic	2 (2.6%)	5 (6.4%)	15 (19.2%)	33 (42.3%)	23 (29.5%)

5.	Tỷ lệ giữa lý thuyết và thực hành hợp lý	12 (15.4%)	10 (12.8%)	22 (28.2%)	18 (23.1%)	16 (20.5%)
6.	Chương trình có nhiều môn học tự chọn đáp ứng nhu cầu người học	3 (3.8%)	8 (10.3%)	24 (30.8%)	24 (30.8%)	19 (24.4%)
7.	Chương trình có các khoá phát triển kỹ năng mềm cho người học	7 (9.0%)	10 (12.8%)	27 (34.6%)	22 (28.2%)	12 (15.4%)
8.	Chương trình tích hợp phát triển các phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp cho người học	1 (1.3%)	4 (5.1%)	14 (17.9%)	35 (44.9%)	24 (30.8%)
Quá trình giảng dạy – học tập – nghiên cứu khoa học		①	②	③	④	⑤
9.	Người học có cơ hội chủ động tham gia vào quá trình học tập	2 (2.6%)	3 (3.8%)	13 (16.7%)	34 (43.6%)	26 (33.3%)
10.	Người học được cập nhật các kiến thức chuyên ngành kịp thời	2 (2.6%)	6 (7.7%)	12 (15.4%)	38 (48.7%)	20 (25.6%)
11.	Hoạt động giảng dạy đào tạo gắn với định hướng nghề nghiệp	0 (0%)	3 (3.8%)	18 (23.1%)	36 (46.2%)	21 (26.9%)
12.	Người học được rèn luyện phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề	2 (2.6%)	6 (7.7%)	18 (23.1%)	35 (44.9%)	17 (21.8%)
13.	Người học được rèn luyện phát triển tư duy phê phán	4 (5.1%)	4 (5.1%)	22 (28.2%)	33 (42.3%)	15 (19.2%)
14.	Người học được tạo điều kiện để phát triển kỹ năng làm việc độc lập	3 (3.8%)	4 (5.1%)	12 (15.4%)	39 (50.0%)	20 (25.6%)
15.	Người học được đào tạo các phương pháp liên hệ giữa lý thuyết với thực tiễn	4 (5.1%)	11 (14.1%)	19 (24.4%)	31 (39.7%)	13 (16.7%)
16.	Các đợt thực tập có thiết thực kinh nghiệm nghề nghiệp cho người học	6 (7.7%)	6 (7.7%)	13 (16.7%)	35 (44.9%)	18 (23.1%)

17.	Các trang thiết bị giảng dạy phù hợp được sử dụng hiệu quả	3 (3.8%)	7 (9.0%)	13 (16.7%)	39 (50.0%)	16 (20.5%)
18.	Các phương thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập phù hợp với tính chất và đặc thù của từng môn học	1 (1.3%)	2 (2.6%)	13 (16.7%)	41 (52.6%)	21 (26.9%)
19.	Kết quả kiểm tra đánh giá phản ánh đúng năng lực của người học	6 (7.7%)	2 (2.6%)	19 (24.4%)	32 (41.0%)	19 (24.4%)
20.	Kết quả học tập được thông báo kịp thời	9 (11.5%)	13 (16.7%)	21 (26.9%)	23 (29.5%)	12 (15.4%)
21.	Đại đa số giảng viên có phương pháp giảng dạy phù hợp	3 (3.8%)	9 (11.5%)	14 (17.9%)	31 (39.7%)	21 (26.9%)
22.	Đa số giảng viên có trình độ chuyên môn cao đáp ứng yêu cầu đào tạo	2 (2.6%)	2 (2.6%)	12 (15.4%)	34 (43.6%)	28 (35.9%)
23.	Hàng năm người học được giao lưu trực tiếp với Ban chủ nhiệm Bộ môn, BCN Khoa để phản hồi các hoạt động học tập – rèn luyện...	0 (0%)	7 (9.0%)	12 (15.4%)	26 (33.3%)	33 (42.3%)
Các hoạt động hỗ trợ cơ sở vật chất		①	②	③	④	⑤
24.	Trường có các khoá nâng cao năng lực ngoại ngữ ngoài chương trình	6 (7.7%)	7 (9.0%)	24 (30.8%)	26 (33.3%)	15 (19.2%)
25.	Trường có các khoá nâng cao trình độ công nghệ thông tin ngoài chương trình	7 (9.0%)	7 (9.0%)	28 (35.9%)	23 (29.5%)	13 (16.7%)
26.	Các yêu cầu hợp lý của người học được giải quyết kịp thời	10 (12.8%)	7 (9.0%)	20 (25.6%)	27 (34.6%)	14 (17.9%)
27.	Đại đa số cán bộ nhân viên hỗ trợ có trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu	5 (6.4%)	4 (5.1%)	13 (16.7%)	34 (43.6%)	22 (28.2%)
28.	Thư viện cung cấp đủ giáo trình, tài liệu tham khảo cho ngành đào tạo	6 (7.7%)	6 (7.7%)	19 (24.4%)	29 (37.2%)	18 (23.1%)

29.	Thư viện có đủ chỗ cho sinh viên học tập và nghiên cứu	6 (7.7%)	4 (5.1%)	12 (15.4%)	32 (41.0%)	24 (30.8%)
30.	Các hoạt động ngoại khoá hỗ trợ kiến thức cho học tập và nghiên cứu	9 (11.5%)	6 (7.7%)	24 (30.8%)	25 (32.1%)	14 (17.9%)
31.	Các hoạt động văn thể mỹ đáp ứng yêu cầu giải trí lành mạnh	7 (9.0%)	7 (9.0%)	7 (9.0%)	35 (44.9%)	22 (28.2%)
32.	Hoạt động của Đoàn TNCS HCM và Hội SV thiết thực với người học	10 (12.8%)	4 (5.1%)	17 (21.8%)	26 (33.3%)	21 (26.9%)
33.	Người học được đảm bảo các chế độ chính sách xã hội kịp thời	3 (3.8%)	0 (0%)	18 (23.1%)	39 (50.0%)	18 (23.1%)
34.	Cơ sở vật chất cho nghiên cứu, học tập đáp ứng yêu cầu ngành đào tạo	2 (2.6%)	5 (6.4%)	13 (16.7%)	38 (48.7%)	20 (25.6%)
35.	Phòng thí nghiệm/thực hành đáp ứng yêu cầu của ngành đào tạo	4 (5.1%)	1 (1.3%)	12 (15.4%)	38 (48.7%)	23 (29.5%)
Đánh giá chung		①	②	③	④	⑤
36.	Người học được trang bị kiến thức, kỹ năng hữu ích cho nghề nghiệp	4 (5.1%)	6 (7.7%)	6 (7.7%)	44 (56.4%)	18 (23.1%)
37.	Người học được bồi dưỡng về phẩm chất đạo đức nghề nghiệp	2 (2.6%)	3 (3.8%)	8 (10.3%)	43 (55.1%)	22 (28.2%)
38.	Môi trường học tập đáp ứng chuẩn mực học thuật	2 (2.6%)	4 (5.1%)	13 (16.7%)	35 (44.9%)	24 (30.8%)
39.	Bộ môn Tự động hóa là Bộ môn tin cậy về uy tín đào tạo	5 (6.4%)	0 (0%)	5 (6.4%)	31 (39.7%)	37 (47.4%)
40.	Bộ môn Tự động hóa là Bộ môn tin cậy về uy tín nghiên cứu khoa học	3 (3.8%)	1 (1.3%)	7 (9.0%)	29 (37.2%)	38 (48.7%)
41.	Sinh viên tốt nghiệp tự tin về “hành trang nghề nghiệp” được trang bị	6 (7.7%)	4 (5.1%)	23 (29.5%)	29 (37.2%)	16 (20.5%)

42.	Anh/Chị hài lòng với chất lượng đào tạo của Bộ môn Tự động hóa	4 (5.1%)	8 (10.3%)	8 (10.3%)	28 (35.9%)	30 (38.5%)
-----	--	-------------	--------------	--------------	---------------	---------------

Hà Nội, ngày tháng năm

Bộ môn Tự động hóa

Trưởng Khoa
(Ký và ghi rõ họ tên)

TS. Nguyễn Chí Tình

TS. Khổng Cao Phong

**KẾT QUẢ TỔNG HỢP PHIẾU KHẢO SÁT LẤY Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ
CỦA NGƯỜI HỌC VỀ CỔ VẤN HỌC TẬP**

A. Thông tin về cơ sở giáo dục khảo sát

- Tên: Trường Đại học Mỏ - Địa chất Hà Nội
- Địa chỉ: Số 18, phố Viên, P.Đức Thắng, Q.Bắc Từ Liêm, TP.Hà Nội
- Ngành khảo sát: Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa;

B. Nội dung lấy ý kiến

1. Đối tượng khảo sát: Làm việc cho nhóm đối tượng khảo sát là sinh viên đang học chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa.

2. Thời gian khảo sát: Từ 01/07/2018 đến 05/01/2019.

3. Kết quả:

3.1. Tổng số phiếu phát ra, thu về:

- Số phiếu phát ra: 100
- Số phiếu thu về: 66

3.2. Kết quả khảo sát:

- Lấy ý kiến của sinh viên về cổ vấn học tập của chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa (Trường ĐH Mỏ - Địa chất Hà Nội) theo tiêu chí.

① = 0-2 điểm	② = 3-4 điểm	③ = 5-6 điểm	④ = 7-8 điểm	⑤ = 9-10 điểm
--------------	--------------	--------------	--------------	---------------

STT	Tiêu chí nhận xét	Các mức độ (theo số lượng phiếu, %)				
		①	②	③	④	⑤
1.	CVHT tổ chức họp lớp đầu năm học, bầu hoặc kiện toàn ban cán sự lớp chuyên ngành, phổ biến nhiệm vụ học kỳ I và cả năm học.	1 (1,5%)	0 (0%)	11 (16,7%)	25 (37,9%)	29 (43,9%)
2.	CVHT hướng dẫn, tư vấn cho sinh viên về phương pháp học tập, cách đăng ký môn học và xây dựng kế hoạch học tập phù hợp.	2 (3%)	0 (0%)	12 (18,2%)	23 (34,8%)	29 (43,9%)
3.	CVHT kiểm tra và xác nhận tư vấn của mình trong sổ Đăng ký học tập của sinh viên.	5 (7,6%)	1 (1,5%)	12 (18,2%)	24 (36,4%)	24 (36,4%)

4.	CVHT bố trí thời gian biểu và tạo điều kiện thuận lợi để sinh viên gặp gỡ (ít nhất 2 tuần 1 lần) xin tư vấn, trao đổi về các vấn đề: học tập, rèn luyện, các vấn đề cá nhân, xã hội và nghề nghiệp (khuyến khích tư vấn, trao đổi qua internet).	7 (10,6%)	3 (4,5%)	13 (19,7%)	26 (39,4%)	17 (25,8%)
5.	CVHT tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên: phổ biến hướng dẫn thực hiện quy chế, chủ trì họp lớp và đánh giá điểm rèn luyện cho từng sinh viên.	3 (4,5%)	2 (3%)	14 (21,2%)	26 (39,4%)	21 (31,8%)
6.	CVHT khuyến khích, tạo điều kiện và tư vấn cho sinh viên tham gia các hoạt động học thuật, nghiên cứu khoa học.	2 (3%)	2 (3%)	7 (10,6%)	25 (37,9%)	30 (45,5%)
7.	CVHT khuyến khích, tạo điều kiện cho sinh viên tham gia các hoạt động văn, thể mỹ lành mạnh, bổ ích.	3 (4,5%)	0 (0%)	12 (18,2%)	29 (43,9%)	22 (33,3%)
8.	CVHT tổ chức họp lớp khi đã biết kết quả thi cuối học kỳ, tìm hiểu và giải quyết những vấn đề nảy sinh đối với sinh viên, nhắc nhở khi thấy kết quả học tập của sinh viên giảm sút.	5 (7,6%)	2 (3%)	9 (13,6%)	28 (42,4%)	22 (33,3%)

Hà Nội, ngày tháng năm

Trưởng Khoa
(Ký và ghi rõ họ tên)

Bộ môn Tự động hóa
P. Trưởng Bộ môn

PGS TS. Khổng Cao Phong

TS. Đặng Văn Chí

KẾT QUẢ TỔNG HỢP PHIẾU KHẢO SÁT CỦA NGƯỜI HỌC VỀ CÔNG TÁC TRIỂN KHAI THÔNG TIN VÀ THỰC HIỆN QUY CHẾ ĐÀO TẠO

A. Thông tin về cơ sở giáo dục khảo sát

- Tên: Trường Đại học Mỏ - Địa chất Hà Nội
- Địa chỉ: Số 18, phố Viên, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội
- Ngành khảo sát: Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa.

B. Nội dung lấy ý kiến

1. Đối tượng khảo sát: Làm việc cho nhóm đối tượng khảo sát là sinh viên ngành Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa.

2. Thời gian khảo sát: Từ 01/07/2018 đến 05/01/2019.

3. Kết quả:

3.1. Tổng số phiếu phát ra, thu về:

- Số phiếu phát ra: 100
- Số phiếu thu về: 99

3.2. Kết quả khảo sát:

- Lấy ý kiến khảo sát của sinh viên về công tác triển khai thông tin và thực hiện quy chế đào tạo của Trường Đại học Mỏ - Địa chất Hà Nội.

4. Các nội dung lấy ý kiến

4.1. Các hình thức sinh viên nhận được thông tin về đào tạo của Nhà trường

STT	Các hình thức nhận thông tin	Số lượng	%
1	Facebook	23	23.2
2	Email	4	4.0
3	Cổng thông tin điện tử về đào tạo	35	35.4
4	Văn bản theo đường công văn	1	1.0
5	Tất cả các hình thức trên	4	4.0
6	Cả facebook và email	5	5.1
7	Cả facebook và cổng thông tin điện tử về đào tạo	13	13.1
8	Cả email và cổng thông tin điện tử về đào tạo	14	14.2

4.2. Mức độ nhận được thông tin về đào tạo (quy chế, chương trình, lịch thi, ...) của sinh viên

STT	Mức độ nhận thông tin	Số lượng	%
1	Rất nhanh	7	7.1
2	Nhanh	62	62.6
3	Bình thường	24	24.2
4	Chậm	6	6.1

4.3. Mức độ hài lòng của sinh viên về các văn bản hướng dẫn và việc cung cấp thông tin đào tạo của Nhà trường

STT	Mức độ	Số lượng	%
1	Rất hài lòng	13	13.1
2	Hài lòng	67	67.7
3	Bình thường	19	19.2
4	Không hài lòng	0	0

4.4. Mức độ tiếp thu và hiệu chỉnh công tác triển khai thông tin và thực thi quy trình đào tạo của Nhà trường sau buổi đối thoại giữa lãnh đạo Trường với người học.

STT	Mức độ	Số lượng	%
1	Rất kịp thời	24	24.3
2	Kịp thời	73	73.7
3	Không kịp thời	2	2.0

Trưởng Khoa
(Ký và ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm
Bộ môn Tự động hóa

PGS TS. Khổng Cao Phong

TS. Đặng Văn Chí

KẾT QUẢ TỔNG HỢP PHIẾU KHẢO SÁT CỦA NGƯỜI HỌC VỀ CÔNG TÁC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

A. Thông tin về cơ sở giáo dục khảo sát

- Tên: Trường Đại học Mỏ - Địa chất Hà Nội
- Địa chỉ: Số 18, phố Viên, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội
- Ngành khảo sát: Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa.

B. Nội dung lấy ý kiến

1. Đối tượng khảo sát: Làm việc cho nhóm đối tượng khảo sát là sinh viên ngành Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa.

2. Thời gian khảo sát: Từ 01/07/2018 đến 05/01/2019.

3. Kết quả:

3.1. Tổng số phiếu phát ra, thu về:

- Số phiếu phát ra: 100
- Số phiếu thu về: 97

3.2. Kết quả khảo sát:

- Lấy ý kiến khảo sát của sinh viên về công tác thực hiện chính sách xã hội của Trường Đại học Mỏ - Địa chất - Hà Nội.

4. Các nội dung lấy ý kiến

4.1. Mức độ hài lòng của sinh viên với công tác thực hiện chế độ chính sách của Nhà trường

STT	Mức độ hài lòng	Số lượng	%
1	Rất hài lòng	27	27.8
2	Hài lòng	52	53.6
3	Cơ bản hài lòng	16	16.5
4	Không hài lòng	2	2.1

4.2. Mức độ hài lòng của sinh viên với những hướng dẫn của phòng Công tác sinh viên về triển khai chính sách xã hội

STT	Mức độ hài lòng	Số lượng	%
-----	-----------------	----------	---

1	Rất hài lòng	11	11.3
2	Hài lòng	60	61.9
3	Cơ bản hài lòng	26	26.8
4	Không hài lòng	0	0

4.3. Mức độ hiểu biết của sinh viên về thủ tục cần thực hiện khi thực hiện thủ tục miễn, giảm học phí

STT	Mức độ hiểu biết	Số lượng	%
1	Hiểu rất rõ	23	23.7
2	Hiểu	66	68.1
3	Hiểu một cách hạn chế	7	7.2
4	Không hiểu	1	1.0

4.4. Mức độ phổ biến về thực hiện chính sách xã hội cho sinh viên vào các đợt sinh hoạt lớp và Tuần sinh hoạt công dân sinh viên đầu mỗi học kỳ

STT	Mức độ hiểu biết	Số lượng	%
1	Phổ biến rất chi tiết	28	28.9
2	Phổ biến chi tiết	60	61.8
3	Phổ biến khái lược	9	9.3
4	Không được phổ biến	0	0

Trưởng Khoa
(Ký và ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm
Bộ môn Tự động hóa

PGS TS. Khổng Cao Phong

TS. Đặng Văn Chí

KẾT QUẢ TỔNG HỢP PHIẾU KHẢO SÁT VỀ
CHUẨN ĐẦU RA VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

A. Thông tin về cơ sở giáo dục khảo sát

- Tên: Trường Đại học Mỏ - Địa chất Hà Nội
- Địa chỉ: Số 18, phố Viên, P.Đức Thắng, Q.Bắc Từ Liêm, TP.Hà Nội
- Ngành khảo sát: Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa;

B. Nội dung lấy ý kiến

1. Đối tượng khảo sát: Làm việc cho nhóm đối tượng khảo sát là cựu sinh viên ngành Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa, giảng viên, cán bộ trường đại học có chuyên ngành liên quan, nhà khoa học chuyên môn.

2. Thời gian khảo sát: Từ 15/07/2015 đến 10/03/2016

3. Kết quả:

3.1. Tổng số phiếu phát ra, thu về:

- Số phiếu phát ra: 100
- Số phiếu thu về: 71

3.2. Kết quả khảo sát:

Lấy ý kiến về mức độ phù hợp, mức độ cần thiết của chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa (Trường ĐH Mỏ - Địa chất Hà Nội).

3.2.1. KHẢO SÁT GÓP Ý VỀ CHUẨN ĐẦU RA

A. NHẬN XÉT CHI TIẾT

Các yêu cầu của chuẩn đầu ra		Mức độ cần thiết (Theo số lượng phiếu, %)			Mức độ phù hợp (Theo số lượng phiếu, %)		
		Không cần thiết	Bình thường	Cần thiết	Không phù hợp	Bình thường	Phù hợp
1	Yêu cầu về kiến thức						
1.1.	Kiến thức giáo dục đại cương	6 (8.5%)	39 (54.9%)	26 (36.6%)	7 (9.9%)	35 (49.3%)	29 (40.8%)
1.2	Kiến thức cơ sở ngành	4 (5.6%)	28 (39.4%)	39 (54.9%)	4 (5.6%)	26 (36.6%)	41 (57.7%)
1.3	Kiến thức chuyên ngành	2 (2.8%)	28 (39.4%)	41 (57.7%)	2 (2.8%)	30 (42.3%)	39 (54.9%)

2	Yêu cầu về kĩ năng nghề nghiệp						
2.1	Kĩ năng lập luận nghề nghiệp, phát hiện và giải quyết vấn đề	1 (1.4%)	28 (39.4%)	42 (59.2%)	1 (1.4%)	29 (40.8%)	41 (57.7%)
2.2	Kĩ năng lập luận nghề nghiệp, phát hiện và giải quyết vấn đề	1.4 (1.4%)	39.4 (39.4%)	59.2 (59.2%)	1.4 (1.4%)	40.8 (40.8%)	57.7 (57.7%)
2.3	Kĩ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn	0 (0.0%)	31 (43.7%)	40 (56.3%)	1 (1.4%)	32 (45.1%)	38 (53.5%)
2.4	Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp	2 (2.8%)	33 (46.5%)	36 (50.7%)	1 (1.4%)	43 (60.6%)	27 (38.0%)
2.5	Kĩ năng mềm	1 (1.4%)	34 (47.9%)	36 (50.7%)	1 (1.4%)	29 (40.8%)	41 (57.7%)
2.5.1	Kĩ năng giao tiếp	0 (0.0%)	40 (56.3%)	31 (43.7%)	1 (1.4%)	37 (52.1%)	33 (46.5%)
2.5.2	Kĩ năng tự chủ	0 (0.0%)	41 (57.7%)	30 (42.3%)	1 (1.4%)	38 (53.5%)	32 (45.1%)
2.5.3	Kĩ năng làm việc theo nhóm	0 (0.0%)	23 (32.4%)	48 (67.6%)	0 (0.0%)	31 (43.7%)	40 (56.3%)
2.5.4	Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ	1 (1.4%)	23 (32.4%)	47 (66.2%)	1 (1.4%)	33 (46.5%)	37 (52.1%)
2.5.5	Kỹ năng sử dụng CNTT	1 (1.4%)	37 (52.1%)	33 (46.5%)	0 (0.0%)	36 (50.7%)	35 (49.3%)
2.5.6	Các kĩ năng mềm khác	2 (2.8%)	41 (57.7%)	28 (39.4%)	1 (1.4%)	41 (57.7%)	29 (40.8%)
3	Yêu cầu về thái độ, phẩm chất đạo đức						
3.1	Phẩm chất đạo đức cá nhân	0 (0.0%)	25 (35.2%)	46 (64.8%)	0 (0.0%)	32 (45.1%)	39 (54.9%)
3.2	Phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp	0 (0.0%)	32 (45.1%)	39 (54.9%)	0 (0.0%)	34 (47.9%)	37 (52.1%)
3.3	Phẩm chất đạo đức xã hội	0 (0.0%)	33 (46.5%)	38 (53.5%)	0 (0.0%)	37 (52.1%)	34 (47.9%)

B. NHẬN XÉT CHUNG

Tiêu chí đánh giá		Mức độ (theo số lượng phiếu, %)				
		Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý
1	Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng	29 (40.8%)	36 (50.7%)	4 (5.6%)	2 (2.8%)	0 (0.0%)
2	Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học	35 (49.3%)	28 (39.4%)	5 (7.0%)	2 (2.8%)	1 (1.4%)
3	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định cụ thể, đảm bảo tính định lượng, có thể đo lường, giám sát được	34 (47.9%)	29 (40.8%)	5 (7.0%)	2 (2.8%)	1 (1.4%)
4	Chuẩn đầu ra của ngành đào tạo bao quát được các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo	32 (45.1%)	31 (43.7%)	6 (8.5%)	1 (1.4%)	1 (1.4%)
5	Chuẩn đầu ra của ngành đào tạo phản ánh được yêu cầu và nhu cầu của các đối tượng liên quan và thị trường lao động	28 (39.4%)	35 (49.3%)	5 (7.0%)	2 (2.8%)	1 (1.4%)
6	Chuẩn đầu ra bao trùm được kiến thức và kỹ năng chung cũng như chuyên ngành	29 (40.8%)	35 (49.3%)	4 (5.6%)	2 (2.8%)	1 (1.4%)
7	Chuẩn đầu ra được diễn đạt rõ ràng, dễ hiểu	32 (45.1%)	30 (42.3%)	5 (7.0%)	3 (4.2%)	1 (1.4%)

3.2.2. KHẢO SÁT GÓP Ý VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

A. NHẬN XÉT CHI TIẾT

Tiêu chí đánh giá		Mức độ (theo số lượng phiếu, %)				
		Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý
1	Mục tiêu đào tạo	35 (49.3%)	29 (40.8%)	5 (7.0%)	2 (2.8%)	0 (0.0%)
1.1	Mục tiêu tổng quát	25 (35.2%)	38 (53.5%)	6 (8.5%)	2 (2.8%)	0 (0.0%)
1.2	Mục tiêu cụ thể	29 (40.8%)	34 (47.9%)	5 (7.0%)	3 (4.2%)	0 (0.0%)
2	Khối lượng kiến thức toàn khóa	32 (45.1%)	29 (40.8%)	6 (8.5%)	4 (5.6%)	0 (0.0%)
3	Nội dung chương trình	34 (47.9%)	28 (39.4%)	7 (9.9%)	2 (2.8%)	0 (0.0%)
3.1	Kiến thức giáo dục đại cương					
	Các môn bắt buộc	32 (45.1%)	29 (40.8%)	8 (11.3%)	2 (2.8%)	0 (0.0%)
	Các môn tự chọn	28 (39.4%)	31 (43.7%)	9 (12.7%)	3 (4.2%)	0 (0.0%)
3.2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	36 (50.7%)	29 (40.8%)	5 (7.0%)	1 (1.4%)	0 (0.0%)
3.2.1	Kiến thức cơ sở ngành và liên ngành					
	Các môn bắt buộc	33 (46.5%)	30 (42.3%)	7 (9.9%)	1 (1.4%)	0 (0.0%)
	Các môn tự chọn	24 (33.8%)	38 (53.5%)	7 (9.9%)	2 (2.8%)	0 (0.0%)
3.2.2	Kiến thức ngành					
	Các môn bắt buộc	28 (39.4%)	36 (50.7%)	6 (8.5%)	1 (1.4%)	0 (0.0%)

	Các môn tự chọn	23 (32.4%)	39 (54.9%)	7 (9.9%)	2 (2.8%)	0 (0.0%)
3.2.3	Thực tập sản xuất, thực tập tốt nghiệp	26 (36.6%)	36 (50.7%)	7 (9.9%)	2 (2.8%)	0 (0.0%)
3.2.4	Đồ án tốt nghiệp	29 (40.8%)	34 (47.9%)	5 (7.0%)	3 (4.2%)	0 (0.0%)
4	Kế hoạch học tập	24 (33.8%)	37 (52.1%)	8 (11.3%)	2 (2.8%)	0 (0.0%)
5	Mô tả nội dung và khối lượng các học phần	35 (49.3%)	30 (42.3%)	4 (5.6%)	2 (2.8%)	0 (0.0%)
6	Danh sách đội ngũ GV thực hiện chương trình	28 (39.4%)	38 (53.5%)	4 (5.6%)	1 (1.4%)	0 (0.0%)
7	Cơ sở vật chất phục vụ học tập	31 (43.7%)	35 (49.3%)	3 (4.2%)	2 (2.8%)	0 (0.0%)

B. NHẬN XÉT CHUNG

Tiêu chí đánh giá		Mức độ (theo số lượng phiếu, %)				
		Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý
1	Chương trình đào tạo được xây dựng phù hợp với chuẩn đầu ra	38 (53.5%)	29 (40.8%)	3 (4.2%)	1 (1.4%)	0 (0.0%)
2	Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng	28 (39.4%)	37 (52.1%)	4 (5.6%)	2 (2.8%)	0 (0.0%)
3	Chương trình đào tạo mềm dẻo, tạo nhiều thuận lợi cho SV	29 (40.8%)	33 (46.5%)	7 (9.9%)	2 (2.8%)	0 (0.0%)
4	Chương trình đào tạo có cấu trúc chặt chẽ, khoa học; trình tự đào tạo hợp lý	35 (49.3%)	28 (39.4%)	5 (7.0%)	3 (4.2%)	0 (0.0%)
5	Chương trình đào tạo có nội dung cập nhật và có tính tích hợp	31 (43.7%)	33 (46.5%)	4 (5.6%)	3 (4.2%)	0 (0.0%)
6	Khối lượng kiến thức toàn khóa và khối lượng từng khối kiến thức hợp lí	28 (39.4%)	35 (49.3%)	6 (8.5%)	2 (2.8%)	0 (0.0%)

7	Chương trình đào tạo có sự cân đối giữa các kiến thức và kỹ năng chung với kiến thức và kỹ năng chuyên ngành	27 (38.0%)	38 (53.5%)	4 (5.6%)	2 (2.8%)	0 (0.0%)
8	Tỷ lệ phân bố giữa lý thuyết và thực hành hợp lý	26 (36.6%)	35 (49.3%)	6 (8.5%)	4 (5.6%)	0 (0.0%)
9	Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin phản ánh được kết quả học tập dự kiến và cách thức đạt được những kết quả này	29 (40.8%)	35 (49.3%)	5 (7.0%)	2 (2.8%)	0 (0.0%)

Trưởng Khoa
(Ký và ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm
Bộ môn Tự động hóa

TS. Nguyễn Chí Tình

TS. Khổng Cao Phong

**KẾT QUẢ TỔNG HỢP PHIẾU KHẢO SÁT CỦA NGƯỜI HỌC, GIẢNG VIÊN
VỀ CHẤT LƯỢNG PHỤC VỤ CỦA PHÒNG THỰC HÀNH, THÍ NGHIỆM
BỘ MÔN TỰ ĐỘNG HÓA**

A. Thông tin về cơ sở giáo dục khảo sát

- Tên: Trường Đại học Mỏ - Địa chất Hà Nội
- Địa chỉ: Số 18, phố Viên, P. Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội
- Ngành khảo sát: Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa.

B. Nội dung lấy ý kiến

1. Đối tượng khảo sát: Làm việc cho nhóm đối tượng khảo sát là sinh viên ngành Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa, cán bộ, giảng viên trường đại học có chuyên ngành liên quan.

2. Thời gian khảo sát: Từ 01/07/2018 đến 05/01/2019.

3. Kết quả:

3.1. Tổng số phiếu phát ra, thu về:

- Số phiếu phát ra: 100
- Số phiếu thu về: 76

3.2. Kết quả khảo sát:

- Lấy ý kiến khảo sát của sinh viên, giảng viên về chất lượng phục vụ của Phòng thực hành, thí nghiệm- Bộ môn Tự động hóa (trường Đại học Địa chất -Hà Nội) theo tiêu chí.

① = Hoàn toàn không đồng ý	② = Không đồng ý	③ = Phân vân
④ = Đồng ý	⑤ = Hoàn toàn đồng ý	

STT	Nội dung lấy ý kiến	Các mức độ (theo số lượng phiếu, %)				
	Mức độ phù hợp của phòng thực hành/thí nghiệm	①	②	③	④	⑤
1	Cơ sở vật chất, máy móc, thiết bị, tài liệu và nhân sự của phòng thực hành/thí nghiệm phù hợp với chương trình đào tạo	0 (0.0%)	1 (1.3%)	4 (5.3%)	40 (52.6%)	31 (40.8%)
2	Cơ sở vật chất, máy móc, thiết bị, tài liệu và nhân sự của phòng thực hành/thí nghiệm phù hợp với công tác nghiên cứu khoa học, triển khai công nghệ	0 (0.0%)	2 (2.6%)	5 (6.6%)	37 (48.7%)	32 (42.1%)
3	Phòng thực hành/thí nghiệm có quy trình vận hành máy móc, thiết bị, các chỉ dẫn, cảnh báo rõ ràng tiện lợi	0 (0.0%)	2 (2.6%)	7 (9.2%)	35 (46.1%)	32 (42.1%)

4	Phòng thực hành/thí nghiệm phục vụ hiệu quả cho chuẩn bị bài giảng, bài thực hành/thí nghiệm.	0 (0.0%)	1 (1.3%)	6 (7.9%)	32 (42.1%)	37 (48.7%)
5	Cơ sở vật chất, máy móc, thiết bị, tài liệu phù hợp với trình độ sử dụng của sinh viên và giáo viên	0 (0.0%)	2 (2.6%)	8 (10.5%)	28 (36.8%)	38 (50.0%)
6	Cơ sở vật chất, máy móc, thiết bị phù hợp cho việc bảo dưỡng, quản lý	1 (1.3%)	3 (3.9%)	12 (15.8%)	34 (44.7%)	26 (34.2%)
7	Cơ sở vật chất, máy móc, thiết bị sử dụng được lâu dài	2 (2.6%)	4 (5.3%)	12 (15.8%)	33 (43.4%)	25 (32.9%)
8	Cơ sở vật chất, máy móc, thiết bị khi sử dụng mang lại hiệu quả cao	0 (0.0%)	3 (3.9%)	9 (11.8%)	37 (48.7%)	27 (35.5%)
Nội dung bài thực hành/thí nghiệm		①	②	③	④	⑤
9	Tài liệu hướng dẫn thực hành/thí nghiệm đầy đủ	0 (0.0%)	2 (2.6%)	9 (11.8%)	33 (43.4%)	32 (42.1%)
10	Mục tiêu của các bài thực hành/thí nghiệm được giới thiệu rõ ràng, đầy đủ phù hợp với chương trình đào tạo	0 (0.0%)	1 (1.3%)	7 (9.2%)	36 (47.4%)	32 (42.1%)
11	Nội dung các bài thực hành/thí nghiệm phù hợp với mục tiêu đã giới thiệu	0 0.0	1 (1.3%)	9 (11.8%)	37 (48.7%)	29 (38.2%)
12	Nội dung các bài thực hành/thí nghiệm phù hợp so với thời lượng được bố trí trong chương trình đào tạo	0 0.0	2 (2.6%)	6 (7.9%)	30 (39.5%)	38 (50.0%)
Giảng viên (GV)		①	②	③	④	⑤
13	Thường xuyên có mặt ở phòng thực hành/thí nghiệm để giải quyết các tình huống	0 (0.0%)	1 (1.3%)	7 (9.2%)	33 (43.4%)	35 (46.1%)
14	Theo dõi, hỗ trợ sinh viên nhiệt tình trong quá trình thực hành/thí nghiệm	0 (0.0%)	1 (1.3%)	5 (6.6%)	32 (42.1%)	38 (50.0%)
15	Sẵn sàng và giải đáp thắc mắc cho sinh viên trong quá trình thực hành, thí nghiệm	0 (0.0%)	1 (1.3%)	6 (7.9%)	33 (43.4%)	36 (47.4%)
Kỹ thuật viên (KTV)		①	②	③	④	⑤
16	Chuẩn bị tốt và giao nhận dụng cụ thực hành/thí nghiệm thuận lợi	0 (0.0%)	2 (2.6%)	5 (6.6%)	37 (48.7%)	32 (42.1%)

17	Thường xuyên có mặt ở phòng thực hành/thí nghiệm để hỗ trợ sinh viên khi cần thiết	0 (0.0%)	1 (1.3%)	5 (6.6%)	31 (40.8%)	39 (51.3%)
18	Sẵn sàng và hỗ trợ tốt cho sinh viên khi được yêu cầu	0 (0.0%)	2 (2.6%)	7 (9.2%)	32 (42.1%)	35 (46.1%)
19	Các thao tác mẫu (nếu có) chính xác	0 (0.0%)	1 (1.3%)	8 (10.5%)	30 (39.5%)	37 (48.7%)
Cơ sở vật chất phục vụ thực hành		①	②	③	④	⑤
20	Phòng thực hành/thí nghiệm có đủ chỗ cho sinh viên thực hành	1 (1.3%)	2 (2.6%)	8 (10.5%)	35 (46.1%)	30 (39.5%)
21	Các dụng cụ, máy móc, trang thiết bị phù hợp, đáp ứng được yêu cầu của các bài thực hành/thí nghiệm	0 (0.0%)	2 (2.6%)	6 (7.9%)	39 (51.3%)	29 (38.2%)
22	Hóa chất, nguyên vật liệu thực hành/thí nghiệm được trang bị đầy đủ	0 (0.0%)	3 (3.9%)	8 (10.5%)	31 (40.8%)	34 (44.7%)
23	Nhà trường có trang bị các phương tiện, thiết bị bảo hộ, phòng chống độc	0 (0.0%)	2 (2.6%)	10 (13.2%)	28 (36.8%)	36 (47.4%)
24	Phòng thực hành/thí nghiệm được ngăn nắp	0 (0.0%)	2 (2.6%)	8 (10.5%)	39 (51.3%)	27 (35.5%)
25	Phòng thực hành/thí nghiệm có nội quy, quy chế rõ ràng	0 (0.0%)	1 (1.3%)	4 (5.3%)	31 (40.8%)	40 (52.6%)
Đánh giá chung		①	②	③	④	⑤
Anh/chị hài lòng với chất lượng phục vụ của phòng thực hành/thí nghiệm		0 (0.0%)	0 (0.0%)	0 (0.0%)	43 (56.6%)	33 (43.4%)

Trưởng Khoa
(Ký và ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm
Bộ môn Tự động hóa

PGS TS. Khổng Cao Phong

TS. Đặng Văn Chí